

Số: 474/TTTr-UBND

Quảng Bình, ngày 19 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023 sang năm 2024 (nguồn vốn ngân sách địa phương)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023 sang năm 2024 (nguồn vốn ngân sách địa phương), cụ thể như sau:

1. Quy định về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công

Khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công: “2. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm đến ngày 31 tháng 01 năm sau. Trường hợp bất khả kháng, Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện nhưng không quá 31 tháng 12 năm sau”

2. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023 sang năm 2024

a. Tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh năm 2023 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua: 3.661.915 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách tỉnh phân bổ là 1.716.225 triệu đồng.

- Ngân sách huyện, thị xã, thành phố phân bổ là 1.945.690 triệu đồng.

Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, UBND tỉnh đã giao vốn từ đầu năm để các chủ đầu tư chủ động triển khai thực hiện sớm. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tăng cường công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc các sở ngành, địa phương, các chủ đầu tư triển khai thủ tục đầu tư và đề nghị các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công; thực hiện các thủ tục nghiệm thu, thanh

quyết toán vốn đầu tư thực hiện theo đúng quy định. Tuy nhiên, tỷ lệ giải ngân nguồn ngân sách tỉnh chưa đạt kế hoạch đề ra.

Việc giải ngân thấp do một số nguyên nhân khách quan như sau: (i) Do thời tiết mưa nhiều trong năm đã ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn của các dự án đang thi công; (ii) kế hoạch vốn 2023 phân bổ cho các dự án khởi công mới đã gặp nhiều vướng mắc về thủ tục pháp lý kéo dài: Đánh giá tác động môi trường, chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng, đền bù giải phóng mặt bằng, Phòng cháy chữa cháy, quy hoạch...

Với những nguyên nhân theo các quy định tại điểm b, c, đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công¹, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các chủ đầu tư đã có văn bản đề xuất xin kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023 sang năm 2024² để tiếp tục triển khai dự án đảm bảo tiến độ.

b. Tổng số vốn đầu tư công năm 2023 đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương sang năm 2024 với tổng số tiền: 554.721,792 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh quản lý: 375.791,417 triệu đồng.
- Nguồn vốn cấp huyện, cấp xã quản lý năm 2023 sang năm 2024 với số vốn 178.930,375 triệu đồng³ (trong đó: Ngân sách cấp huyện: 161.640,403 triệu đồng Ngân sách cấp xã: 17.289,972 triệu đồng).
- Các dự án đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương thuộc kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023⁴.

(Chi tiết danh mục dự án tại Phụ lục I, II, II.1, II.2, II.3, II.4, II.5, II.6, II.7; II.8 kèm theo).

3. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kéo dài:

Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2023 được phép kéo dài sang năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4. Xử lý trách nhiệm của chủ đầu tư

- UBND các huyện, thành phố, thị xã và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và các cơ quan liên quan về tính chính xác của các thông tin đề

¹ 1. Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau trong các trường hợp sau:

b) Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng;

c) Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau;

d) Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép".

² Với tổng số 368 công trình đề xuất kéo dài, trong đó dự án thuộc ngân sách tỉnh: 71 công trình; Dự án thuộc Ngân sách huyện, xã: 297 công trình (Ngân sách huyện 192 công trình, Ngân sách xã: 105 công trình).

³ Căn cứ báo cáo về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách huyện, xã năm 2023 sang năm 2024 của 08/8 địa phương;

⁴ Không kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 và hủy dự toán đối với ngân sách địa phương năm 2022 kéo dài sang năm 2023.

xuất xin kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn năm 2023 sang năm 2024 đã gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

- Thời gian thực hiện và giải ngân vốn của các dự án đến hết ngày 31/12/2024, yêu cầu các chủ đầu tư cam kết giải ngân hết số vốn đề xuất kéo dài theo đúng thời gian quy định. Trường hợp chủ đầu tư không giải ngân hết số vốn được phép kéo dài sẽ hủy dự toán, chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm thu xếp nguồn vốn kéo dài không giải ngân hết để hoàn thành công trình theo đúng mục tiêu đề ra. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh về số vốn kéo dài không giải ngân hết theo quy định.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Phong Phú

PHỤ LỤC I

TỔNG HỢP DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ HOẠCH 2023 DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ KEO DẠI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ

GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024

(Xem theo Tờ trình số 47/TT-UBND ngày 9 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024	Kế chi thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư năm 2023 sang năm 2024	Chủ đầu tư	12	13	14
						TMDT	Trong đó: Ngân sách tỉnh							
						Tổng số (tính cả các nguồn vốn)								
1	TỔNG SỐ					6.015.266,670	2.996.646,670	899.761,000	375.191,417					
A	Tại Nghị quyết 97/NQ-UBND ngày 12/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 3790/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh					1.014.877,670	994.877,670	393.100,000	164.128,377					
1	NGUỒN VỐN TẬP TẬP TRUNG TRONG NƯỚC					94.500,000	94.500,000	42.300,000	11.814,078					
1	Đầu tư xây dựng khu vực nghiên cứu công nghệ thông minh - Nâng cấp 4,0 tại Trung tâm Ứng dụng và Transfer Khoa học và Công nghệ Quảng Bình	Đông Hồ	2022-2024	7962814	43/NQ-UBND ngày 10/17/2021; 181/NQ-UBND ngày 01/07/2022	10.000	10.000	5.000	2.589,206		Trung tâm Ứng dụng và công nghệ			Có xác nhận kho bạc
2	Dự án Đường biển ra biển và vùng biển hợp tác giữa tỉnh Thái Bình và Việt Nam - Trong nước Khu dự trữ thiên nhiên Đông Châu - Kiên Quốc Trong	Lê Thủy	2022-2024	7961239	43/NQ-UBND ngày 10/17/2021; 133/NQ-UBND ngày 06/20/2022	12.000	12.000	5.400	896,227		BQL Khu DTNN Đông Châu - Kiên Quốc Trong			Có xác nhận kho bạc
3	Nâng cấp, sửa chữa, nhân rộng phần mềm quản lý hồ sơ của Bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Bình	Đông Hồ	2022-2024	7967487	43/NQ-UBND ngày 10/17/2021; 2133/QĐ-UBND ngày 02/08/2022	4.500	4.500	1.300	705,688		Sở NN và PT			Có xác nhận kho bạc
4	Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nhân rộng phần mềm quản lý hồ sơ dự thầu và quản lý thầu	Thành phố Đông Hồ	2022-2024	7970842	QB số 232/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	8.000	8.000	3.390	496,195		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh			Có xác nhận kho bạc
5	Chài tạo trụ và lưan việc và không việc Ủy ban MTTQ tỉnh Quảng Bình	Thành phố Đông Hồ	2022-2024	7977633	QB số 2201/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	12.000	12.000	8.000	634,393		Ủy ban MTTQ tỉnh			Có xác nhận kho bạc
6	Nâng cấp, sửa chữa và lắp đặt hệ thống Trung tâm giáo dục đặc biệt và hỗ trợ không gian - Firm tại Quảng Bình	Thành phố Đông Hồ	2022-2024	7961808	QB số 176/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	7.000	7.000	3.100	633,393		Hội Nông dân tỉnh			Có xác nhận kho bạc
7	Chài tạo, sửa chữa trụ và lưan việc Ban Dân tộc và nâng cấp hệ thống an ninh công tác dân tộc	Đông Hồ	2022-2024	7969961	43/NQ-UBND ngày 10/17/2021; 2112/QĐ-UBND ngày 02/08/2022	8.000	8.000	5.300	1.762,085		Ban Dân tộc tỉnh			Có xác nhận kho bạc
8	Hiện thực dự án Công nghệ thông tin Tỉnh Đoàn thành phố Đông Hồ	Đông Hồ	2022-2024	7948948	2531/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	25.000	25.000	9.000	3.172,615		Sở Công Thương			Có xác nhận kho bạc

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2023	Káo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Chủ đầu tư	Cáo lý do theo quy định tại các điều 8, 9, 4, 5, 6, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 04/04/2020 của Chính phủ	Yêu cầu rút tiền đợt của chủ đầu tư	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBĐT						
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
9	Sửa chữa, mở rộng trụ sở Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	Đông Hải	2022-2024	7951862	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 4295/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	10.000	10.000	1.700	924.276	Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	213/BC-ĐUK ngày 19/12/2023	Có xác nhận kho bạc	
II NGUỒN THU CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT													
1	Đầu tư xây dựng Khu kỹ thuật và điều trị liên chuyên khoa, bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023-2025	8010433	3854/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	50.000	50.000	15.000	14.444.293	Bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Dự án bị ảnh hưởng tiền do do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Dự án triển khai thi công dự án trợ giúp các (tác vụ của tư nhân ảnh hưởng đến tiến độ dự án (tại điểm 4, khoản 1, Điều 48)	109/TT-BV ngày 06/2/2024	Có xác nhận kho bạc
2	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh (cơ sở 2)	Quảng Ninh	2023-2025	8020990	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	120.000	120.000	36.000	35.867.373	Sở Y tế	Dự án bị ảnh hưởng tiền do do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Dự án triển khai theo quy định của Xếp hạng và phân bổ kinh phí trong các năm kế hoạch. Chưa có quyết định chi trả chi phí đầu tư, không kịp lúc chi trả chi phí xây dựng và giải ngân vốn năm 2023 (tại điểm 4, khoản 1, Điều 48)	340/SYT-KHHC ngày 20/02/2024	Có xác nhận kho bạc
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các Trạm y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2025	8009064	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	6.000	6.000	3.500	1.202.748	Trung tâm y tế huyện Minh Hóa	Dự án bị ảnh hưởng tiền do do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Đang triển khai thi công dự án trợ giúp các (tác vụ của tư nhân ảnh hưởng đến tiến độ dự án (tại điểm 4, khoản 1, Điều 48)	91/CV-TT-YT ngày 20/02/2024	Có xác nhận kho bạc
4	Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 3)	Đông Hải	2022-2024	7946896	55/0/QĐ-UBND ngày 01/03/2022	23.000	23.000	15.000	6.251.761	Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Quảng Bình	Dự án bị ảnh hưởng tiền do do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Trong quá trình thực hiện dự án do việc chờ một số tài liệu liên quan để tiến hành thi công và công tác thi công của công trình vẫn phải dừng lại chờ chờ đợi các thủ tục pháp lý liên quan để tiếp tục thi công, ảnh hưởng đến tiến độ thi công và giải ngân vốn trong năm 2023. (tại điểm 4, khoản 1, Điều 48)	18/BC-TTSPHCNNTT ngày 17/2/2024	Có xác nhận kho bạc
5	Cải tạo nâng cấp các hạng mục trong khuôn viên Khu làng mới Lê Thành Hầu, Thương Đảng Thần Nguyễn Hữu Cầu	Lệ Thủy	2022-2024	7992132	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 3167/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	14.947	14.947	9.000	2.900.389	Sở Văn hóa và Thể thao	Dự án bị ảnh hưởng tiền do do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Do bất khả kháng nhiều ảnh hưởng ảnh hưởng đến quá trình thi công dự án, bên cạnh đó do vướng mắc GPMB (Điều 4, khoản 1, Điều 48).	17/MSVHTT-VP ngày 01/02/2024	Có xác nhận kho bạc
6	Đường từ Km36, đường tỉnh 562 vào đến bản Niông Cù và bản Niông mới xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2022-2024	7004686	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1449/QĐ-UBND ngày 03/06/2022	25.000	25.000	15.000	4.958.531	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh	Dự án bị ảnh hưởng tiền do do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Dự án đi qua một số đoạn có rừng tự nhiên, đến ngày 21/12/2023, Thủ tướng Chính phủ có VB số 1387/TTg-NV và việc chờ thẩm định MBSDR để thực hiện Dự án nên việc triển khai thi công bị gián đoạn (tại điểm 4, khoản 1, Điều 48)	318/BC-HC ngày 03/02/2023	Đã có xác nhận KB
7	Đầu tư xây dựng Trung tâm một cửa liên thông Công an tỉnh Quảng Bình	Đông Hải	2022-2024	7004692	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1383/QĐ-UBND ngày 23/05/2022	28.000	28.000	12.000	5.430.888	Công an tỉnh	Dự án bị ảnh hưởng tiền do do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Trong quá trình thực hiện dự án do việc cấp giấy tờ sơ bộ tài liệu và thi công và công tác thi công của công trình vẫn bị chờ đợi tài liệu PCCC của phải được chính lập phương án thiết kế, do đó công trình tạm dừng thi công để chờ đợi (tại điểm 4, khoản 1, Điều 48)	1136/CAT-PH10 ngày 01/02/2024	Đã có xác nhận KB
8	Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Quốc lộ 1A đến Đồn Biên phòng Ngự Thủy và đến xã Ngự Thủy, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2022-2024	7004686	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 1798/QĐ-UBND ngày 30/06/2022	28.000	25.000	15.000	6.609.216	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh	Dự án bị ảnh hưởng tiền do do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Quá trình thực hiện công tác GPMB chỉ phí đất đai, GPMB sang cơ sở vật chất hiện tại của công trình, UBND tỉnh đã duyệt chính thức và tiến hành giải ngân trong quá trình thi công (tại điểm 4, khoản 1, Điều 48)	318/BC-HC ngày 03/02/2023	Đã có xác nhận KB

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HTT	Mã số dự án	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Chủ đầu tư	12	13	14
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
9	Đường biển ca và các hạng mục phụ trợ khu vực QL.1 Thủy	QL.1 Thủy	2023-2024	700466	42NQ-HBND ngày 10/12/2021; 32AQ-QB-UBND ngày 27/05/2022	16.000	16.000	7.700	3.506,954	BCH Quận TP. Thủ Đức	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Khu vực triển khai dự án phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về quy hoạch và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và phải tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh trật tự (tại điểm d khoản 1, Điều 48)	727/B-C-BCH ngày 20/02/2024	Đã có xác nhận KB	
10	Đoàn thể Trung đội công nhân và 08 519/08 chỉ huy Quận TP. Thủ Đức	Đông Hải	2023-2024	700466	42NQ-HBND ngày 10/12/2021; 57NQ-HBND ngày 27/05/2022	14.954	14.954	7.500	680,403	BCH Quận TP. Thủ Đức	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Khu vực triển khai dự án phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về quy hoạch và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và phải tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh trật tự (tại điểm d khoản 1, Điều 48)	727/B-C-BCH ngày 20/02/2024	Đã có xác nhận KB	
11	Đường giao liên trong khu vực cũ khu phường Bình Chánh	Bồ Trach	2023-2024	700466	42NQ-HBND ngày 10/12/2021; 32AQ-QB-UBND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	10.000	4.421,538	BCH Quận TP. Thủ Đức	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Dự án phải được thực hiện xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và phải tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh trật tự (tại điểm d khoản 1, Điều 48)	727/B-C-BCH ngày 20/02/2024	Đã có xác nhận KB	
12	Đầu tư xây dựng tuyến đường BT, XT Quận Lớn và QL.1 Quận Hóc Môn, huyện Quận Thủ Đức	Xã Quận Lớn và Quận Hóc Môn, huyện Quận Thủ Đức	2023-2025	8007356	QĐ 378A/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	15.000	15.000	3.100	1.398,780	UBND huyện Quận Thủ Đức	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Dự án phải được thực hiện xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và phải tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh trật tự (tại điểm d khoản 1, Điều 48)	52/B-C-UBND ngày 21/02/2024	Đã có xác nhận KB	
13	Đầu tư xây dựng đường sắt từ trục N2 đi các xã phía Bắc và Bắc Tây với trục B3 trước nhà máy may, huyện Quận Thủ Đức	Huyện Quận Thủ Đức	2023-2025	8001817	QĐ 340K/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	40.000	40.000	14.000	4.877,799	UBND huyện Quận Thủ Đức	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Dự án phải được thực hiện xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và phải tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh trật tự (tại điểm d khoản 1, Điều 48)	52/B-C-UBND ngày 21/02/2024	Đã có xác nhận KB	
14	Châu thôn Ba Đa, xã Nghĩa Ninh, thành phố Đông Hồ	TP. Đông Hồ	2023 - 2025	7988600	2351/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	28.000	28.000	10.000	2.535,205	UBND thành phố Đông Hồ	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Dự án phải được thực hiện xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và phải tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh trật tự (tại điểm d khoản 1, Điều 48)	245/UBND-TCKH ngày 22/02/2024	Có xác nhận theo báo	
15	Nhà thi đấu đa năng và các công trình phụ trợ thị trấn Ba Đa	Thị trấn Ba Đa	2023-2024	8048563	Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 19/09/2023 của UBND tỉnh Quận Bình Chánh	75.000	75.000	25.000	18.503,990	UBND thị trấn Ba Đa	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Dự án phải được thực hiện xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và phải tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh trật tự (tại điểm d khoản 1, Điều 48)	66/B-C-UBND ngày 21/02/2024	Có xác nhận theo báo	
16	Xây dựng Trường trung học tại xã Ba Đa	Thị trấn Ba Đa	2023-2025	8051346	Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND tỉnh Quận Bình Chánh	45.000	25.000	8.500	7.660,690	UBND thị trấn Ba Đa	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Dự án phải được thực hiện xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và phải tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh trật tự (tại điểm d khoản 1, Điều 48)	66/B-C-UBND ngày 21/02/2024	Có xác nhận theo báo	
17	Kết cấu đường sắt từ thị trấn Hố Hoa Sơn, huyện Minh Hòa	Huyện Minh Hòa	2023-2025	8001831	Đã 3336/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	17.500	17.500	6.000	20,137	UBND huyện Minh Hòa	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Dự án phải được thực hiện xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và phải tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh trật tự (tại điểm d khoản 1, Điều 48)	127/UBND-TCKH ngày 22/02/2024	Có xác nhận theo báo	
18	Kết cấu đường sắt từ thị trấn Hố Hoa Sơn, huyện Minh Hòa	Huyện Minh Hòa	2023-2025	8006302	Đã 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	15.000	15.000	5.100	1.200,034	UBND huyện Minh Hòa	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước: Dự án phải được thực hiện xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và phải tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh trật tự (tại điểm d khoản 1, Điều 48)	127/UBND-TCKH ngày 22/02/2024	Có xác nhận theo báo	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Chức danh tư	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Chỉ chủ
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14
19	Tuyến đường ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt đi từ dân phố 2, huyện Minh Hóa	huyện Minh Hóa	2023-2025	8006301	số 3739/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	22.000	22.000	7.500	242.939	UBND huyện Minh Hóa	127/UBND-TCKH ngày 22/02/2024	Có xác nhận kho bạc
20	Tuyến đường nối đường Hai Bà Trưng dẫn Trường Mầm non số 1 thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	huyện Minh Hóa	2023-2025	8007786	số 3811/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	20.000	20.000	7.000	3.356,085	UBND huyện Minh Hóa	127/UBND-TCKH ngày 22/02/2024	Có xác nhận kho bạc
21	Tuyến đường giao thông xã Hòa Thành, huyện Minh Hóa	huyện Minh Hóa	2023-2025	8006303	số 3733/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	15.000	15.000	5.000	449,056	UBND huyện Minh Hóa	127/UBND-TCKH ngày 22/02/2024	Có xác nhận kho bạc
22	Cấp điện lưới cho các xã Tân Trạch, Thượng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Bố Trạch	2022-2024	7948949	1872/QĐ-UBND ngày 07/7/2022	110.000	110.000	67.550	16.858,587	Sở Công Thương	243/SCT-VP ngày 07/02/2024	Có xác nhận kho bạc
23	Cải tạo, sửa chữa nhà thiếu nhi Quảng Bình	Đông Hải	2023-2025	7968782	1712/QĐ-UBND ngày 23/06/2023	8.000	8.000	2.000	6,518	Nhà điều trị Quảng Bình	22/BIC-NTM ngày 22/02/2024	Có xác nhận kho bạc
24	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ trung tâm huyện đi các xã phía Đông Bắc huyện Quảng Trạch	Huyện Quảng Trạch	2023-2025	8006111	QB 3650/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	25.000	15.000	5.100	3.490,562	UBND huyện Quảng Trạch	32/BC-UBND ngày 21/02/2024	Đã có xác nhận KB
III	NGUỒN XỐ KIẾN THIẾT					24.977,000	24.977,000	12.600,000	1.883,191			
1	Nhà vệ sinh, giao viên 2 tầng, 20 phòng và hạ tầng kỹ thuật Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Tuyên Hòa	2022-2024	7957601	1369/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	9.000	9.000	4.000	234,912	Trường THCS&THPT Bắc Sơn	30/TT-TRTBC ngày 20/2/2024	Đã có xác nhận KB
2	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và công trình phụ trợ Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Lộ Thủy	2022-2024	7959999	1522/QĐ-UBND ngày 8/6/2022	8.500	8.500	5.600	19,855	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	39/TT-THPT NCT ngày 31/01/2024	Đã có xác nhận KB
3	Nhà lớp học, nhà hiệu bộ và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Trần Hưng Đạo	Lộ Thủy	2022-2024	7970042	1960/QĐ-UBND ngày 18/7/2022	7.477	7.477	3.000	1.628,424	Trường THPT Trần Hưng Đạo	41/BC-THĐ ngày 01/02/2024	Đã có xác nhận KB
IV	CHI TƯ NGUỒN THU PHÍ SỬ DỤNG KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU VỰC CỬA KHẨU					117.000,000	117.000,000	24.050,000	3.547,612			
1	Hạ tầng KCN Bắc Đông Hải (mở rộng)	Đông Hải	2022-2024	7954648	41/NC-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NC-HĐND ngày 27/2/2022 17/00/QĐ-UBND ngày 09/05/2022	60.000	60.000	18.500	2.713,692	Ban Quản lý Khu phố	168/KKT-KHĐT ngày 05/02/2024	Đã có xác nhận KB

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã dự án	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch vốn năm 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Chức danh tư	12	13	14
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh						
						7	8						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG					440.000,000	290.000,000	122.400,000	29.953,542				
1	Đầu tư mua sắm thiết bị kỹ thuật chuẩn HD cho hệ thống mạng dân xuất成章 trong tỉnh và nâng cao năng lực quản lý của ĐHT và TTHT Quảng Bình	Đông Hà	2022-2024	7995615	43NQ-HBND ngày 10/12/2021; 231LB-UBND ngày 18/04/2022	25.000	25.000	9.900	1.011,340	ĐHT PT&ĐT Quảng Bình		63/CV-PTHT ngày 03/02/2023	ĐHT có xác nhận KB
2	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng UBND tỉnh	Đông Hà	2022-2024	7997121	336QB-UBND ngày 01/12/2022	30.000	30.000	19.000	5.802,404	VP UBND tỉnh		62/B-C-VPUBND ngày 06/02/2024	ĐHT có xác nhận KB
3	Nâng cấp cơ sở vật chất và đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh	Đông Hà	2022-2024	8013214	97QB-UBND ngày 10/12/2022; 851/QĐ-UBND ngày 17/04/2023	25.000	25.000	6.000	5.893,280	VP Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh nhân dân tỉnh		47/B-C-VP ngày 05/02/2024	Có xác nhận Kho bạc
4	Đầu tư mua sắm thiết bị kỹ thuật chuẩn HD cho hệ thống mạng dân xuất成章 trong tỉnh và nâng cao năng lực quản lý của ĐHT và TTHT Quảng Bình	Huyện Quảng Trạch	2023-2025	8001817	QB 340QB-UBND ngày 11/01/2022	40.000	40.000	10.000	10.000,000	UBND huyện Quảng Trạch		52/B-C-UBND ngày 21/02/2024	Có xác nhận Kho bạc
5	Đường đi nông thôn mới Đường Hồ Chí Minh vào Khu dân phố mới xã Trần Mỹ (GD)	Bố Trạch	2022-2024	7941145	56QB-UBND ngày 11/01/2022	20.000	20.000	10.500	851,470	Sở Du lịch		189/SĐL-VP ngày 20/02/2024	Có xác nhận Kho bạc
6	Đầu tư mua sắm thiết bị kỹ thuật chuẩn HD cho hệ thống mạng dân xuất成章 trong tỉnh và nâng cao năng lực quản lý của ĐHT và TTHT Quảng Bình	Các xã Tân Thủy, Mã Thủy, Trường Thủy	2022-2024	7946239	2246QB-UBND ngày 18/02/2022	37.000	37.000	21.000	4.309,077	Trung tâm Nucleo sách và VSMT nông thôn		71/TTN-KHKT ngày 06/02/2024 của Trung tâm nước sạch và VSMT NT	Có xác nhận Kho bạc

12: Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước được. Trong phạm vi dự án có vướng nhiễu liên quan đến quy trình GPMB, tuy nhiên các bộ phận chuyên môn đã chỉ ra các vướng mắc và hướng dẫn giải quyết, đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan để giải quyết vướng mắc kịp thời, đảm bảo tiến độ dự án (tại điểm 4 khoản 1, điều 48).

13: Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước được. Do vướng mắc thủ tục giải quyết khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến quy trình GPMB, hiện nay đã có phương án để xử lý vướng mắc theo quy định pháp luật (tại điểm 4 khoản 1, điều 48).

14: Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước được. Trong quá trình thực hiện dự án, công tác quản lý chất lượng và giám sát tiến độ thực hiện dự án chưa được thực hiện đúng quy định, dẫn đến chậm trễ tiến độ dự án (tại điểm 4 khoản 1, điều 48).

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch vốn năm 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điều a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Chi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó/Nguồn sách tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
8	Dự án Đầu tư xây dựng các tuyến đường và Quảng Xá, huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Xá, huyện Quảng Trạch	2023-2025	7994412	QB 3213/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	22.000	22.000	11.783	4.901.799	UBND huyện Quảng Trạch	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước được: Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do vướng GPMB, người dân không thể tham gia đàm phán bồi GPMB dẫn đến công tác GPMB kéo dài. Hiện nay đã có phương án đền bù tuy nhiên công tác thi công không đảm bảo tiến độ dự án. (tư liệu đ. Khoản 1 Điều 48)	52/BC-UBND ngày 21/02/2024	Có xác nhận kho bạc
9	Tuyến đường kết nối trung tâm thị xã Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch	Thị xã Ba Đồn	2023-2025	7994229	Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 29/06/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình	27.000	27.000	24.000	7.287,16	UBND thị xã Ba Đồn	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước được: Do ảnh hưởng tiêu cực mưa nhiều và chất lượng đất không đạt chuẩn kỹ thuật xây dựng hoàn thành 95% khối lượng dự án (tư liệu đ. Khoản 1, Điều 48)	66/BC-UBND ngày 21/02/2024	Có xác nhận kho bạc
10	Dự án Đầu tư xây dựng các trục đường giao thông KCN Tây Bắc Quảng Hà	Quảng Ninh	2017-2024	7892940	3307/QĐ-UBND ngày 14/10/2016; 86/QĐ-UBND ngày 23/02/2021; 1171/QĐ-UBND ngày 30/2023	57.000	57.000	5.000	2.221.809	Ban Quản lý Khu kinh tế	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước được: Trong phạm vi dự án có vướng nhiều hàng rào rào pháp GPMB, tuy nhiên các hộ gia đình xem, chọn ngày để cắt bốc hàng rào một phần thời gian, có nhiều người mất không còn nhà, thời gian đi hàng rào và xác minh. Đồng thời, tại nơi giao với Quốc lộ 1A (khu vực đường trên thành phố Đông Hải) đã có quy hoạch diêm dân nhỏ, tuy nhiên chủ tư dự định chung diêm dân nhỏ liên quan đến nhiều đơn vị nên đến tháng 10/2023 mới hoàn thành bóc tường diêm nhỏ. Vì vậy, để nghỉ được kéo dài số vốn còn lại chưa giải ngân được do vướng mức trần chuyển sang 2024 để tiếp tục thi công hoàn thành dự án (tư liệu quy định tại điều 4, Khoản 1, Điều 48).	168/KCT-KHĐT ngày 05/02/2024	Có xác nhận kho bạc
C	Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 (Quyết định cấp giấy báo sử dụng đất)					51.000.000	51.000.000	20.500.000	3.177,942				
1	Châu vượt Bi Tân Lý, xã Minh Hòa, huyện Minh Hòa	huyện Minh Hòa	2023-2023	8007787	số 3797/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	29.000	29.000	11.500	56.355	UBND huyện Minh Hòa	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước được: Do ảnh hưởng đến kết quả phân vùng nuôi mussel vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án (Tư liệu đ. Khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP)	127/UBND-TCKH ngày 22/02/2024	Có xác nhận kho bạc
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường xã Yên Hòa	huyện Minh Hòa	2023-2023	8004594	số 3644/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	22.000	22.000	9.000	3.121,588	UBND huyện Minh Hòa	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước được: Do ảnh hưởng đến kết quả phân vùng nuôi mussel vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án (Tư liệu đ. Khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP)	127/UBND-TCKH ngày 22/02/2024	Có xác nhận kho bạc
D	Quyết định số 3316/QĐ-UBND ngày 22/11/2023					483.398.000	341.778.000	26.900.000	12.282,675				
1	NGƯỜI TRƯU TẬP TRUNG TRONG NƯỚC					25.000.000	25.000.000	9.500.000	507.374				
1	Xây dựng mới các Trạm và Chốt Kiểm lâm (Trạm Kiểm lâm Thượng Hòa, Trạm Kiểm lâm Khe Gà, Chốt Kiểm lâm Cây Ngà, Chốt Kiểm lâm 39, Chốt Kiểm lâm và Điểm dừng chân Tru Aeg)	Bộ Trạch, Minh Hòa	2022-2024	7952802	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 998/QĐ-UBND ngày 18/04/2022	25.000	25.000	9.500	507.374	BQL Vườn QG Phong Nha - Kẻ Bàng	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể lường trước được: Trong quá trình thực hiện phải di dời chướng ngại vật như cây cối, vật cản khác như hàng rào, dây thép gai, các công trình, nhà kho trên diện tích dự án nhưng quyền xây ra mưa bão, kéo dài hạn hưởng đến tiến độ thi công công trình quy định (tư liệu đ. Khoản 1, Điều 48)	115/VQG-KHĐT ngày 06/02/2024	Có xác nhận kho bạc
II	NGƯỜI TRƯU CẬP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT					458.398.000	316.778.000	17.400.000	11.775,301				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Chủ đầu tư	Viện bản đồ xuất bản của chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	TMĐT Trong đó: Ngân sách tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Dự án Hạ tầng cơ bản cấp phát triển toàn diện các lĩnh vực: An, Hạ Tầng, Quảng Bình và Quảng Trị - Thủ tục an ninh Quảng Bình	Quảng Bình	2018-2023	7545988	1769/QĐ-UBND ngày 30/5/2018; 93/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	259.650	118.030	3.000	1.032,791	Sở Kế hoạch và Đầu tư	41/BQLDA ngày 19/02/2023	Có xác nhận kho bạc	
2	Dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2017-2024	7608143	221/QĐ-UBND ngày 28/1/2015; 2681/QĐ-UBND ngày 29/9/2015; 3473/QĐ-UBND ngày 02/10/2017; 94/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	176.748	176.748	8.000	6.318,782	UBND tỉnh (BQL Dự án Môi trường và Biến đổi khí hậu Thành phố Đồng Hới)	75/BQLDA ngày 02/02/2024	Có xác nhận kho bạc	
3	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp trung tâm và các trạm y tế thuộc Trung tâm y tế huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023-2025	3514201	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	6.400	4.423,728	Trung tâm y tế huyện Tuyên Hóa	41/TTYT ngày 24/01/2024	Có xác nhận kho bạc	
E	Nghị quyết 150/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 3663/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 (Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)												
1	Nâng cấp tuyến Đường tỉnh 562	Bố Trạch	2023-2025	7986000	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 73/QĐ-UBND ngày 13/01/2023	120.000	120.000	70.000	29.275,451	Sở Giao thông Vận tải Quảng Bình	361/SGTVT-KHTH ngày 05/02/2024	Có xác nhận kho bạc	
2	Đường ven biển và Cầu Nhật Lệ 3 tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2021-2026		160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 27/NQ-HĐND ngày 29/10/2021								
	Dự án thành phần 1: Đường ven biển	Toàn tỉnh	2021-2026	7234211	1680/QĐ-UBND ngày 09/02/2021; 812/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh	2.197.000	300.000	18.500	12.412,554	Sở Giao thông Vận tải	361/SGTVT-KHTH ngày 05/02/2024	Có xác nhận kho bạc	
	Dự án thành phần 2: Cầu Nhật Lệ 3 và đường hạ tầng	Đồng Hới	2022-2026	7945470	2409/QĐ-UBND ngày 6/9/2022	1.300.000	300.000	65.000	42.499,507	Sở Kế hoạch và Đầu tư	118/BQLDA-KHTH ngày 19/02/2023	Có xác nhận kho bạc	
F	Tại Quyết định 3659/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 bổ trí công trình hoàn thành, quyết toán												
						36.962.000	36.962.000	1.356.000	678,545				

STT	Đanh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian K/C - X/T	Mã số dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2023	Kèo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Chỉ đầu tư	12	13	14	
					TMBĐT		Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)							Trong đó: Ngân sách tỉnh
1	Dự án đầu tư vốn thực hiện nghiên cứu KHCV và công nghệ phát triển công nghệ cao trong khu vực và các lĩnh vực	Đông Hòa	2019-2021	71579933	3880/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	14.552	14.552	1.108	522.082	Trung tâm Công nghệ và Công nghệ	Dự án bổ trợ vốn và cơ cấu lại nguồn vốn: Đây là nguồn vốn bổ trợ và cơ cấu lại nguồn vốn, tuy nhiên do chiếm thành phần nhỏ nên chưa giải ngân hết số vốn bổ trợ (tài khoản 1, Điều 48)	181/SKCN-VP ngày 05/02/2024; 24/CV-TTĐ/TK ngày 05/02/2024	Có xác nhận theo báo		
2	Đường liên thôn Đông Quang - Đại Sơn xã Đông Hòa, huyện Tuy Hòa	Đông Hòa	2019-2020		3967/QĐ-UBND 31/10/2017	9.910	9.910	183	91.463	UBND xã Đông Hòa	Dự án bổ trợ vốn và cơ cấu lại nguồn vốn: Đây là nguồn vốn bổ trợ và cơ cấu lại nguồn vốn, tuy nhiên do chiếm thành phần nhỏ nên chưa giải ngân hết số vốn bổ trợ (tài khoản 1, Điều 48)	89/TT-UBND ngày 22/02/2024	Có xác nhận theo báo		
3	Đường kết hợp bê tông cốt thép và ven biển và Cầu Dươn (Đầu Cầu 2)	Chánh Sơn	2020-2022		4135/QĐ-UBND 30/10/2019	12.500	12.500	65	65.000	UBND xã Chánh Sơn	Dự án bổ trợ vốn và cơ cấu lại nguồn vốn: Đây là nguồn vốn bổ trợ và cơ cấu lại nguồn vốn, tuy nhiên do chiếm thành phần nhỏ nên chưa giải ngân hết số vốn bổ trợ (tài khoản 1, Điều 48)	86/TT-UBND ngày 22/02/2024	Có xác nhận theo báo		
C	Ngôi quyết 151/NQ-UBND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 5794/QĐ-UBND ngày 16/12/2023 của UBND tỉnh					83.000.000	83.000.000	83.000.000	83.000.000						
1	Trường THCS Thăng Nhất của HQU người Việt Nam tại tỉnh Khánh Hòa	huyện Tân Hòa, tỉnh Khánh Hòa	2022-2024	8024178	535/QĐ-UBND ngày 15/03/2023	25.000	25.000	25.000	15.152.701	Sở Ngoại vụ	Dự án bổ trợ vốn và cơ cấu lại nguồn vốn: Đây là nguồn vốn bổ trợ và cơ cấu lại nguồn vốn, tuy nhiên do chiếm thành phần nhỏ nên chưa giải ngân hết số vốn bổ trợ (tài khoản 1, Điều 48)	126/SNGV-VP ngày 06/02/2024; 161/SNGV-NV ngày 20/02/2024 của Sở Ngoại vụ	Có xác nhận theo báo		
2	Hệ thống kỹ thuật tưới tiêu và phân bón cho cây trồng tại các xã và xã Đông Hòa	Đông Hòa	2022-2025		1410/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	38.000	38.000	38.000	27.460.939	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Dự án bổ trợ vốn và cơ cấu lại nguồn vốn: Đây là nguồn vốn bổ trợ và cơ cấu lại nguồn vốn, tuy nhiên do chiếm thành phần nhỏ nên chưa giải ngân hết số vốn bổ trợ (tài khoản 1, Điều 48)	127/QLĐA-KHTH ngày 19/02/2023	Có xác nhận theo báo		
3	Đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải tại KCN Tây Bắc Đông Hòa và KCN Bắc Đông Hòa	Đông Hòa	2023-2024	8033722	2997/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	20.000	20.000	20.000	19.304.810	Ban Quản lý Khu kinh tế	Dự án bổ trợ vốn và cơ cấu lại nguồn vốn: Đây là nguồn vốn bổ trợ và cơ cấu lại nguồn vốn, tuy nhiên do chiếm thành phần nhỏ nên chưa giải ngân hết số vốn bổ trợ (tài khoản 1, Điều 48)	168/SKT-KHTT ngày 05/02/2024	Có xác nhận theo báo		

PHỤ LỤC II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023 ĐO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 474/TTr-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	ĐỊA PHƯƠNG	KẾ HOẠCH 2023 KÉO DÀI SANG NĂM 2024		
		Tổng số	Cấp huyện	Cấp xã
1	Huyện Lệ Thủy	17.128.030.263	15.611.326.650	1.516.703.613
2	Huyện Quảng Ninh	393.636.534	393.636.534	
3	Thành phố Đồng Hới	77.070.296.906	67.763.763.840	9.306.533.066
4	Huyện Bố Trạch	10.876.914.000	10.876.914.000	
5	Huyện Quảng Trạch	2.356.751.000	1.815.547.000	541.204.000
6	Thị xã Ba Đồn	54.021.953.994	49.132.277.885	4.889.676.109
7	Huyện Tuyên Hóa	6.663.416.723	6.613.416.723	50.000.000
8	Huyện Minh Hóa	10.419.376.459	9.433.521.159	985.855.300
	Tổng số	178.930.375.879	161.640.403.791	17.289.972.088

Bảng số 11.1
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÈO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024

(Kèm theo tờ trình số 111/TT-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DPT: Đăng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023	Đề xuất lớn dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Chức danh tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2023/NĐ-CP ngày 06/04/2023 của Chính phủ	Quyết định giải ngân	
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TRMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trong đó: Ngân thành phố, xã, phường
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI (tại Văn bản số 248/UBND-TCKH ngày 22/02/2024)					763.267.356.000	667.678.816.000	200.052.823.575	77.078.296.906			
A	NGUỒN VỐN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ					615.283.444.000	589.496.444.000	158.715.735.000	67.763.763.840			
I	Nguồn vốn tập trung trong nước					21.431.556.000	21.421.000.000	9.688.275.000	5.096.054.000			
1	Đường nối từ bệnh viện YHCT tỉnh đến đường Phương Nam	Phường Nam Lý	2021-2023	7895747	1974/QĐ-UBND ngày 16/04/2021	3.921.000.000	3.921.000.000	3.488.275.000	3.488.275.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai hoàn thành dự án trong năm, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022; Quyết định 5922/QĐ-UBND ngày 25/12/2023
2	Đường nối đường Tôn Đức Thắng với Tr Quang Bửu đến đường Nguyễn Đăng Tuấn	Phường Nam Lý	2021-2023	7902988	2908/QĐ-UBND ngày 01/06/2021	9.000.000.000	9.000.000.000	3.400.000.000	817.755.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai hoàn thành dự án trong năm, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
3	Xây dựng nhà ăn uống, sân trường tiểu học Lộc Ninh	Xã Lộc Ninh	2021-2023	7906691	3410/QĐ-UBND ngày 24/06/2021	8.500.000.000	8.500.000.000	2.800.000.000	790.064.000	UBND TP Đồng Hới	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm làm chậm tiến độ thực hiện dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào dịp cuối năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2023
II	Nguồn vốn Quỹ đất					593.782.444.000	568.075.444.000	149.027.460.000	62.667.669.840			
1	Đường Đinh Tiên Hoàng (tên đường Lý Nam Đế và đường phía sau công an thành phố)	Phường Đồng Phú	2021-2023	7906689	3488/QĐ-UBND ngày 28/06/2021	6.000.000.000	6.000.000.000	4.259.276.000	375.907.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai hoàn thành dự án trong năm, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, d, Khoản 1, Điều 48	QĐ 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022; QĐ 3283/QĐ-UBND ngày 01/08/2023
2	Trồng cây xanh và hệ đường V8 Nguyễn Giáp	Xã Bảo Ninh	2021-2023	7942126	5908/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	25.000.000.000	25.000.000.000	11.578.000.000	3.909.622.000	UBND TP Đồng Hới	Dự án bị chậm tiến độ do vướng một bằng tài công việc; vướng dự án thi công hệ thống thoát nước do Ban QLDA môi trường và BEMCH làm chậm tiến độ; các dự án làm nghi đường, kênh mương Pailham, Foston triển khai đầu tư và thi công, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
3	Đường Phan Huy Chú (đoạn qua chi cục đo lường)	Phường Đồng Phú, phường Hải Thành	2021-2024	7892117	1237/QĐ-UBND ngày 16/03/2021	15.000.000.000	15.000.000.000	4.003.419.000	996.668.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai dự án, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 5345/QĐ-UBND ngày 27/11/2023
4	Đầu tư xây dựng đường và vỉa hè xung quanh trụ sở UBND phường Bắc Lý	Phường Bắc Lý	2022 -2024	7988575	5188/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	9.000.000.000	9.000.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	UBND TP Đồng Hới	Dự vướng mắc trong công tác trích dự chi chủ nhiệm công tác đầu tư GPMB kéo dài nên làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
5	Điện chiếu sáng bằng đèn LED cụm TTCN Thuận Đức	Xã Thuận Đức	2022 -2024	7961810	2367/QĐ-UBND ngày 15/06/2022	8.655.000.000	8.655.000.000	2.200.000.000	355.689.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong công tác đến nối hệ thống điện làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
6	Nâng cấp đường và cầu đường Phan Đăng Lưu, phường Đồng Sơn	Phường Đồng Sơn	2022 -2024	7989297	5563/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	8.500.000.000	8.500.000.000	2.930.000.000	1.932.338.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc mặt bằng di dời hệ thống điện làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022; Quyết định 5922/QĐ-UBND ngày 25/12/2023
7	Cải tạo nâng cấp kênh và hồ Bàu Dưới xã Quang Phú	Xã Quang Phú	2022 -2024	7964933	3019/QĐ-UBND ngày 06/07/2022	8.000.000.000	8.000.000.000	1.600.000.000	907.334.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022

Quyết định đầu tư												
8	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc thành đoàn (trụ sở cũ tại đường Hùng Nghị) P. Nam Lý	Phường Nam Lý	2022 - 2023	8011528	QB số 229/QB-UBND ngày 17/01/2023	3.500.000.000	3.500.000.000	900.000.000	851.784.000	UBND TP Đồng Hới	Dự án được bố trí bổ hoạch vốn để hoàn thành đầu vào số đang trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 3360/QB-UBND ngày 14/08/2023
9	Villa Hồ đường Hùng Nghị (đoạn từ công binh viện Ca Ba đến ô tô Trường Hải)	Phường Nam Lý	2022 - 2023	8029036	QB số 3098/QB-UBND ngày 23/5/2023	3.000.000.000	3.000.000.000	1.200.000.000	775.158.000	UBND TP Đồng Hới	Dự án trình khởi kiện với dự án trong năm một số Công an tỉnh Quảng bình nên phải điều chỉnh dự án làm kéo dài tiến độ thực hiện; Đồng thời dự án được bố trí bổ hoạch vốn để hoàn thành theo vào số đang trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 3560/QB-UBND ngày 14/08/2023
10	HTKT khu dân cư TDP9, P. Bắc Lý, TP Đồng Hới	Phường Bắc Lý		8017878	4806/QB-UBND ngày 10/12/2019	19.595.000.000	19.595.000.000	4.282.368.000	2.542.235.961	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 76/QB-UBND ngày 10/02/2023
11	HTKT khu dân cư thôn Trung Bình, xã Báo Ninh, TP Đồng Hới	Xã Báo Ninh		8017875	09/QB-UBND ngày 03/01/2019	39.800.000.000	39.800.000.000	6.609.430.000	5.192.917.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 5345/QB-UBND ngày 27/11/2023
12	HTKT tạo quỹ đất khu dân cư TDP10, P. Bắc Lý	Phường Bắc Lý		8017876	2998/QB-UBND ngày 18/06/2019	27.947.106.000	27.947.106.000	2.656.432.000	2.000.090.832	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 3345/QB-UBND ngày 27/11/2023
13	HTKT khu dân cư TDP4 (khu vực đất 22) phường Bắc Lý	Phường Bắc Lý		8017877	2488/QB-UBND ngày 31/05/2018	11.885.791.000	11.885.791.000	3.489.232.000	100.000.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 76/QB-UBND ngày 10/01/2023
14	HTKT khu dân cư phía sau nhà máy các sản phẩm phường Phú Hải (giải đoạn 2)	Phường Phú Hải		8064830	2223/QB-UBND ngày 27/06/2016	21.710.000.000	21.710.000.000	1.087.509.000	1.087.509.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 5345/QB-UBND ngày 27/11/2023
15	HTKT KDC phía Đông dọc đường Phong thủy, P. Đông Phú	Phường Đông Phú		8017874	2454/QB-UBND ngày 12/08/2016	90.780.000.000	90.780.000.000	21.856.593.000	1.925.328.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 76/QB-UBND ngày 10/01/2023
16	HTKT KDC thôn Sa Đông, xã Báo Ninh	Xã Báo Ninh		8064171	QB 4995/QB-UBND ngày 21/10/2022	14.995.000.000	14.995.000.000	1.589.631.000	1.589.631.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 5345/QB-UBND ngày 27/11/2023
17	HTKT khu dân cư ở khu vực sau nhà máy sản xuất nhôm	Phường Phú Hải		8064829	3281/QB-UBND ngày 24/10/2016	25.954.175.000	25.954.175.000	1.054.087.000	1.054.087.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 5345/QB-UBND ngày 27/11/2023
18	Đường vào thôn Diêm Sơn (tắt đường tránh thành phố Đồng Hới)	Xã Đức Ninh	2019 - 2023	7731363	5137/QB-UBND ngày 30/10/2028	8.500.000.000	8.500.000.000	8.301.083.000	8.301.083.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 3283/QB-UBND ngày 01/08/2022
19	Đường từ đường quy hoạch 36m vào TDP Nam Hồng	Phường Phú Hải	2020-2023	7789803	5631/QB-UBND ngày 26/06/2019	6.785.000.000	6.785.000.000	6.445.000.000	5.718.730.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 3283/QB-UBND ngày 01/08/2023
20	Trang trí đèn LED bảng biển điện lực bảng biển Bus điện bảng biển Trần Hưng Đạo - Võ Nguyên Giáp và tháp nước Đồng Mỹ	TP Đồng Hới						980.000.000	980.000.000	UBND TP Đồng Hới	Do tính chất phức tạp, cần yêu cầu cao về mặt cảnh quan, thẩm mỹ dự án, do đó thời gian chuẩn bị đầu tư triển khai chậm so với kế hoạch, dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 5345/QB-UBND ngày 27/11/2023
21	Xây dựng vỉa hè quốc lộ 1 (đoạn từ đường F325 đến công trường phía Bắc thành phố Đồng Hới)	Xã Lộc Ninh P. Bắc Lý	2023-2025	8056711	4964/QB-UBND ngày 06/11/2023	20.000.000.000	20.000.000.000	2.499.000.000	1.858.991.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong thủ tục chuẩn bị đầu tư dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã giao. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 4983/QB-UBND ngày 08/11/2023

Quyết định đầu tư												
22	Trung trí điện dọc sông Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới	Phường Đồng Hới	2023-2025	8066903	5372/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	25.000.000.000	25.000.000.000	1.250.000.000	989.636.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong thời gian chuẩn bị đầu tư dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã giao. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 5459/QĐ-UBND ngày 04/12/2023
23	Cạn công nghiệp Lộc Ninh (giai đoạn 2)	Xã Lộc Ninh	2023-2025	8063954	5160/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	35.000.000.000	35.000.000.000	974.000.000	461.367.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong thời gian chuẩn bị đầu tư dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã giao. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 5459/QĐ-UBND ngày 04/12/2023
24	Công viên Hồ Sen (phần sau trường chuyên V6 Nguyễn Giáp)	Phường Nam Lý	2023-2025	8068414	5877/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	35.000.000.000	35.000.000.000	832.000.000	493.796.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong thời gian chuẩn bị đầu tư dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã giao. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6135/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
25	Dường giao thông nội vùng TĐ dân phố 10 phường Đồng Sơn	Phường Đồng Sơn	2023-2024	8032127	2177/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	2.729.000.000	1.000.000.000	000.000.000	27.103.000	UBND phường Đồng Sơn	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đơn vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QĐ 2236/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của UBND TP
26	Xây dựng nhà văn hóa TDP II phường Đồng Sơn	Phường Đồng Sơn	2023-2024	8047474	232/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	1.500.000.000	600.000.000	600.000.000	114.714.000	UBND phường Đồng Sơn	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đơn vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QĐ 3251/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND TP
27	Xây dựng nhà văn hóa TDP III phường Đồng Sơn	Phường Đồng Sơn	2023-2024	8049540	245/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	1.800.000.000	600.000.000	600.000.000	26.314.000	UBND phường Đồng Sơn	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đơn vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QĐ 3281/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND TP
28	Đầu tư xây dựng Hội trường UBND xã Đức Nam	Xã Đức Ninh	2023-2025	8054628	4726/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	9.000.000.000	3.000.000.000	450.000.000	1.722.000	UBND xã Đức Ninh	Dự án không được bố trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ cho năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	4869/QĐ-UBND ngày 25/10/2023
29	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường và xuống thoát nước TDP 7 phường Hải Thành	Phường Hải Thành	2023-2024	7968342	3598/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	3.500.000.000	2.100.000.000	500.000.000	53.000.000	UBND phường Hải Thành	Dự án không được bố trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ cho năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 25/12/2022
30	Sửa chữa Trạm y tế phường Hải Thành	Phường Hải Thành	2023-2025	8062831	768/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	1.200.000.000	720.000.000	720.000.000	114.252.000	UBND phường Hải Thành	Dự án không được bố trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ cho năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	3282/QĐ-UBND ngày 01/8/2023
31	Kênh mương nội đồng HTX Lộc Đại xã Lộc Ninh	Xã Lộc Ninh	2022-2023	7961807	2752/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	3.000.000.000	1.800.000.000	700.000.000	98.330.000	UBND Lộc Ninh	Do án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đơn vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2023
32	Xây dựng Nhà văn hóa TDP 6 phường Nam Lý	Phường Nam Lý	2023-2024	8031118	708/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	2.000.000.000	700.000.000	700.000.000	84.690.000	UBND phường Nam Lý	Dự án không được bố trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ cho năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	3221 ngày 1/8/2023; 2430/QĐ-UBND ngày 15/6/2023
33	Xây dựng Nhà văn hóa TDP 4 phường Nam Lý	Phường Nam Lý	2023-2024	8034269	636/QĐ-UBND ngày 5/5/2023	2.000.000.000	700.000.000	700.000.000	176.093.000	UBND phường Nam Lý	Dự án không được bố trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ cho năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	3281/QĐ-UBND ngày 1/8/2023, 2430/QĐ-UBND ngày 15/6/2023
34	Xây dựng Nhà văn hóa TDP 1 phường Nam Lý	Phường Nam Lý	2023-2025	8069261	1759/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	2.000.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	UBND phường Nam Lý	Dự án không được bố trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ cho năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	3281/QĐ-UBND ngày 1/8/2023
35	Xây dựng Nhà văn hóa TDP 3 phường Nam Lý	Phường Nam Lý	2023-2025	8062819	1610/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	2.100.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	UBND phường Nam Lý	Dự án không được bố trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ cho năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	3281/QĐ-UBND ngày 1/8/2023

Quyết định đầu tư											
36	Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất cho văn hóa TDP 3 phường Nam Lý	Phường Nam Lý	2023-2024			100.000.000	100.000.000	100.000.000	UBND phường Nam Lý	Dự án không được bố trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ cho năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều c, Khoản 1, Điều 48	3281/QĐ-UBND ngày 1/8/2023
37	Xây dựng mới các tuyến đường trong khu đất thôn Tân Phú xã Quang Phú	Xã Quang Phú	2023-2025	8018551	910/QĐ-UBND ngày 22/03/2023	3.241.415.000	3.141.415.000	1.300.000.000	UBND Xã Quang Phú	Dự án không được bố trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ cho năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều c, Khoản 1, Điều 48	1173/QĐ-UBND ngày 05/04/2023
38	Xây dựng hệ thống thoát nước TDP Phú Thuận phường Phú Hải	Phường Phú Hải	2023-2023	7984501	418/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	1.880.000.000	1.300.000.000	600.000.000	UBND phường Phú Hải	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
39	Nhà vào kho thôn Trung Nghĩa 1	Xã Nghĩa Ninh	2023-2024	8059795	159/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	1.500.000.000	500.000.000	500.000.000	UBND xã Nghĩa Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều c, Khoản 1, Điều 48	2430/QĐ-UBND ngày 15/6/2023
40	Nhà vào kho thôn Thuận Hòa	Xã Nghĩa Ninh	2023-2024	8054364	135/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	1.300.000.000	500.000.000	500.000.000	UBND xã Nghĩa Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều c, Khoản 1, Điều 48	2430/QĐ-UBND ngày 15/6/2023
41	Mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa Trung Nghĩa 1, Trung Nghĩa 6, Thuận Hòa Xã Nghĩa Ninh.	Xã Nghĩa Ninh	2023	8059167	206/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	330.000.000	300.000.000	300.000.000	UBND xã Nghĩa Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều c, Khoản 1, Điều 48	2430/QĐ-UBND ngày 15/6/2023
42	Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất nhà văn hóa thôn Trung Nghĩa 3 Xã Nghĩa Ninh.	Xã Nghĩa Ninh	2023	8059168	190/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	110.000.000	100.000.000	100.000.000	UBND xã Nghĩa Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều c, Khoản 1, Điều 48	3281/QĐ-UBND ngày 01/8/2023
43	Kênh mương Cây Dừa đi đồng Thôn Thuận xã Nghĩa Ninh	Xã Nghĩa Ninh	2022-2023	7960876	264/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	944.000.000	566.000.000	283.000.000	UBND xã Nghĩa Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2023
44	Nhà thành trường và nhà bia ghi danh Nghĩa trong Lịch sử thành phố Đồng Hới	Phường Hải Thành	2023-2024	8058938	QĐ số 4953/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	Phòng LĐTB&XH TP	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều c, Khoản 1, Điều 46	1173/QĐ-UBND ngày 05/04/2023
45	Xây dựng nhà xe, các hàng rào khuôn viên nhà làm việc TT dịch vụ nông nghiệp thành phố	Xã Đốc Hải	2022-2023	7954652	QĐ số 11519/QĐ-UBND ngày 28/4/2022	1.000.000.000	1.000.000.000	480.000.000	Trung tâm DVNN TP	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
46	Hệ thống thiết bị tự tuyến phòng họp tại Trung tâm chính trị thành phố		2023-2024	8058935	QĐ số 4910/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	600.000.000	600.000.000	600.000.000	Trung tâm Chính trị thành phố	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều c, Khoản 1, Điều 48	4923/QĐ-UBND ngày 03/11/2023
47	Nâng cấp, sửa chữa đường Tô Vĩnh Diện phường Bắc Lý	TP Đồng Hới	2021-2023	7918018	5119/QĐ-UBND ngày 09/06/2021	3.200.000.000	3.200.000.000	640.000.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
48	Sửa chữa, xây dựng cầu ngang đường Trương Phúc Phiên xã Lộc Ninh	TP Đồng Hới	2021-2023	7918019	5119/QĐ-UBND ngày 09/06/2021	2.500.000.000	2.500.000.000	150.000.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
49	Nâng cấp, sửa chữa đường Hân Thuyên phường Bắc Lý	TP Đồng Hới	2021-2023	7918021	5122/QĐ-UBND ngày 09/06/2021	3.500.000.000	3.500.000.000	850.000.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022

Quyết định đầu tư												
50	Nâng cấp, các cầu đường Nguyễn Dũng phường Bắc Lý	TP Đồng Hới	2021-2023	7918022	5121/QĐ-UBND ngày 09/06/2021	2.600.000.000	2.600.000.000	220.000.000	36.023.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2023
51	Quy hoạch phân khu phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000	TP Đồng Hới	2021-2022	7926655	QB 2731/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 (thỉnh)	2.388.000.000	2.388.000.000	1.171.600.000	870.197.800	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch chung thành phố Đồng Hới chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến đến chưa có cơ sở để nghiệm thu và giải ngân vốn trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2023
52	Quy hoạch phân khu phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000	TP Đồng Hới	2021-2023	7926657	QB 1942/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 (thỉnh)	3.260.000.000	3.260.000.000	1.782.000.000	1.293.482.000	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch chung thành phố Đồng Hới chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến đến chưa có cơ sở để nghiệm thu và giải ngân vốn trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
53	Quy hoạch phân khu khu vực phát triển xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới	TP Đồng Hới	2021-2023	7926658	QB 2453/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 (thỉnh)	1.688.000.000	1.688.000.000	682.000.000	682.000.000	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch chung thành phố Đồng Hới chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến đến chưa có cơ sở để nghiệm thu và giải ngân vốn trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2023
54	Quy hoạch phân khu khu vực phát triển xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới tỷ lệ 1/2000	TP Đồng Hới	2022-2024	7963115	QB 4775/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	4.617.000.000	4.617.000.000	2.400.000.000	404.166.475	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch chung thành phố Đồng Hới chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến đến chưa có cơ sở để nghiệm thu và giải ngân vốn trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2023
55	Quy hoạch phân khu khu vực phát triển phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới tỷ lệ 1/2000	TP Đồng Hới	2022-2024	7959758	QB 3616/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	1.380.000.000	1.380.000.000	989.000.000	682.112.780	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch chung thành phố Đồng Hới chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến đến chưa có cơ sở để nghiệm thu và giải ngân vốn trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2023
54	Quy hoạch phân khu khu vực phát triển xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới tỷ lệ 1/2000	TP Đồng Hới	2022-2024	7959759	QB 3499/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	2.431.000.000	2.431.000.000	1.300.000.000	169.686.892	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch chung thành phố Đồng Hới chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến đến chưa có cơ sở để nghiệm thu và giải ngân vốn trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2023
57	Sơn chôn thắp phục vụ công tác địa bàn phường Nam Lý	TP Đồng Hới	2022-2023	7960001	QB 2352/QĐ-UBND ngày 14/6/2022	1.260.000.000	1.200.000.000	680.000.000	15.388.909	Phòng Quản lý đô thị	Theo điểm c, điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
58	Cắm mốc giới điện chính quy hoạch chi tiết phường Hải Thành tỷ lệ 1/500	TP Đồng Hới	2023-2024	7965801	QB 2001/QĐ-UBND ngày 21/5/2022	2.700.000.000	2.700.000.000	2.060.000.000	489.944.700	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
59	Nâng cấp, sửa chữa đường nối đường Trường Chinh và đường Bãi Viên, đường nối đường Hoàng Sơn đến đường sắt TDP 11 Phường Bắc Lý	TP Đồng Hới	2022-2023	7971790	Quyết định 3969/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	3.500.000.000	3.500.000.000	2.600.000.000	142.761.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
60	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường đoạn giao nhau giữa đường Tô Vĩnh Diện và Nguyễn Dũng phường Bắc Lý	TP Đồng Hới	2022-2023	7971791	Quyết định 3968/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	3.500.000.000	3.500.000.000	2.600.000.000	419.356.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
61	Xây dựng ngăn tràn chống ngập lụt khu dân cư tổ 8 thôn Thuận Vinh xã Thuận Đức	TP Đồng Hới	2022-2023	7971792	Quyết định 3967/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	2.200.000.000	2.200.000.000	1.500.000.000	486.921.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
62	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Hoàng Văn Thụ và ngõ 309 đường Lý Thái Tổ phường Đồng Sơn	TP Đồng Hới	2022-2023	7971793	Quyết định 3970/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	4.500.000.000	4.500.000.000	3.600.000.000	89.601.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
63	Cắm biển tên đường	TP Đồng Hới	2022-2023	7991441	QB 3749/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	1.100.000.000	1.100.000.000	530.000.000	37.609.724	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022

		Quyết định đầu tư										
64	Quy hoạch phân khu khu vực phát triển xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới tỷ lệ 1/2000	Xã Quang Phú	2022-2024	8020439	QĐ 2862/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	1.327.000.000	1.327.000.000	800.000.000	436.648.000	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch chung thành phố Đồng Hới chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt chi tiết chi phí có cơ sở để nghiên cứu và giải ngân vốn trong năm. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
65	Quy hoạch phân khu khu vực phát triển đô thị phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000	Phường Bắc Nghĩa	2022-2024	7988589	QĐ 2424/QĐ-UBND ngày 08/9/2022	3.150.000.000	2.150.000.000	1.720.000.000	278.418.000	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch chung thành phố Đồng Hới chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt chi tiết chi phí có cơ sở để nghiên cứu và giải ngân vốn trong năm. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
66	Quy hoạch phân khu khu vực phát triển xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới tỷ lệ 1/2000	Xã Lộc Ninh	2022-2024	8007380	QĐ 107/QĐ-UBND ngày 17/01/2021	3.168.000.000	3.168.000.000	1.800.000.000	307.720.676	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch chung thành phố Đồng Hới chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt chi tiết chi phí có cơ sở để nghiên cứu và giải ngân vốn trong năm. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
67	Xây dựng tuyến công dân nước thải bộ phận tại khu dân cư Bắc Cầu Ngàn TDP Phố Thương phường Phú Hải	Phường Phú Hải	2023	8014793	QĐ số 365/QĐ-UBND ngày 06/2/2023	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	35.103.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	570/QĐ-UBND ngày 23/02/2023
68	Nâng cấp, cải thiện trường Nguyễn Đăng Tuấn, phường Nam Lý	TP Đồng Hới	2023-2023	8043530	QĐ số 2115/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	4.500.000.000	4.300.000.000	763.000.000	6.409.000	Phòng Quản lý đô thị	Do ảnh hưởng các thời tiết gây ngập lụt năm làm chậm tiến độ thực hiện dự án. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, d, Khoản 1, Điều 48	2393/QĐ-UBND ngày 12/6/2023
69	Cải thiện môi trường đô thị theo kế hoạch chi tiết phường Nam Lý tỷ lệ 1/500	TP Đồng Hới	2023-2024	8030733	QĐ số 984/QĐ-UBND ngày 27/3/2023	4.870.957.000	4.870.957.000	4.178.000.000	2.648.220.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6136/QĐ-UBND ngày 29/12/2022; 1033/QĐ-UBND ngày 30/3/2023
70	Cải thiện môi trường đô thị theo kế hoạch chi tiết phường Đồng Phú tỷ lệ 1/500	TP Đồng Hới	2023-2024	8030734	QĐ số 985/QĐ-UBND ngày 27/3/2023	4.661.000.000	4.861.000.000	4.860.000.000	1.812.224.700	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6136/QĐ-UBND ngày 29/12/2022; 1033/QĐ-UBND ngày 30/3/2023
71	Xây dựng cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật dịch vụ công ích thành phố	TP Đồng Hới	2023 - 2024		QĐ 4967/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	3.500.000.000	3.500.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	BQL Dịch vụ công ích TP Đồng Hới	Dự án ứng dụng CNTT có tính chất đặc thù và phức tạp cần đến quá trình thực hiện thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà thầu khi đã làm chậm tiến độ giải ngân vốn. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022; 2560/QĐ-UBND ngày 14/8/2023
8	NGÂN SÁCH XÃ					88.064.112.000	78.182.372.000	41.334.288.575	9.306.533.066			
1	UBND PHƯỜNG BẮC LÝ					14.998.000.000	14.998.000.000	7.432.200.000	20.936.000			
1	Xây dựng nhà thi đấu phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	2021-2023	7910405	QĐ 625/QĐ-UBND ngày 14/07/2021	14.998.000.000	14.998.000.000	7.432.200.000	20.936.000	UBND phường Bắc Lý	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QĐ số 986/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
11	UBND XÃ BẢO NINH					58.703.908.000	53.937.168.000	29.550.000.000	8.713.689.394			
1	Thiết bị xử chất Trầm y xã Bảo Ninh	Bảo Ninh	2023	8068491	1039/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	500.000.000	500.000.000	450.000.000	10.787.000	UBND xã Bảo Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QĐ số 1164/QĐ-UBND ngày 28/12/2023
2	Sửa các cho lớp học Trường Mầm non Bảo Ninh - Cơ sở 2	Bảo Ninh	2023-2024	8037046	535/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	950.000.000	950.000.000	950.000.000	127.404.000	UBND xã Bảo Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QĐ số 690/QĐ-UBND ngày 04/8/2023
3	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải nhà hội trường Trường Mầm non cơ sở 1 Bảo Ninh	Bảo Ninh	2023-2024	8034888	485/QĐ-UBND ngày 06/6/2023	2.202.168.000	2.202.168.000	2.200.000.000	188.671.000	UBND xã Bảo Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QĐ số 690/QĐ-UBND ngày 04/8/2023
4	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thị Định xã Bảo Ninh (đoạn từ cầu Nhật Lệ II đến ngã tư xã Bảo Ninh) Giai đoạn 1	Bảo Ninh	2020-2024	7863932	1658/QĐ-UBND ngày 22/5/2020	30.000.000.000	30.000.000.000	9.300.000.000	7.000.000.000	UBND xã Bảo Ninh	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, đến đây không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	QĐ số 17/QĐ-UBND ngày 04/01/2023
3	Nâng cấp tuyến đường giao thông thôn Mỹ Cảnh	Bảo Ninh	2022-2024	8000430	3327/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	6.151.740.000	3.385.000.000	3.250.000.000	2.202.000	UBND xã Bảo Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QĐ số 378/QĐ-UBND ngày 09/3/2023
6	Nâng cấp các tuyến đường thôn Sa Đông xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới	Bảo Ninh	2022-2024	7998328	6021/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	8.500.000.000	6.500.000.000	5.000.000.000	753.499.000	UBND xã Bảo Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QĐ số 690/QĐ-UBND ngày 04/8/2023
7	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường thôn Hà Dương xã Bảo Ninh, TP Đồng Hới	Bảo Ninh	2022-2024	8007379	3472/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	8.000.000.000	8.000.000.000	6.500.000.000	290.384.394	UBND xã Bảo Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Đề xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QĐ số 690/QĐ-UBND ngày 04/8/2023

Quyết định đầu tư												
8	Sửa chữa công cộng thôn Đông Dương xã Bảo Ninh	Bảo Ninh	2023-2024	8036430	534/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	238.556.000	UBND xã Bảo Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QB số 690/QĐ-UBND ngày 04/8/2023
9	Cấp nước sinh hoạt thôn Cửa Phú xã Bảo Ninh	Bảo Ninh	2022-2024	8002003	3366/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	1.200.000.000	1.200.000.000	700.000.000	102.186.000	UBND xã Bảo Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QB số 17/QĐ-UBND ngày 04/01/2023
III	UBND PHƯỜNG ĐÔNG SƠN					2.000.000.000	800.000.000	165.315.575	68.882.065			
1	Cải tạo, sửa chữa 02 dãy nhà làm việc trụ sở phường Đông Sơn	Phường Đông Sơn	2021-2023	7929700	QĐ 6327/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	2.000.000.000	800.000.000	163.315.575	68.882.065	UBND phường Đông Sơn	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QB số 124/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của UBND phường
IV	UBND XÃ THUẬN ĐỨC					1.200.000.000	480.000.000	488.808.000	298.245.000			
1	Sửa chữa, cải tạo dãy nhà 2 tầng Trạm Y tế xã Thuận Đức	Xã Thuận Đức	2023-2024	8066196	Số 858/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	1.200.000.000	480.000.000	480.000.000	298.245.000	UBND xã Thuận Đức	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	Số 474/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND xã Thuận Đức
V	UBND PHƯỜNG PHÚ HẢI					5.041.000.000	5.041.000.000	2.051.700.000	106.220.607			
1	Mở rộng, sửa chữa một đường và hệ thống thoát nước các tuyến đường trên địa bàn phường Phú Hải	Phường Phú Hải	2021 - 2023	7889070	QĐ số 180/QĐ-UBND ngày 13/11/2020	5.041.000.000	5.041.000.000	2.051.700.000	106.220.607	UBND phường Phú Hải	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QB số 31/QĐ-UBND ngày 17/4/2023
VI	UBND XÃ NGHĨA NINH					6.121.204.000	2.926.204.000	1.657.873.000	98.560.000			
1	Xây dựng Trảng đường Đông Thắng Thôn, Đông Đăng xã Nghĩa Ninh	Nghĩa Ninh	2022-2023	7960877	2647/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	1.011.204.000	461.204.000	326.664.000	10.921.000	UBND xã Nghĩa Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QB số 04/QĐ-UBND ngày 05/01/2023
2	Nhà văn hóa thôn Trung Nghĩa 2	Nghĩa Ninh	2022-2023	7975081	560/QĐ-UBND ngày 20/5/22	1.500.000.000	700.000.000	430.409.000	16.677.000	UBND xã Nghĩa Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QB số 04/QĐ-UBND ngày 05/01/2023
3	Nhà văn hóa thôn Trung Nghĩa 5	Nghĩa Ninh	2022-2023	7977490	561/QĐ-UBND ngày 20/5/22	1.500.000.000	700.000.000	390.000.000	8.550.600	UBND xã Nghĩa Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QB số 04/QĐ-UBND ngày 05/01/2023
4	Nhà văn hóa thôn Trung Nghĩa 1	Nghĩa Ninh	2023-2024	8059795	159/QĐ-UBND ngày 09/10/23	1.500.000.000	555.000.000	50.000.000	50.000.000	UBND xã Nghĩa Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QB số 04/QĐ-UBND ngày 05/01/2023
5	Mua sắm trang thiết bị, tài sản Hội trường A - UBND xã Nghĩa Ninh	Nghĩa Ninh	2023	8056739	200/QĐ-UBND ngày 06/11/23	500.000.000	500.000.000	450.000.000	2.412.000	UBND xã Nghĩa Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QB số 124/QĐ-UBND ngày 18/08/2023
6	Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất nhà văn hóa thôn Trung Nghĩa 3 Xã Nghĩa Ninh.	Nghĩa Ninh	2023	8059168	190/QĐ-UBND ngày 27/11/23	110.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	UBND xã Nghĩa Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	QB số 124/QĐ-UBND ngày 18/08/2023

Biểu số IL2
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
 DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024**

(Kèm theo Tờ trình số 44/TTR-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2024 của UBND nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã dự án	KC - HT	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
1	2	3	4	5		6	7	8	9	10
	HUYỆN TUYẾN HÓA (Tạp Văn bản số 230/BC-UBND ngày 22/02/2024)					108.185.692.684	34.911.766.224	12.365.814.320		
A	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ					75.189.092.000	23.853.896.000	6.613.416.723		
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG					46.051.000.000	6.282.219.000	1.247.946.223		
1	Nhà trực Trung đội dân quân cơ động huyện	BCH Quận sự huyện	7004686	2021-2023		3.050.000.000	550.000.000	27.150.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 ngày của UBND huyện
2	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Tiểu học Châu Hóa	UBND xã Châu Hóa	8021618	2023-2025		3.201.000.000	2.320.000.000	53.737.642	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 và 2121/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND huyện
3	Đường giao thông nội đồng từ nhà anh Trường ra đồng Phoc, xã Lâm Hóa	UBND xã Lâm Hóa	8006816	2023	2166/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND huyện Tuyên Hóa	000.000.000	852.219.000	13.324.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
4	Nhà làm việc UBND xã Phong Hóa	UBND xã Phong Hóa	7940366	2022-2023	QĐ số 3082/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND huyện	2.000.000.000	1.000.000.000	10.264.581	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
5	Nhà làm việc UBND xã Đồng Hóa tầng 2 (giai đoạn 2)	UBND xã Đồng Hóa	7932790	2022-2023	QĐ số 3080/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND huyện Tuyên Hóa	1.350.000.000	650.000.000	232.570.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
6	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng Trường THPTCS Văn Hóa	UBND Xã Văn Hóa		2024-2023	Chưa có QĐ PD	3.450.000.000	80.000.000	80.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2022 và 2442/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
7	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Bắc Sơn, xã Thanh Hóa	UBND Xã Thanh Hóa		2024-2025	Chưa có QĐ PD	6.300.000.000	90.000.000	90.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện
8	Cải tạo, sửa chữa hội trường và khuôn viên trụ sở UBND xã Lâm Hóa	UBND Xã Lâm Hóa		2024-2023	190/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của UBND huyện Tuyên Hóa	2.000.000.000	60.000.000	60.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 và 2442/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
9	Nhà lớp học bộ môn 6 phòng 2 tầng Khu vực lẻ, Trường tiểu học Cao Quảng (giai đoạn 1)	UBND Xã Cao Quảng		2024-2025	Chưa có QĐ PD	1.800.000.000	50.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện
10	Công ruộng su và đường hai đầu công thôn Tây Hóa	UBND Xã Mai Hóa		2024	Chưa có QĐ PD	1.100.000.000	40.000.000	40.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2022 và 2442/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện
11	Đường GTNT thôn Đại Sơn	UBND xã Đồng Hóa		2024-2025	Chưa có QĐ PD	750.000.000	40.000.000	40.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2022 của UBND huyện
12	Đường bê tông từ nhà ông Toán đến nhà ông Vy thôn Kim Ninh, xã Kim Hóa	UBND xã Kim Hóa		2024-2025	71/QĐ-UBND ngày 11/01/2024 của UBND Huyện Tuyên Hóa	750.000.000	40.000.000	40.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện
13	Nhà làm việc một của liên thông UBND thị trấn Đồng Lê	UBND huyện		2024-2025	Chưa có QĐ PD	3.500.000.000	50.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 và 2442/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện
14	Quy hoạch, giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật để xây dựng trụ sở công an các xã trên địa bàn huyện Tuyên Hóa	UBND huyện		2024-2025	Chưa có QĐ PD	4.150.000.000	90.000.000	90.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 và 2442/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện
15	Đường Giao thông nông thôn từ xóm 1 Sáo Phong đi đồng Đội Vai thôn Minh Cẩm Nội, xã Phong Hóa	UBND xã Phong Hóa		2024-2025	QĐ số 191/QĐ-UBND ngày 20/01/2024 của UBND huyện	1.800.000.000	60.000.000	60.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện
16	Nâng cấp, sửa chữa đường nội thôn Tam Đa, xã Sơn Hóa	UBND xã Sơn Hóa		2024-2025	Chưa có QĐ PD	1.900.000.000	60.000.000	60.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 và 2442/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã dự án	KC - HT	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g. Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
17	Đường nội thôn Quảng Hóa xã Lê Hóa	UBND xã Lê Hóa		2024-2025	207/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND huyện Tuyên Hóa	1.300.000.000	50.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện
18	Nhà lớp học bộ môn 6 phòng 2 tầng Trường tiểu học Kim Lễ (giai đoạn 1)	UBND xã Kim Hóa		2024-2025	Chưa có QĐ PD	1.000.000.000	50.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 và 2442/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện
19	Nâng cấp kênh mương Huyện Thủy	UBND xã Thạch Hóa		2024-2025	Chưa có QĐ PD	1.300.000.000	50.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND huyện
20	Trụ sở làm việc UBND xã Hương Hóa (Tầng 2)	UBND xã Hương Hóa		2024-2025	Chưa có QĐ PD	1.850.000.000	50.000.000	60.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện
21	Nhà văn hóa thôn Bàu, xã Tiên Hóa	UBND xã Tiên Hóa		2024-2025	Chưa có QĐ PD	1.700.000.000	40.000.000	40.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện
11	VỐN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT					29.138.092.000	17.570.877.906	5.366.378.500		
1	Xây dựng Trường Mầm non Tân Thủy, xã Kim Hóa	UBND xã Kim Hóa	7959462	2022-2023	893/QĐ-UBND ngày 02/06/2022 của UBND Huyện Tuyên Hóa	3.700.000.000	1.900.000.000	1.481.075.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
2	Đường và cầu Quảng Hôn - Hợp Tiến, xã Cao Quảng	UBND xã Cao Quảng	7932792	2022-2022	3096/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND huyện Tuyên Hóa	2.200.000.000	900.000.000	169.367.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
3	Đường nội thôn Trung Làng đến chợ Vang, xã Văn Hóa	UBND xã Văn Hóa	7999656	2023	QĐ 2217/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND huyện	1.050.000.000	1.010.000.000	25.190.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
4	Đường GTNT nội thôn Đồng Phú	UBND xã Đồng Hóa	8006814	2023-2024	2282/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND huyện Tuyên Hóa	950.000.000	660.000.000	61.711.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
5	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng trường TH số 2 Đồng Lễ	UBND thị trấn Đồng Lễ	8026977	2023-2025	QĐ số 551/QĐ-UBND, ngày 04/04/2022 của UBND huyện Tuyên Hóa	3.700.000.000	3.220.000.000	78.733.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 và 2121/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND huyện
6	Xây dựng Hàng rào khuôn viên Trụ sở cơ quan Huyện ủy Tuyên Hóa	Văn phòng Huyện ủy	8024711	2023	QĐ số 618/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND huyện	848.000.000	848.000.000	46.660.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	388/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện
7	Mặt bằng Trường Tiểu học Lâm Hóa, điểm trường Bán Chuối	UBND xã Lâm Hóa	8021620	2022-2023	1965 ngày 03/11/2022 của UBND huyện Tuyên Hóa	700.000.000	700.000.000	1.584.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	388/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện
8	Tuyến đường kết nối trục chính qua khu hạ tầng Tam Đa, xã Tiên Hóa đi xã Mai Hóa	UBND xã Tiên Hóa	8008447	2023-2025	QĐ số 2381/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND huyện	2.000.000.000	2.000.000.000	521.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	388/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện
9	Nhà lớp học và phòng chức năng 2 tầng 8 phòng Trường Mầm non Hương Hóa	UBND xã Hương Hóa	7764791	202-2023		412.000.000	412.000.000	454.500	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	388/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện
10	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL 12A đến nhà ông Trần thôn Tam Đa, xã Sơn Hóa	UBND xã Sơn Hóa	8034886	2023	QĐ số 912/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND huyện	1.000.000.000	1.000.000.000	22.806.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	388/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện
11	Nhà vệ sinh tại Trung tâm Văn hóa xã Châu Hóa	UBND xã Châu Hóa	8022615	2023		300.000.000	300.000.000	3.155.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	388/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện
12	Nâng cấp, mở rộng bãi đua thuyền truyền thống huyện Tuyên Hóa	UBND xã Châu Hóa	8023744	2023		500.000.000	500.000.000	187.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	388/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã dự án	KC - HT	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
13	Quy hoạch chung xây dựng xã Sơn Hòa huyện Tuyên Hóa tỷ lệ 1/5000	UBND xã Sơn Hòa	8033278	2023	QĐ số 991/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND huyện	200.000.000	200.000.000	18.889.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	546/QĐ-UBND ngày 04/04/2023 của UBND huyện
14	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Thạch Hóa	UBND xã Thạch Hóa	8033271	2023	989/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND huyện	220.000.000	220.000.000	953.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	546/QĐ-UBND ngày 04/04/2023 của UBND huyện
15	Cải tạo sửa chữa đường nội đồng hưng mê thôn Hòa Bình	UBND xã Thạch Hóa	8065253	2023	444/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND xã Thạch Hóa	19.039.000	19.039.000	2.206.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	987/QĐ-UBND ngày 04/04/2023 của UBND huyện
16	Sau tỉ mở rộng khuôn viên khu vực thao trường, hai tập phục vụ huyện DQTV	BCH Quận sự huyện	7004686	2023		700.000.000	700.000.000	48.102.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	987/QĐ-UBND ngày 05/06/2023 của UBND huyện
17	Trồng cây xanh đô thị, thị trấn Đồng Lê	BQL các công trình công cộng huyện	7935904	2023	2910/QĐ-UBND, ngày 12/11/2021 của UBND huyện	51.838.000	51.838.000	21.058.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	987/QĐ-UBND ngày 04/04/2023 của UBND huyện
18	Đường giao thông vào khu chăn nuôi gia trại xã Đức Hóa	UBND xã Đức Hóa	8069646	2023-2024	Quyết định số 2421/QĐ-UBND, ngày 25/12/2022 của UBND huyện	287.215.000	400.000.000	287.215.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1938, ngày 18/10/2023 và 2352/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND huyện
19	Đường điện vào khu chăn nuôi gia trại xã Đức Hóa	UBND xã Đức Hóa		2025-2024	Chưa có	200.000.000	200.000.000	200.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1938, ngày 14/10/2023 và 2352/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của UBND huyện
20	Đường giao thông vào khu chăn nuôi gia trại xã Đồng Hóa	UBND xã Đồng Hóa	8069645	2023-2024	2458/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND huyện Tuyên Hóa	350.000.000	350.000.000	258.983.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1938, ngày 18/10/2023 và 2352/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND huyện
21	Đường điện vào khu chăn nuôi gia trại xã Đồng Hóa	UBND xã Đồng Hóa	8090022	2023-2024		150.000.000	150.000.000	150.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1938, ngày 18/10/2023 và 2352/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND huyện
22	Hỗ trợ xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (Nguồn vốn BTC NS tính hỗ trợ)					9.600.000.000	1.830.000.000	1.969.102.000		
*	<i>Nguồn vốn đã phân bổ chi tiết</i>					<i>4.800.000.000</i>	<i>915.000.000</i>	<i>871.102.000</i>		
22.1	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Hà Nam	UBND xã Thạch Hóa	8069787	2023-2024	488/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Thạch Hóa	300.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.2	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Dạm Thủy 1	UBND xã Thạch Hóa	8069792	2023-2024	489/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND xã Thạch Hóa	300.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.3	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Cồn Cam	UBND xã Đức Hóa	8062834	2022-2024	Quyết định số 386/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023 của UBND xã	300.000.000	70.000.000	48.046.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.4	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn 4 Đức Phú	UBND xã Đức Hóa	8062840	2023-2024	Quyết định số 385/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023 của UBND xã	300.000.000	70.000.000	48.056.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.5	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Bắc Hòa	UBND xã Mai Hóa	8069651	2023-2024	355/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND xã	300.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.6	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Tây Hòa	UBND xã Mai Hóa	8069652	2023-2024	354/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND xã	300.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.7	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Liên Hòa	UBND xã Mai Hóa	8069650	2023-2024	356/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND xã	300.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.8	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Cương Trung C	UBND xã Tiên Hóa	8070883	2023-2024	892/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND xã Tiên Hóa	300.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.9	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Trung Thủy	UBND xã Tiên Hóa	8069636	2023-2024	893/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND xã Tiên Hóa	300.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.10	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Bàu Sỏi	UBND xã Văn Hóa		2023-2024	QĐ số 298/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND xã	300.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã Dự án	KC - HT	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
22.11	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Quảng Hóa	UBND Cao Quảng		2023-2024	764/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND xã Cao Quảng	300.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.12	Nhà văn hóa thôn Lâm Lang	UBND xã Châu Hòa		2025-2024		1.500.000.000	145.000.000	145.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
b	Nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết								1.098.000.000	Do chưa xác định được nhu cầu để phân bổ chi tiết
C CẤP XÃ QUẢN LÝ						32.996.600.684	11.058.670.224	5.752.397.597		
	Nguồn vốn tập trung trung ương - Nguồn vượt thu 2023					2.232.600.000	1.708.749.184	88.570.184		
1	Xã Đức Hóa					600.000.000	76.749.184	76.749.184		
1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Cầu Cam	UBND xã Đức Hóa	8062834		Quyết định số 386/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023 của UBND xã	300.000.000	50.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	457/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND xã Đức Hóa
2	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn 4 Đức Phú	UBND xã Đức Hóa	8062840		Quyết định số 385/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023 của UBND xã	300.000.000	26.749.184	26.749.184	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	457/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND xã Đức Hóa
II	Xã Cao Quảng					1.632.000.000	1.632.000.000	11.829.000		
	Nhà văn hóa thôn Phú Xuân, xã Cao Quảng	UBND xã Cao Quảng	2023-2024	8037846	1231/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND huyện Tuyên Hóa	1.632.000.000	1.632.000.000	11.829.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	733/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND xã
	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất					30.764.600.684	9.349.921.040	5.663.819.413		
1	xã Đức Hoá					481.262.000	40.222.356	40.222.356		
1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn 4 Đức Phú	UBND xã Đức Hóa	8062840	2023 - 2024	Quyết định số 385/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023 của UBND xã	300.000.000	28.548.816	28.548.816	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	457/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND xã Đức Hóa
2	Các công trình XDDB thuộc nguồn vốn xã Đức Hoá (Quy hoạch đất giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030)	UBND xã Đức Hóa	7759072	2023 - 2024	Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	181.262.000	11.673.540	11.673.540	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	457/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND xã Đức Hóa
III	Xã Phong Hóa					270.000.000	270.000.000	270.000.000		
1	Bồi thường GPMB + San lấp mặt bằng sân thể dục trường TH Phong Hóa	UBND xã Phong Hóa		2023 - 2024	Chưa phê duyệt BCKTKT	200.000.000	200.000.000	200.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	882/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND xã Phong Hóa
2	Kinh phí trích đo địa chính khu chăn nuôi tập trung xã Phong Hóa	UBND xã Phong Hóa	7929581	2023 - 2024	Chưa phê duyệt BCKTKT	70.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	272 ngày 27/4/2023 của UBND xã Phong Hóa
III	Xã Hương Hóa					330.000.000	81.360.000	22.539.000		
1	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Tân Sơn	UBND xã Hương Hóa		2023-2024	185/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của UBND xã	300.000.000	75.000.000	16.179.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	86/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của xã Hương Hóa
2	Xây dựng hồ kè tại điểm chính Trường tiểu học Hương Hóa	UBND xã Hương Hóa	7753394	2023-2024		30.000.900	6.360.000	6.360.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	102/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của xã Hương Hóa
IV	Xã Sơn Hóa					32.000.000	32.000.000	32.600.000		
1	Nhà ở doanh trại và sinh hoạt Công an cấp xã giáp biên giới	UBND xã Sơn Hóa	7705900	2023-2024	QĐ 748/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND xã	32.000.000	32.900.000	32.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	623/QĐ - UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã Sơn Hoá
V	Thị trấn Đồng Lễ					21.446.849.000	1.596.849.000	1.165.308.373		
1	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các phòng chức năng trường mầm non Đồng Lễ	UBND TT Đồng Lễ	7938693	2021-2023	QĐ 3426/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 UBND thị trấn Đồng Lễ	20.850.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	02/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 UBND thị trấn Đồng Lễ
2	Sơn mặt ngoài nhà 02 (hai) tầng 10 phòng học tại trường THCS Đồng Lễ	UBND TT Đồng Lễ	7704011	2023		90.000.000	90.000.000	90.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	834/QĐ-UBND ngày 19/11/2023 UBND thị trấn Đồng Lễ
3	Mở rộng khuôn viên nhà văn hóa tiểu khu Tam Đồng (đợt 1)	UBND TT Đồng Lễ	7704011	2023		50.000.000	50.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	834/QĐ-UBND ngày 19/11/2023 UBND thị trấn Đồng Lễ
4	Cầu nối giữa 02 (hai) tầng, thuộc 2 dãy nhà tại trường tiểu học số 2 Đồng Lễ	UBND TT Đồng Lễ	7704011	2023		20.000.000	20.000.000	20.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	834/QĐ-UBND ngày 19/11/2023 UBND thị trấn Đồng Lễ
5	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Nguyễn Việt Xuân (đoạn nối từ dốc nhà anh Lục đến sân vận động huyện) tại tiểu khu Tam Đồng	UBND TT Đồng Lễ	8053978	2023	QĐ 750/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 UBND thị trấn Đồng Lễ	436.849.000	436.849.000	5.308.373	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	996/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 UBND thị trấn Đồng Lễ và QĐ 235/QĐ-UBND ngày 03/04/2023 của UBND thị trấn Đồng Lễ
VI	Xã Lễ Hóa					13.218.244	13.218.244	13.218.244		

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã dự án	KC - HT	Số Quyết định ngay, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
1	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu gia trại xã Lê Hóa	UBND xã Lê Hóa	7981524	2023-2024		13.218.244	13.218.244	13.218.244	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	QĐ 513/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 UBND xã Lê Hóa
VII Xã Mai Hóa						4.291.974.440	3.416.974.440	2.757.852.440		
1	Các công trình đầu tư hạ tầng và GPMB các dự án tạo quỹ đất xã Mai Hoá	UBND xã Mai Hoá	8065278	2022 - 2024		280.927.400	280.937.400	271.388.400	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	179/QĐ-UBND ngày 26/6/2023, 400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
2	Củng cố đường GTNT + rãnh thoát nước tuyến từ nhà Ông Địch thôn Đông Thuận dẫn vào trường tiểu	UBND xã Mai Hoá	8029861	2025	863/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 UBND huyện Tuyên Hóa	675.000.000	220.000.000	3.573.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
3	Xây mới Nhà làm việc trụ sở UBND xã Mai Hóa	UBND xã Mai Hoá		2023 - 2024		1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	179/QĐ-UBND ngày 26/6/2023, 400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
4	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Bắc Hóa	UBND xã Mai Hoá	8069651	2023 - 2024	355/QĐ-UBND, ngày 11/12/2023, UBND xã Mai Hóa	300.000.000	160.000.000	135.165.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND xã Mai Hóa
5	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Tây Hóa	UBND xã Mai Hóa	8069652	2023 - 2024	354/QĐ-UBND, ngày 11/12/2023, UBND xã Mai Hóa	300.000.000	160.000.000	136.681.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND xã Mai Hóa
6	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Liên Hóa	UBND xã Mai Hoá	8069650	2023 - 2024	356/QĐ-UBND, ngày 11/12/2023, UBND xã Mai Hóa	300.000.000	160.000.000	137.879.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND xã Mai Hóa
7	Hỗ trợ thôn xây dựng Khu dân cư kiểu mẫu (03 thôn)	UBND xã Mai Hoá	7721815	2023 - 2024		93.000.000	93.000.000	93.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
8	Làm biển báo giao thông đường bộ thôn Liên Hóa, Tây Hóa, Bắc Hóa phục vụ công tác xây dựng khu dân cư kiểu mẫu	UBND xã Mai Hoá	7721815	2025 - 2024		31.952.000	31.952.000	31.952.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
9	Sửa chữa kênh mương HTX Cổ Cảng	UBND xã Mai Hoá	7721815	2023 - 2024		6.000.000	6.000.000	6.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
10	Sửa chữa kênh mương HTX Xuân Mai	UBND xã Mai Hoá	7721815	2023 - 2024		13.000.000	13.000.000	13.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
11	Kinh phí hỗ trợ HTX Cổ Cảng xây dựng gian hàng sản phẩm Ocoop	UBND xã Mai Hoá	7721815	2023 - 2024		21.000.000	21.000.000	21.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
12	Kinh phí sửa chữa kênh mương trên địa bàn xã	UBND xã Mai Hoá	7721815	2023 - 2024		40.000.000	40.000.000	40.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
13	Kinh phí làm đường giao thông nông thôn	UBND xã Mai Hoá	7721815	2023 - 2024		94.587.040	94.587.040	66.147.040	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	179/QĐ-UBND ngày 26/6/2023, 400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
14	Giải phóng, san hạ mặt bằng thực hiện công trình đất ở nông thôn xã Mai Hóa	UBND xã Mai Hoá	7721815	2023 - 2024	427/QĐ-UBND, ngày 09/10/2023, UBND xã Mai Hóa	336.498.000	336.498.000	2.067.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	179/QĐ-UBND ngày 26/6/2023, 400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
VIII Xã Tiên Hóa						2.290.402.000	2.290.402.000	976.469.000		
1	Nhà vệ sinh + Sân thể dục trường Tiểu học Lê Trúc	UBND xã Tiên Hoá	8018268	2023	20/QĐ-UBND ngày 10/03/2023 của UBND xã Tiên Hóa	403.000.000	403.000.000	39.337.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	411 ngày 18/08/2023 của UBND xã
2	Cấp phối tuyến đường nội thôn Tam Đa, xã Tiên Hóa	UBND xã Tiên Hoá	8073800	2023	741/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND xã Tiên Hóa	194.045.000	194.045.000	32.744.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã dự án	KC - HT	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g Khoản 1, Điều 48, Nghị định 48/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
3	Sửa chữa phòng học khuôn viên trường THCS Tiến Hóa	UBND xã Tiến Hoá	8073801	2023	739/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND xã Tiến Hóa	211.219.000	211.219.000	211.219.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
4	Sửa chữa các phòng học trường mầm non Tiến Hóa	UBND xã Tiến Hoá	8073789	2023	738/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND xã Tiến Hóa	193.654.000	193.654.000	193.654.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
5	Sửa chữa cổng, hàng rào, thư viện, sân chơi trường Tiểu học Lê Trực	UBND xã Tiến Hoá	8073806	2023	737/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND xã Tiến Hóa	248.325.000	248.325.000	248.325.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
6	Bê tông hóa đoạn đường từ Cầu Đá đi Ngã tư trung liệt 9	UBND xã Tiến Hoá	8073802	2023	740/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND xã Tiến Hóa	305.439.000	305.439.000	38.950.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
7	Các tuyến đường cấp phối thôn Cương trang C, xã Tiến Hóa	UBND xã Tiến Hoá	8055702	2023	685/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND xã Tiến Hóa	463.687.000	463.687.000	13.168.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
8	Sửa chữa kính mương thôn Trung Thủy	UBND xã Tiến Hoá	8074383	2023	746/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND xã Tiến Hóa	187.056.000	187.056.000	187.056.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
9	Sửa chữa dẫy nhà 2 tầng 14 phòng trường Tiểu học Thanh Thủy	UBND xã Tiến Hoá	7978238	2023	149/QĐ-UBND ngày 23/07/2022 của UBND xã Tiến Hóa	77.485.000	77.485.000	5.524.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
10	Nhà vệ sinh + sửa chữa nhà hiệu bộ trường THCS Tiến Hóa	UBND xã Tiến Hoá	8001838	2023	88/QĐ-UBND ngày 11/11/2023 của UBND xã Tiến Hóa	4.302.000	4.302.000	4.302.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
11	Xây mới nhà vệ sinh giáo viên, sửa chữa nhà cấp 4 và nhà vệ sinh học sinh trường tiểu học Thanh Thủy	UBND xã Tiến Hoá	7965805	2023	55/QĐ-UBND ngày 25/07/2022 của UBND xã Tiến Hóa	2.190.000	2.190.000	2.190.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
IX Xã Cao Quảng						320.000.000	320.000.000	93.215.000		
1	Khắc phục cửa chừa hệ thống tưới tiêu xóm Phú Nguyên, xã Các Quảng	UBND xã Cao Quảng	7714187	2022-2024		90.000.000	90.000.000	90.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	số 761/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND xã
2	Xây dựng nhà trực trung đội DQCE xã Các Quảng	UBND xã Cao Quảng	8046998	2023-2024	426/QĐ-UBND ngày 22/6/2023 của UBND xã Cao Quảng	230.000.000	230.000.000	3.215.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	577/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND xã
X Xã Đồng Hóa						1.288.895.000	1.288.895.000	292.995.000		
1	Sửa chữa cổng cây Trốt thôn Thuận Hoàn	UBND xã Đồng Hóa	7713329	2023		100.000.000	100.000.000	100.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	780/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã
2	Làm nhà xe trường tiểu học Đồng Hóa	UBND xã Đồng Hóa	7713329	2023		40.000.000	40.000.000	40.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	780/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã
3	Nâng cấp bến đò chợ Cối củ	UBND xã Đồng Hóa	7713329	2023		67.000.000	67.000.000	67.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	780/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã
4	Đường nội thôn Đồng Giang	UBND xã Đồng Hóa	7713329	2023		20.000.000	20.000.000	20.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	780/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã
5	Thống kê đất đai năm 2022,2023	UBND xã Đồng Hóa	7713329	2023		8.000.000	8.000.000	8.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	780/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã
6	Đường nội thôn Đại Sơn	UBND xã Đồng Hóa	7713329	2023		20.000.000	20.000.000	20.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	780/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã
7	Đường cấp phối Lùm Đình thôn Đại Sơn	UBND xã Đồng Hóa	8054358	2023	QĐ số 481/QĐ-UBND ngày 30/08/2023 của UBND xã Đồng Hóa	470.895.000	470.895.000	27.141.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	294/QĐ-UBND ngày 15/6/2023
8	Đường cấp phối nội Đồng cá Cháo,thôn Đồng Giang	UBND xã Đồng Hóa	8045825	2023	QĐ số 383/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của UBND xã Đồng Hóa	300.000.000	300.000.000	5.872.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	289/QĐ-UBND ngày 13/6/2023
9	Bê tông sân và hàng rào hội trường thôn Đồng Phú	UBND xã Đồng Hóa	8042704	2023	QĐ số 423/QĐ-UBND ngày 08/08/2023 của UBND xã Đồng Hóa	260.000.000	260.000.000	1.982.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	312/QĐ-UBND ngày 19/6/2023
10	Thăm định cấp quyền sử dụng đất	UBND xã Đồng Hóa	7713329	2023		3.000.000	3.000.000	3.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	277/QĐ-UBND ngày 8/6/2024

Biểu số 11.3
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÈO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024
 (Kèm theo Tờ trình số 474/TT-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Công trình	Chức năng	Mã số dự án	KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điều a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	HUYỆN BỐ TRẠCH (Tại Văn bản số 253/UBND ngày 05/02/2024 của UBND huyện Bố Trạch)					37.700.000.000	7.605.000.000	11.653.000.000	10.876.914.000		
A	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ					37.700.000.000	7.605.000.000	11.653.000.000	10.876.914.000		
1	NGUỒN VỐN NS TẬP TRUNG					11.500.000.000	4.200.000.000	1.270.000.000	1.230.000.000		
1	Nhà hiệu hệ Trường TH số 4 Sơn Trạch	Thị trấn Phong Nha	7967486	2022-2024	Quyết định số 5972/QĐ-UBND ngày 06/1/2021 của UBND huyện	4.500.000.000	1.200.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết không đủ khối lượng giải ngân, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 5555/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
3	Nạo vét kênh mương từ cầu nhà Mán đến sông Rào Hầm và công Lập Luy	Huyện Bố Trạch	7911932	2021-2023	Quyết định số 3621/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND huyện	7.000.000.000	3.000.000.000	970.000.000	930.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết không đủ khối lượng giải ngân, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 5555/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
II	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT					26.280.000.000	3.405.000.000	10.383.000.000	9.646.914.000		
1	Đường giao thông từ ngã ba đường IFAD (thôn Cà) đi hướng đường Hồ Chí Minh (GB2)	Xã Hòa Trạch	8008456	2022-2024	Số 4779/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện	2.200.000.000	1.700.000.000	1.000.000.000	500.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết không đủ khối lượng giải ngân, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 5555/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
3	Hỗ trợ xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND huyện, phân bổ nguồn mục tiêu tỉnh cấp về hỗ trợ thiết chế văn hóa)							9.383.000.000	9.146.914.000		
2.1	Nguồn hỗ trợ thể chế nhà văn hóa tỉnh cấp (huyện chưa phân bổ)							7.678.000.000	7.678.000.000		
2.2	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Hòa Sơn xã Cự Năm	Xã Cự Năm	8048202	2023-2024	Số 628/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	1.500.000.000	145.000.000	145.000.000	59.988.000	Do ảnh hưởng thời tiết không đủ khối lượng giải ngân, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.3	Xây dựng mới nhà văn hóa tiểu khu 10 thị trấn Hoàn Lão	Thị trấn Hoàn Lão		2023-2025		2.000.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.4	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa tiểu khu 2 thị trấn Hoàn Lão	Thị trấn Hoàn Lão		2023-2024		500.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.5	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 7 xã Hạ Trạch	UBND xã Hạ Trạch		2023-2024		1.500.000.000	145.000.000	145.000.000	145.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.6	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Bầu Bàng xã Đức Trạch	UBND xã Đức Trạch		2023-2024		1.500.000.000	145.000.000	145.000.000	145.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.7	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 3 xã Bắc Trạch	Xã Bắc Trạch	8061202	2023-2024	144/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của UBND xã	2.100.000.000	145.000.000	145.000.000	47.125.000	Do ảnh hưởng thời tiết không đủ khối lượng giải ngân, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã số dự án	KC - HT	Quyết định Đầu tư			Kế hoạch 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các khoản a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	Quyết định
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
2.8	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 6 xã Bắc Trạch	XH Bắc Trạch	8062827	2023-2024	157/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND xã	2.100.000.000	145.000.000	145.000.000	118.236.000	Do ảnh hưởng thời tiết không đủ khối lượng giải ngân, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.9	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 9 xã Bắc Trạch	XH Bắc Trạch	8062826	2023-2024	160/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND xã	2.100.000.000	145.000.000	145.000.000	118.565.000,000	Do ảnh hưởng thời tiết không đủ khối lượng giải ngân, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.10	Xây dựng nhà văn hóa thôn 1 xã Đông Trạch	XH Đông Trạch		2023-2024		2.700.000.000	145.000.000	145.000.000	145.000.000	Do vướng quy hoạch, đang điều chỉnh, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.11	Xây dựng nhà văn hóa thôn 5 xã Đông Trạch	XH Đông Trạch		2023-2024		2.700.000.000	145.000.000	145.000.000	145.000.000	Do vướng quy hoạch, đang điều chỉnh, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.12	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 10 xã Lý Trạch	XH Lý Trạch		2023-2024		2.000.000.000	145.000.000	145.000.000	145.000.000	Do vướng quy hoạch, đang điều chỉnh, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.13	Xây dựng mới nhà văn hóa TDP Phường thị trấn NT-VT	Thị trấn NT-VT		2023-2024		1.500.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	Do vướng quy hoạch, đang điều chỉnh, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.14	Xây dựng mới nhà văn hóa TDP Quyết Tiến Thị trấn NT-VT	Thị trấn NT-VT		2023-2024		1.500.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	Do vướng quy hoạch, đang điều chỉnh, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.15	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa TDP Hữu Nghị thị trấn NT-VT	Thị trấn NT-VT		2023-2024		300.000.000	50.000.000	50.000.000	30.000.000	Do vướng quy hoạch, đang điều chỉnh, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện

Biên số 11.4
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024
(Kèm theo Tờ trình số 44-TT-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án	KC - BT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	Quyết định
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung đó: Ngân sách huyện				
1	2	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	HUYỆN QUẢNG NINH (Tại Văn hóa số 6/UBND ngày 23/02/2024 của UBND huyện Quảng Ninh)					1.384.063.000	1.384.063.000	1.784.063.000	393.636.534		
A	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (NGUỒN THU SỬ DỤNG BÁT)					1.384.063.000	1.384.063.000	1.784.063.000	393.636.534		
1	Hệ tăng khu công viên cây xanh Đài tưởng niệm huyện Quảng Ninh (Giai đoạn 2)	Ban quản lý các công trình công cộng	7989294	2023-2024	846/QĐ-UBND ngày 18/06/2022	4.000.000.000	4.000.000.000	300.000.000	246.941.000	Công trình triển khai nhưng cuối năm gặp mưa thường xuyên nên không giải ngân hết số vốn bố trí. Theo Điểm d Khoản 1 Điều 48 ND số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.	Số 1389/QĐ-UBND ngày 22/12/2022
2	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Quảng Ninh	Phòng Tài nguyên và môi trường	8043355	2023-2024		1.384.063.000	1.384.063.000	1.384.063.000	46.695.134	Công trình triển khai nhưng do vướng các thủ tục theo Điểm d Khoản 1 Điều 48 ND số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.	Số 922/QĐ-UBND ngày 10/8/2023
3	Kiến số hóa đường GTNT hóa Trung Sơn	UBND xã Trường Sơn	7906678	2023-2024	749/QĐ-UBND ngày 01/06/2021	3.000.000.000	3.000.000.000	100.000.000	100.000.000	Chi phí bán hàng, kiểm tra, quyết toán và các khoản chi phí khác theo d khoản 1 Điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP	Số 1389/QĐ-UBND ngày 22/12/2022

Biểu số 11.5
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÈO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 77/TT-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC - HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023	Đề xuất bổ sung thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn	
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: Ngân sách huyện, xã
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	HUYỆN MINH HÓA (Văn bản số 127/BC-UBND ngày 22/02/2024)					82.049.736.000	67.712.736.000	15.799.843.314	18.419.376.489		
A	CẤP HUYỆN (Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 16/12/2022)					80.365.136.000	65.908.136.000	14.142.121.314	5.433.521.159		
I	Nguồn vốn tập trung trong nước					48.745.136.000	47.163.136.000	4.987.439.424	1.842.774.269		
1	Cải tạo, mở rộng trụ sở UBND xã Thượng Hòa	UBND xã Thượng Hòa	2020-2021	7810613	Số 1969/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.489.711.000	2.489.711.000	60.600.000	10.539.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án và hưởng được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2022
2	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt - Bến Sủ (GD1)	BQLDA ĐTXD&PTQ Đ	2017-2018	7615089	Số 2062/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	2.904.300.000	2.904.300.000	32.893.000	10.482.126	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2022; Số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023;
3	Đường giao thông TK2, TT QĐ (Tuyến từ nhà ông Nguyễn đến nhà ông Chiến; từ nhà Văn Hóa TK2 đến nhà ông Xiêu; từ nhà ông Khách đến nhà ông Kiên)	BQLDA ĐTXD&PTQ Đ	2018-2019	7674304	Số 2093/QĐ-UBND ngày 27/10/2017; Số 1499/QĐ-UBND ngày 23/8/2018	3.053.049.000	3.053.049.000	106.652.000	8.473.219	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2022; Số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023;
4	Đường GTNT thôn Kiều Tiên, Tân Lợi xã Yên Hòa	BQL xã Yên Hòa	2019-2020	7790856	Số 198/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	2.000.000.000	418.000.000	318.000.000	126.195.000	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2022
5	Cải tạo, nâng cấp Trường TH thị trấn Quy Đạt (điểm lẻ) thành Trường MN số 1 thị trấn Quy Đạt (Giếm lẻ)	BQLDA ĐTXD&PTQ Đ	2019-2020	7780891	Số 1986/QĐ-UBND ngày 29/10/2018; Số 1242/QĐ-UBND ngày 14/7/2020	2.998.076.000	2.998.076.000	110.871.000	27.105.000	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2022; Số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023;
6	Xây dựng Trụ sở cơ quan UBND huyện Minh Hóa	BQLDA ĐTXD&PTQ Đ	2024-2026	8067839		17.000.000.000	17.000.000.000	500.000.000	205.796.000	Dự án phải lập thiết kế 02 bước nêu các thủ tục hơ dãi, bên cạnh đó do ảnh hưởng mực nước biển dâng cao trong quá trình khảo sát địa chất, địa hình nên chỉ giải ngân các công việc thuộc giải đoạn chuẩn bị dự án (Khảo sát, lập hồ sơ vào nghiên cứu khả thi, QLDA giải đoạn lập BCNCKT...) theo Điểm d Khoản 1 Điều 48	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2022
7	Xây dựng tuyến đường và tuyến kênh mương từ điểm đầu nối đường Vua Hàm Nghi đi nghĩa địa tiểu khu 4, thị trấn Quy Đạt	UBND thị trấn Quy Đạt	2022-2023	7949482	Số 95/QĐ-UBND ngày 26/01/2022	500.000.000	500.000.000	329.506.000	47.130.000	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2022; Số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023;
8	Xây dựng thao trường huấn luyện, bắn súng huyện Minh Hóa, Giai đoạn 1	BCH Quân sự huyện	2023-2025	7004686	Số 1736/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	4.500.000.000	4.500.000.000	171.000.000	171.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm d, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2023
9	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Yên Phi, xã Trung Hòa	UBND xã Trung Hòa	2021-2023	7889446	Số 2363/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	1.700.000.000	1.700.000.000	280.891.000	43.363.000	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023
10	Xây dựng đường giao thông nông thôn Bình Minh 1, xã Trung Hòa (3 tuyến)	UBND xã Trung Hòa	2021-2022	7883164	Số 2357/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	2.000.000.000	2.000.000.000	712.000.000	6.180.000	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023
11	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở cơ quan Huyện ủy Minh Hóa	Văn phòng Huyện ủy	2022-2024	7955695	Số 485/QĐ-UBND ngày 06/5/2022	6.500.000.000	6.500.000.000	1.985.026.424	86.490.924	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm d, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2023; Số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC - HT	Mã số dự án	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch vốn năm 2023	Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điều a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NB-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
						Tổng số (lưu cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện, xã				
12	Xây dựng hệ thống kỹ thuật trợ an toàn việc công an các xã: Xuân Hòa, Yên Hòa, Hòa Hợp, Trung Hòa, Hòa Tiến, Táo Hòa, Hồng Hòa, Minh Hòa	Công an huyện	2023-2025			3.100.000.000	3.100.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023
II	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất					31.528.800.000	18.745.000.000	9.234.681.890	8.398.746.390		
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở cơ quan Huyện ủy Minh Hòa	Văn phòng Huyện ủy	2022-2024	7955695	Số 485/QĐ-UBND ngày 06/5/2022	6.500.000.000	6.500.000.000	1.000.000.000	156.065.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2023; Số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023
2	Xây dựng đường dân sinh và phục vụ các xã từ thôn Cầu Lợi đi thôn Minh Xuân, xã Xuân Hòa	Vào phòng Huyện ủy	2022-2024	7965804	Số 950/QĐ-UBND ngày 27/7/2022	9.500.000.000	9.500.000.000	229.681.890	229.681.890	Nguồn vốn thu từ cấp quyền sử dụng đất nên việc thực hiện dự án tại thời điểm cuối năm, thời gian của lại ngắn. Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm dẫn ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2023; Số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023
3	Hỗ trợ xây dựng, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (Nghị quyết số 235/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của HĐND huyện, phân bổ nguồn mục tiêu tính cấp về hỗ trợ thiết chế văn hoá)					15.320.000.000	2.745.000.000	8.005.000.000	8.005.000.000		
3.1	Nguồn hỗ trợ thể chế nhà văn hóa tỉnh cấp (huyện chưa phân bổ)							5.260.000.000	5.260.000.000		
3.2	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Phú Nhuận, xã Thượng Hóa	UBND xã Thượng Hóa	2023-2025			2.000.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
3.3	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Tiến Hòa, xã Thượng Hóa	UBND xã Thượng Hóa	2023-2025			1.700.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
3.4	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Hát, xã Thượng Hóa	BQL xã Thượng Hóa	2023-2025			1.550.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
3.5	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Khai Hòa, xã Thượng Hóa	UBND xã Thượng Hóa	2023-2025			1.650.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
3.6	Xây dựng Nhà văn hóa bán xã, xã Trọng Hóa	BQLDA ĐTXD&PTQ Đ	2023-2025			1.550.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
3.7	Xây dựng Nhà văn hóa bán Khe Cây, xã Trọng Hóa	Phòng Dân tộc	2023-2025			1.540.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
3.8	Xây dựng nhà văn hóa bán Y Lương, xã Dân Hòa	BQLDA ĐTXD&PTQ Đ	2023-2025			2.000.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
3.9	Xây dựng nhà văn hóa bán Ốc, xã Dân Hòa	BQLDA ĐTXD&PTQ Đ	2023-2025			1.600.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
3.10	Cải tạo nhà văn hóa thôn Tân Tiến, xã Hòa Tiến	UBND xã Hòa Tiến	2023-2024			730.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC - HT	Mã số dự án	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch vốn năm 2023	Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NB-CP ngày 06/04/2020 các Chính phủ	Quyết định giao vốn	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện, xã					
3.11	Chỉ tạo nhà văn hóa thôn Tân Tiến, xã Hòa Hợp	UBND xã Hòa Hợp	2023-2024			600.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết dự phòng vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân các dự án này theo điểm d, khoản 1 điều 48 của NB 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	
3.12	Chỉ tạo nhà văn hóa thôn Tân Lợi, xã Hòa Hợp	UBND xã Hòa Hợp	2023-2024			600.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết dự phòng vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân các dự án này theo điểm d, khoản 1 điều 48 của NB 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	
B NGÂN SÁCH XÃ												
I Xã Yên Hòa						1.984.698.000	1.381.600.000	1.657.722.000	985.885.300			
Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất						1.215.958.000	1.215.958.000	1.215.958.000	866.452.300			
						1.215.958.000	1.215.958.000	1.215.958.000	866.452.300			
1	Cắm mốc quy hoạch nghĩa địa đã được quy hoạch tại các thôn	UBND xã Yên Hòa	2023-2024	8053617	Số 465/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	520.000.000	520.000.000	520.000.000	520.000.000	Nguồn vốn thu từ cấp quyền sử dụng đất nên việc thực hiện dự án tại thời điểm cuối năm, thời gian còn lại ngắn. Do ảnh hưởng thời tiết dự phòng vùng núi mưa nhiều nên ảnh hưởng đến việc theo tiến ngoài trời. Nguyên nhân các dự án này theo điểm d, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 543/QĐ-UBND, ngày 13/11/2023	
2	Làm đường cấp phối dân sinh thôn Tân Tiến và thôn Yên Thắng	UBND xã Yên Hòa	2023-2024	8056399	Số 526/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	695.950.000	695.950.000	695.950.000	346.452.300	Nguồn vốn thu từ cấp quyền sử dụng đất nên việc thực hiện dự án tại thời điểm cuối năm, thời gian còn lại ngắn. Do ảnh hưởng thời tiết dự phòng vùng núi mưa nhiều nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Nguyên nhân các dự án này theo điểm d, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 544/QĐ-UBND, ngày 13/11/2023	
II Xã Hòa Hợp						260.000.000	260.000.000	113.122.000	113.122.000			
Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất						260.000.000	260.000.000	113.122.000	113.122.000			
1	Đường GTNT từ đường HCM đến nhà ông Trí thôn Tân Lợi, xã Hòa Hợp	UBND xã Hòa Hợp	2023-2024	8069647	Số 369/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	200.000.000	260.000.000	113.122.000	113.122.000	Nguồn vốn thu từ cấp quyền sử dụng đất nên việc thực hiện dự án tại thời điểm cuối năm, thời gian còn lại ngắn. Do ảnh hưởng thời tiết dự phòng vùng núi mưa nhiều nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Nguyên nhân các dự án này theo điểm d, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 217/QĐ-UBND, ngày 01/12/2023	
III Xã Hòa Tiến						328.650.000	328.650.000	328.650.000	6.281.000			
Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất						328.650.000	328.650.000	328.650.000	6.281.000			
1	Xây dựng hoàn thiện hàng rào sân bê tông nhà văn hóa Trung Tâm xã Hòa Tiến	UBND xã Hòa Tiến	2023-2024	8068415	Số 99/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	328.650.000	328.650.000	328.650.000	6.281.000	Nguồn vốn thu từ cấp quyền sử dụng đất nên việc thực hiện dự án tại thời điểm cuối năm, thời gian còn lại ngắn. Do ảnh hưởng thời tiết dự phòng vùng núi mưa nhiều nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Nguyên nhân các dự án này theo điểm d, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 217/QĐ-UBND, ngày 01/12/2023	

Biểu số 11.6
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024
 (Kèm theo Tờ trình số 974/TT-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã số dự án	KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2023	Kỳ dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn năm 2023 và năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
					TMĐT		Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện, xã					
	HUYỆN QUẢNG TRẠCH (Tại Văn bản số 52/BC-UBND ngày 21/02/2024 của UBND huyện Quảng Trạch)					32.750.000.000	23.305.000.000	5.694.544.000	2.356.751.000		
A	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ					25.000.000.000	16.200.000.000	1.815.547.000	1.815.547.000		
I	NGUỒN VỐN NS TẬP TRUNG					22.000.000.000	13.200.000.000	522.000.000	522.000.000		
I	Hạ tầng tuyến đường kết hợp kết thôn Tân An đi thôn Phú Ninh xã Quảng Thanh	UBND xã Quảng Thanh	8049287	2023-2025	Số 1941/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	22.000.000.000	13.200.000.000	522.000.000	522.000.000	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do giải phóng mặt bằng chưa được, đang vướng dài các hộ dân (Tại điểm đ, khoản 1, điều 48, ND 40/2020 của CP)	Số 2975/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
II	NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU					3.000.000.000	3.000.000.000	1.293.547.000	1.293.547.000		
I	Hạ tầng cây xanh dải phân cách tuyến đường N1 thuộc Trung tâm huyện lỵ huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	Ban Quản lý các công trình công cộng huyện Quảng Trạch	8057243	2023-2024	2324/QĐ-UBND	3.000.000.000	3.000.000.000	1.293.547.000	1.293.547.000	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do ảnh hưởng thời tiết, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép; (Theo QĐ tại điểm đ khoản 1 điều 48)	QĐ số 2401/QĐ-UBND ngày 16/11/2023
A	CẤP XÃ QUẢN LÝ					7.750.000.000	7.105.000.000	3.878.997.000	541.204.000		
I	Nguồn vốn tập trung trong nước					2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	23.932.000		
I	Bảo dưỡng, sửa chữa dẫy nhà lớp học trường THCS Quảng Liên	UBND xã Liên Trường	8033462	2023	115/QĐ-UBND, ngày 19/6/2023	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	12.290.000	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm e Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	2746/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 về giao nhiệm vụ thu, chi năm 2023
2	Bảo dưỡng, sửa chữa bếp ăn bán trú, nhà vệ sinh khuôn viên các công trình phụ trợ tại Trường Mầm non khu vực Văn tiền, Quảng Lưu	UBND xã Luông Lưu	8027542	2023		1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	11.642.000	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm e Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	2746/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 về giao nhiệm vụ thu, chi năm 2023
II	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất					5.400.000.000	4.755.000.000	1.528.997.000	398.860.000		
I	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch xóm 2 thôn Thanh Sơn xã Quảng Thanh	xã Quảng Thanh	7721984	2019-2021	Số 2119/QĐ-UBND ngày 16/9/2019	3.800.000.000	3.800.000.000	1.383.997.000	253.860.000	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do giải phóng mặt bằng chưa được, đang vướng dài các hộ dân (Tại điểm đ, khoản 1, điều 48, ND 40/2020 của CP)	Số 55/QĐ-UBND ngày 19/4/2023
2	Nhà văn hóa thôn Đồng Cảng	xã Cảnh Dương	8060151	2024-2025	số 589/QĐ-UBND, ngày 24/10/2023	1.600.000.000	955.000.000	145.000.000	145.000.000	Do thời tiết mưa gió nên công trình làm chậm không có khối lượng để giải ngân đ, khoản 1, điều 48, ND 40/2020 của CP)	2887/QĐ-UBND, ngày 27/12/2023
III	Nguồn vốn cấp bổ sung có MT					350.000.000	350.000.000	350.000.000	118.412.000		
I	Xây dựng khẩn cấp Phòng làm việc tam trường Tiểu học số 2 Quảng Phú	Xã Quảng Phú	8067837	2023	298/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	350.000.000	350.000.000	350.000.000	118.412.000	Do thời tiết mưa gió nên công trình làm chậm không có khối lượng để giải ngân đ, khoản 1, điều 48, ND 40/2020 của CP)	2247/QĐ-UBND ngày 27/10/2023; QĐ số 301 ngày 22/12/2023

PHỤ LỤC II.7

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
 DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÈO ĐÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024
 (Kèm theo Tờ trình số 474/TTr-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC - HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023	Dự xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn		
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: Ngân sách huyện, xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	THỊ XÃ BA ĐỒN (66/BC-UBND ngày 21/02/2024)					235.591.812.109	198.438.176.109	114.571.875.109	54.821.953.994			
B	NGÂN SÁCH THỊ XÃ					181.835.000.000	166.215.000.000	183.731.615.000	49.132.277.885			
1	Nguồn vốn tập trung trong nước					124.435.000.000	119.815.000.000	181.821.000.000	48.516.175.885			
1	Đường hóa phương từ phường Quảng Thọ đi về dân phố Chính Trực phường Quảng Long	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã	2020-2022	7822265	2489/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của UBND thị xã Ba Đồn	14.998.000.000	11.998.000.000	532.000.000	56.542.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	2814/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	
2	Tuyến đường từ trung tâm xã Quảng Vào kết nối với đường trục chính vùng Nam, thị xã Ba Đồn	UBND thị xã Ba Đồn	2023-2025		2617/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 của UBND thị xã Ba Đồn	75.000.000.000	75.000.000.000	75.000.000.000	47.930.277.705	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do GPMB chưa được, đang vướng một số bộ dân (Theo QĐ tại điểm d khoản 1 điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	1657/QĐ-UBND ngày 08/08/2023	
3	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường từ phía Nam cầu Quảng Hải đi Lạc Giao	Ban quản lý các CTCC thị xã	2023-2025	8036787	Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 05/07/2023	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	231.921.180	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	
4	Nâng cấp, cải tạo hệ thống dẫn tín hiệu giao thông trên địa bàn thị xã Ba Đồn.	Ban quản lý các CTCC thị xã	2023-2025	8043162	Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 18/08/2023	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	151.014.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	
5	Hệ thống điện trang trí các tuyến đường đô thị thị xã Ba Đồn	Ban quản lý các CTCC thị xã	2023-2025	8062160	số 3066/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.850.000.000	2.850.000.000	800.000.000	34.286.000	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ (điểm d Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ: 2814/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	
6	Xây dựng các tuyến đường bê tông kết hợp mương thoát nước xã Quảng Tân	UBND xã Quảng Tân	2022-2023	8009068	Số 2983 ngày 30/12/2022	3.093.000.000	2.467.000.000	589.000.000	39.000.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số QĐ 471 ngày 21/4/2023	
7	Tuyến đường liên thôn Tân Tiến, Tân Lộc xã Quảng Tân	UBND xã Quảng Tân	2022-2024	7907683	Số 1474 ngày 05/7/2021	2.494.000.000	2.000.000.000	700.000.000	29.535.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ: 2814/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	
8	KCH kênh mương nội đồng thôn Tân Lộc - Tân Tiến xã Quảng Tân	UBND xã Quảng Tân	2023-2024	8059289	Số 2754 ngày 08/11/2023	2.500.000.000	2.000.000.000	700.000.000	43.600.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ: 2814/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	
11	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất					57.400.000.000	46.400.000.000	1.910.615.000	616.102.000			
1	Phát triển quỹ đất tại khu dân cư phía Nam tỉnh lộ 559 thôn Vĩnh Phước Đông, xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1)	UBND thị xã Ba Đồn	2021-2024	7899764	2572/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND thị xã Ba Đồn	39.000.000.000	39.000.000.000	1.230.615.000	117.095.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 1839/QĐ-UBND ngày 23/02/2023; Số 1065/QĐ-UBND ngày 02/02/2022	
2	Lắp đặt, sửa chữa, bổ sung biển tên đường, biển báo hiệu giao thông đường bộ trên địa bàn thị xã	Phòng QLĐT	2021-2023	7938738	NQ số 64/NQ-HĐND ngày 17/11/2021	950.000.000	950.000.000	40.000.000	40.000.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 3421/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	
3	Thao trường bền của lực lượng vũ trang thị xã Ba Đồn. Hạng mục: Giải phóng mặt bằng	BCH Quân sự thị xã Ba Đồn	2023-2025		NQ số 17/NQ-HĐND ngày 15/12/2023	2.450.000.000	2.450.000.000	200.000.000	200.000.000	Do án bị ảnh hưởng tiến độ (điểm d Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 3421/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	
4	Khắc phục khẩn cấp tuyến đường giao thông KP3, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn	UBND phường Ba Đồn	2021-2024	7816993	Số 2085/QĐ-UBND phường Ba Đồn ngày 28/08/2020	10.000.000.000	2.500.000.000	240.000.000	240.000.000	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ (điểm d Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 3421/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	
5	Sửa chữa nâng cấp đường GTNT Bắc Minh Lộ xã Quảng Minh	UBND xã Quảng Minh	2020 - 2022	7817553	Số 3891 ngày 15/10/2019 của UBND tỉnh QB	5.000.000.000	1.500.000.000	200.000.000	19.007.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 3421/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	
B	NGÂN SÁCH XÃ					53.756.012.109	32.223.176.109	10.840.260.109	4.889.676.109			
1	Nguồn vốn tập trung trong nước					28.715.868.000	17.180.100.000	5.381.000.000	2.737.994.000			
1	Kiến cơ hóa các tuyến đường giao thông thôn Tân Thượng xã Quảng Hải	UBND xã Quảng Hải	2023-2025	8039209	1680/QĐ-UBND ngày 22/6/2023 của UBND xã Tân	4.700.000.000	4.700.000.000	1.136.000.000	1.136.000.000	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ (điểm d Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 01/03/2023	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC - HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2023	Đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện, xã				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13
2	Hàng rào, sân trường Tiểu học xã Trung học cơ sở	UBND xã Quảng Hải	2023-2025	7964026	362/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 của UBND thị xã	520.000.000	520.000.000	170.000.000	4.972.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
3	Nhà lớp 8 phòng, khuôn viên và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm Non Quảng Thọ	UBND phường Quảng Thọ	2023-2024		NQ số: 39/NQ-HĐND ngày 27/12/2022	14.990.000.000	6.000.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực (điểm d Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số: 616/QĐ-UBND ngày 13/04/2023
4	Nhà văn hóa thôn Tây Minh Lộ xã Quảng Minh	UBND xã Quảng Minh	2023 - 2023	8046397	Số: 436 ngày 28/04/2023 của UBND xã	555.768.000	10.000.000	145.000.000	3.994.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số: 1536a ngày 26/07/2023 của UBND thị xã
5	Tu sửa chữa cấp nước kính mang thôn Bắc Sơn, xã Quảng Sơn	UBND xã Quảng Sơn	2023-2025	8060149	Số 68 20/10/2023	400.000.000	400.000.000	400.000.000	3.794.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ số 1949 ngày 31/08/2023 của UBND TX Ba Đồn
6	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường TH Quảng Tân	UBND xã Quảng Tân	2022-2023	7910105	Số 1145/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	3.870.100.000	3.870.100.000	950.000.000	69.265.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ số 106 ngày 13/01/2023
7	Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường TH Quảng Tân	UBND xã Quảng Tân	2022-2023	7959993	Số 90/QĐ-UBND ngày 08/6/2022	1.180.000.000	1.180.000.000	580.000.000	96.982.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ số 106 ngày 13/01/2023
8	Nâng cấp trần Hối Cửa	UBND xã Quảng Tiến	2021 -2023	7917457	Số 08/NQ - HĐND ngày 22/03/2021	2.500.000.000	500.000.000	600.000.000	22.987.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ số 1180 ngày 27/12/2023
11	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất					25.838.144.189	15.843.076.109	5.459.268.189	2.151.682.189		
1	Khắc phục khẩn cấp tuyến đường giao thông khu phố 3, phường Ba Đồn	UBND phường Ba Đồn	2021-2024	7816993	Số 2085a/QĐ-UBND phường Ba Đồn ngày 28/08/2020	10.000.000.000	4.500.000.000	300.000.000	300.000.000	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực (điểm d Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 09/05/2023
2	Cải tạo mái nhà văn hóa KP1, nhà vệ sinh và của nhà văn hóa KP 3 phường Ba Đồn; phòng tiếp dân trụ sở công an phường Ba Đồn	UBND phường Ba Đồn	2022-2023	8002799	1423/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND phường Ba Đồn	847.110.000	847.110.000	200.000.000	100.000.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 21/12/2023
3	Xử lý khẩn cấp hệ thống thoát nước khu phố 6 phường Ba Đồn	UBND phường Ba Đồn	2022-2023	7962652	881/QĐ-UBND ngày 29/06/2022 của UBND phường Ba Đồn	446.541.000	446.541.000	150.000.000	7.544.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 09/03/2023
4	Sơn lại các dãy nhà, hàng rào và xây dựng các hạng mục phụ trợ trường THCS Nguyễn Hàm Ninh	UBND phường Ba Đồn	2023	8040365	số 573/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND phường Ba Đồn	350.000.000	350.000.000	300.000.000	17.330.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
5	Sửa chữa nhà vệ sinh các lớp học dãy nhà 2 tầng tại cơ sở 1 Trường Mầm non Ba Đồn	UBND phường Ba Đồn	2023	8041059	số 611/QĐ-UBND ngày 31/07/2023 của UBND phường Ba Đồn	415.000.000	415.000.000	300.000.000	50.000.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 21/12/2023
6	Xử lý khẩn cấp hệ thống thoát nước, xây dựng vỉa hè từ NHCS đến nhà văn hóa KP4	UBND phường Ba Đồn	2023	7937508	970/QĐ-UBND ngày 07/06/2022 của UBND TX Ba Đồn	1.600.000.000	600.000.000	200.000.000	72.000.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 21/12/2023
	Hệ thống kênh mương nội đồng phường Quảng Phúc	UBND phường Quảng Phúc	2023-2025	8055696	Số: 2323/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của UBND TX	4.169.301.000	1.169.301.000	500.000.000	50.000.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 201/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND phường
	Đường tú phứ trịch đi khu di tích lịch sử trận chiến thắng phủ trịch - La Hà xã Quảng Lộc, TXBD (giai đoạn 2)	UBND xã Quảng Lộc	2022-2024	7982750	Số 274 ngày 21/04/2022 xã Q.Lộc	1.950.000.000	1.950.000.000	700.000.000	72.000.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 217 ngày 03/04/2023 của UBND xã Quảng Lộc
	Nâng cấp các tuyến đường thôn Phủ Trịch xã Quảng Lộc	UBND xã Quảng Lộc	2022-2024	7861953	Số 176 ngày 05/10/2020	1.112.000.000	1.112.000.000	112.000.000	6.035.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 217 ngày 03/04/2023 của UBND xã Quảng Lộc
	Bê tông hóa KM nối đồng từ đội 2, đội 3, đội 4 thôn Vĩnh Phước	UBND xã Quảng Lộc	2022-2024	7973781	Số 666 ngày 30/08/2022 xã Q.Lộc	800.000.000	800.000.000	100.000.000	54.000.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 771 ngày 21/08/2023 của UBND xã Quảng Lộc
	Nâng cấp sửa chữa trường MN Quảng Lộc; HM: Sơn sửa	UBND xã Quảng Lộc	2023-2025	8029033	Số 607 ngày 10/09/2023 xã Q.Lộc	1.000.000.000	1.000.000.000	450.000.000	4.977.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 771 ngày 21/08/2023 của UBND xã Quảng Lộc

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC - HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2023	Dự xuất báo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện, xã				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13
12	Kênh tưới đầu nguồn và các tuyến rẽ thôn Tân Lộc, xã Quảng Tân	UBND xã Quảng Tân	2023-2024	8062159	Số 58/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	1.650.192.109	1.650.192.109	1.650.192.109	1.106.146.109	Công trình đồng triển khai (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ số 1638 ngày 07/08/2023
13	Đường GT kết hợp kè chống xói lở thôn Công Hoà xã Quảng Trung di thôn Tiên Xuân xã Quảng Tiên (đoạn gần đầu làng thôn Công Hoà) (gđ2)	UBND xã Quảng Trung	2023-2024	8066192	Số 208/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	700.000.000	202.932.000	497.068.000	311.650.000	Công trình đồng triển khai (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 2723/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND thị xã

Biểu số 11.8
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÈO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024

(Kêu theo Tờ trình số 944/TT-UBND ngày 0 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Công trình	Chức năng	Mã số dự án	KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	Quyết định
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung đố: Ngân sách huyện, xã				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	HUYỆN LỆ THUY (Tại Văn bản số 47/BC-UBND ngày 22/8/2024)					37.200.000.000	37.000.000.000	21.620.000.000	17.124.030.263		
A	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (TÍNH CẤP CHO HUYỆN)					30.000.000.000	30.000.000.000	35.020.000.000	15.611.326.650		
1	Dự án Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường 30 nối Quốc lộ 1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp giai đoạn II	UBND huyện Lệ Thủy	7988105	2022-2024	Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện Lệ Thủy	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	12.921.326.650	Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 (đây là dự án có tổng mức đầu tư quá trình lựa chọn vị trí công trình thực hiện 02 bước, sau khi thực hiện xong thì tiếp tục đầu tư thì trên địa bàn huyện bất đầu bước vào mùa mưa lũ đến cuối năm, do đó dự án không hoàn thành trong năm được)	Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh
2	Hỗ trợ xây dựng hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở trên địa bàn huyện Lệ Thủy	huyện Lệ Thủy		2023				3.020.000.000	2.690.000.000	Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 (do nguồn vốn tại Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh quy định chi trả giải ngân 2023-2025 nhưng theo số báo trí do trong 2 năm (2023, 2024), nhưng khi đó Nghị quyết HĐND huyện phân bổ chi trả như 3 năm 2023, 2024, 2025, do đó năm 2025 UBND huyện chưa sử dụng hết kế hoạch vốn tính giao)	Số 3790/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 UBND tỉnh
B	CẤP XÃ QUẢN LÝ (HUYỆN CẤP CHO XÃ)							7.600.000.000	1.514.783.613		
1	Sửa chữa nâng cấp tuyến đê nội đồng kết nối với đê bán thương Mỹ trung xã Hồng Thủy	Xã Hồng Thủy	8045826	2023-2024	Số 402/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND xã	3.200.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	901.388.000	Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 (sau khi thực hiện xong thì tiếp tục đầu tư thì trên địa bàn huyện bất đầu bước vào mùa mưa lũ đến cuối năm, do đó dự án không hoàn thành trong năm được)	Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND huyện
2	Nâng cấp tuyến đường bán thôn từ thôn Văn Minh đi thôn Trạng Cầu	Xã Trường Thủy	8061889	2023-2024	Số 101/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của UBND xã	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	15.315.613	Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 (sau khi thực hiện xong thì tiếp tục đầu tư thì trên địa bàn huyện bất đầu bước vào mùa mưa lũ đến cuối năm, do đó dự án không hoàn thành trong năm được)	Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND huyện
2	Xây dựng nhà văn hóa TDP4, Thị trấn nông trường Lệ Ninh	TTNT Lệ Ninh						600.000.000	600.000.000	Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 (sau khi thực hiện xong thì tiếp tục đầu tư thì trên địa bàn huyện bất đầu bước vào mùa mưa lũ đến cuối năm, do đó dự án không hoàn thành trong năm được)	Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND huyện

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023 sang năm 2024 (nguồn vốn ngân sách địa phương)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023 sang năm 2024 (nguồn vốn ngân sách địa phương); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024, cụ thể như sau:

1. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý năm 2023 sang năm 2024 với số vốn 375.791,417 triệu đồng.

2. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương do cấp huyện, cấp xã quản lý năm 2023 sang năm 2024 với số vốn 178.930,375 triệu đồng (trong đó: Ngân sách cấp huyện: 161.640,403 triệu đồng Ngân sách cấp xã: 17.289,972 triệu đồng).

3. Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2023 được phép kéo dài sang năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(Chi tiết danh mục dự án có các phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. Giao Thường trực Hội

đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

UBND các huyện, thành phố, thị xã và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước HĐND tỉnh, UBND tỉnh về thông tin, tính chất nguồn vốn đầu tư công; số liệu các dự án đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày tháng năm 2024, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VP HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

TỔNG HỢP DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SẠCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ HOẠCH 2023 DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ KÈO ĐẠI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ PHỤ LỤC I
GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đanh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Chủ đầu tư	Cao ủy do theo quy định tại các điều 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất báo cáo của chủ đầu tư	GN chủ
						Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	TMDT	Trong đó: Ngân sách tỉnh						
1	TỔNG SỐ					7	8	9	10	11	12	13	14	
A	Tại Nghị quyết 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 3790/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh					6.915.266,670	2.996.646,670	899.761,000	375.791,417					
I	NGUỒN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC					1.014.877,670	984.877,670	393.100,000	164.128,377					
1	Dầu tư xây dựng khu thực nghiệm nông nghiệp thông minh - Nông nghiệp 4.0 tại Trung tâm Ứng dụng và Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2024	7962814	43NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1811/QĐ-UBND ngày 01/07/2023	10.000	10.000	5.000	2.519.206	Trung tâm ứng dụng và thông tin Khoa học và công nghệ	Dự án hỗ trợ chuyển đổi số do người nhận không quan tâm đối tượng trước được: Do bổ sung phần bổ trợ thiết bị làm việc thí nghiệm và công nghệ thông tin để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế số và chuyển đổi số của tỉnh (tại khoản 1, Điều 4)	24CV-TTUDTK ngày 03/02/2024	Có xác nhận kho bạc	
2	Dự án Đường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khe Nước Trong thuộc Khu dự trữ thiên nhiên Đông Châu - Khe Nước Trong	Lê Thủy	2022-2024	7961239	43NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1528/QĐ-UBND ngày 06/02/2022	12.000	12.000	5.000	896.227	BQL Khu DTTN Đông Châu - Khe Nước Trong	Dự án hỗ trợ chuyển đổi số do người nhận không quan tâm đối tượng trước được: Do phạm vi tuyến công trình dài, hẹp, nằm trên sườn núi, bị tuyến đường địa phương cắt ngang không thể tiếp cận và thiếu nhân lực quản lý, bảo trì (tại khoản 1, Điều 4)	40/BC-ĐCKNT ngày 20/02/2024 của BQL Khu DTTN Đông Châu-Khe Nước Trong	Có xác nhận kho bạc	
3	Nâng cấp, triển khai, nhân rộng phần mềm quản lý hồ sơ dân hộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2024	7967487	43NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2113/QĐ-UBND ngày 09/08/2022	4.500	4.500	1.300	705.688	Sở Nội vụ	Dự án hỗ trợ chuyển đổi số do người nhận không quan tâm đối tượng trước được: Do bổ sung chi phí để lắp đặt và vận hành phần mềm quản lý hồ sơ dân hộ, công chức, viên chức tỉnh (tại khoản 1, Điều 4)	22/SNNV-VP ngày 02/02/2024	Có xác nhận kho bạc	
4	Điểm trung bày, giới thiệu sản phẩm và kết nối, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp	Thành phố Đồng Hới	2022-2024	7970842	QĐ số 2370/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	6.000	6.000	3.500	496.193	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	Dự án hỗ trợ chuyển đổi số do người nhận không quan tâm đối tượng trước được: Do ảnh hưởng của thời tiết bất lợi nên ảnh hưởng đến giải ngân nguồn vốn của dự án (tại khoản 1, Điều 4)	74/SBTV-VP ngày 31/01/2024	Có xác nhận kho bạc	
5	Cải tạo trụ sở làm việc và khuôn viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình Nam	Thành phố Đồng Hới	2022-2024	7972623	QĐ số 2201/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	12.000	12.000	8.000	634.393	Ủy ban MTTQVN (tỉnh)	Dự án hỗ trợ chuyển đổi số do người nhận không quan tâm đối tượng trước được: Do vướng mắc thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng và lắp đặt thiết bị (tại khoản 1, Điều 4)	39/BC-MTTQ ngày 22/01/2024	Có xác nhận kho bạc	
6	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục Trung tâm giáo dục-dạy nghề và hỗ trợ Nông dân - Phụ nữ Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	2022-2024	7961808	QĐ số 1746/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	7.000	7.000	3.100	633.393	Hội Nông dân tỉnh	Dự án hỗ trợ chuyển đổi số do người nhận không quan tâm đối tượng trước được: Do ảnh hưởng của thời tiết bất lợi nên ảnh hưởng đến giải ngân nguồn vốn của dự án (tại khoản 1, Điều 4)	47/BC/HNDT ngày 26/01/2024	Có xác nhận kho bạc	
7	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Dân tộc và nâng cấp hệ thống đo lường công tác dân tộc	Đồng Hới	2022-2024	7969964	43NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 3112/QĐ-UBND ngày 09/08/2022	6.000	6.000	5.300	1.762.083	Ban Dân tộc tỉnh	Dự án hỗ trợ chuyển đổi số do người nhận không quan tâm đối tượng trước được: Do bổ sung phần bổ trợ thiết bị làm việc thí nghiệm và công nghệ thông tin để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế số và chuyển đổi số của tỉnh (tại khoản 1, Điều 4)	114/BDT-VP-TT ngày 19/02/2024	Có xác nhận kho bạc	
8	Hiện thực hóa bằng Cụm công nghiệp Thuận Đức thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022-2024	7948948	255/QĐ-UBND ngày 21/09/2022	23.000	23.000	9.000	3.172.615	Sở Công Thương	Dự án hỗ trợ chuyển đổi số do người nhận không quan tâm đối tượng trước được: Do cuối tháng 11 giải ngân trước do địa chính và GPMB chậm trễ nên không giải ngân hết ngoài việc.	243/SCT-VP ngày 07/02/2024	Có xác nhận kho bạc	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vào 2023 sang năm 2024	Chủ đầu tư	Căn cứ do Tổng cục quản lý các công trình xây dựng số 1, Điều 48, Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 06/04/2019 của Chính phủ	Văn bản đề xuất báo cáo chủ đầu tư	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT Trong đó: Nguồn sách tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
9	Đường tuần tra và các hạng mục phụ trợ khu quân sự	Là Thủy	2022-2024	7004686	41NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 37NQ-HĐND ngày 27/05/2022	16.000	16.000	7.700	3.504,954	BCH Quân sự tỉnh	727/BC-BCH ngày 20/02/2024	Đã có xác nhận KB	
10	Đoanh trại Trung đội công binh và 061/06 chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2024	7004686	41NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 37NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3114/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	14.954	14.954	7.300	680,403	BCH Quân sự tỉnh	727/BC-BCH ngày 20/02/2024	Đã có xác nhận KB	
11	Đường giao liên trong khu dân cư hậu phương tỉnh Quảng Bình	Bố Trạch	2022-2024	7004686	41NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 3226/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	20.000	20.000	10.000	4.421,538	BCH Quân sự tỉnh	727/BC-BCH ngày 20/02/2024	Đã có xác nhận KB	
12	Đầu tư xây dựng tuyến đường tại xã Quảng Lưu và xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Lưu và Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	2023-2025	8007556	QĐ 374/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	15.000	15.000	5.100	1.398,780	UBND huyện Quảng Trạch	52/BC-UBND ngày 21/02/2024	Đã có xác nhận KB	
13	Đầu tư xây dựng đường nội trú trực N2 đi các xã phía Bắc và kết nối với trục B2 trước nhà máy may, huyện Quảng Trạch	Huyện Quảng Trạch	2023-2025	8001817	QĐ 340/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	40.000	40.000	14.000	4.877,799	UBND huyện Quảng Trạch	52/BC-UBND ngày 21/02/2024	Đã có xác nhận KB	
14	Cầu thôn Ba Đa, xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới	TP Đồng Hới	2023 - 2025	7986500	2931/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	28.000	28.000	10.000	2.535,205	UBND thành phố Đồng Hới	245/UBND-TCKH ngày 22/02/2024	Có xác nhận kho bạc	
15	Nhà thi đấu đá năng và các công trình phụ trợ thị xã Ba Đồn	Thị xã Ba Đồn	2023-2025	8048563	Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 19/09/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình	75.000	75.000	25.000	18.503,990	UBND tỉnh Ba Đồn	66/BC-UBND ngày 21/02/2024	Có xác nhận kho bạc	
16	Xây dựng Quảng trường biển thị xã Ba Đồn	Thị xã Ba Đồn	2023-2025	8051746	Quyết định số 2806/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình	45.000	45.000	8.500	7.660,690	UBND tỉnh Ba Đồn	66/BC-UBND ngày 21/02/2024	Có xác nhận kho bạc	
17	Kê chống sét từ bờ biển xã Hòa Sơn, huyện Minh Hóa	huyện Minh Hóa	2023-2025	8001831	số 353/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	17.500	17.500	6.000	20,137	UBND huyện Minh Hóa	127/UBND-TCKH ngày 22/02/2024	Có xác nhận kho bạc	
18	Kê chống sét từ bờ biển tại thị trấn Quy Đạt, Huyện Minh Hóa	huyện Minh Hóa	2023-2025	8006302	số 374/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	15.000	15.000	5.300	1.200,034	UBND huyện Minh Hóa	127/UBND-TCKH ngày 20/02/2024	Có xác nhận kho bạc	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quỹ đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 khoản 1, Điều 45, Nghị định 49/2020/NĐ-CP ngày 05/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBT						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Dự án đầu tư vốn thực nghiệm KHCN và ứng dụng phát triển công nghệ cao trong sản xuất và chế biến huyện Tuyên Hòa	Dông Hải	2019-2021	7173953	318/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	14.532	14.532	1.108	522.082	Trung tâm ứng dụng và thông tin khoa học và công nghệ	Dự án bổ trợ vốn từ cơ quan trình báo thành lập; Đây là nguồn vốn bổ trợ từ cơ quan trình báo thành lập, trong quá trình thực hiện dự án do đơn vị công cấp thiết bị không được hiện ngân quỹ của thành phố để mua thiết bị cho chủ đầu tư nên ảnh hưởng đến tiến độ thanh toán nguồn vốn (tại khoản 2, Điều 45)	181/SKHCN-VP ngày 05/02/2024; 24/CV-TTUDTK ngày 03/02/2024	Có xác nhận khoa học
2	Dưỡng liên thôn Đông Giang - Đại Sơn xã Đông Hòa, huyện Tuyên Hòa	Dông Hòa	2018-2020		3987/QĐ-UBND 31/10/2017	9.910	9.910	183	91.463	UBND xã Đông Hòa	Dự án bổ trợ vốn từ cơ quan trình báo thành lập; Đây là nguồn vốn bổ trợ từ cơ quan trình báo thành lập, trợ nhân do chiếm thành toán nên chưa giải ngân hết số vốn bổ trợ (tại khoản 2, Điều 45)	89/TT-UBND ngày 22/02/2024	Có xác nhận khoa học
3	Dưỡng kết hợp kê chống sạt lở ven biển xã Cảnh Dương (giai đoạn 2)	Cảnh Dương	2020-2022		4155/QĐ-UBND 30/10/2019	12.500	12.500	65	65.000	UBND xã Cảnh Dương	Dự án bổ trợ vốn từ cơ quan trình báo thành lập; Đây là nguồn vốn bổ trợ từ cơ quan trình báo thành lập, trợ nhân do chiếm thành toán nên chưa giải ngân hết số vốn bổ trợ (tại khoản 2, Điều 45)	86/TT-UBND ngày 22/02/2024	Có xác nhận khoa học
G	Nghị quyết 151/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 3794/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh					83.000.000	83.000.000	83.000.000	61.918.530				
1	Trưởng TVCS Trưng Nhất của Hội người Việt Nam tại tỉnh Khâm Muộn	huyện Thu Khúc, tỉnh Khâm Muộn	2022-2024	8034178	535/QĐ-UBND ngày 15/03/2023	25.000	25.000	25.000	15.152.701	Sở Ngoại vụ	Dự án bổ trợ năm cuối; Tại Quyết định số 1011/QĐ-UBND của UBND tỉnh đã bổ trợ 48 vốn cho toàn bộ dự án trong năm 2023, trong đó có 22 gói vốn thuộc dự án này; (1) xây dựng, lắp đặt và bảo trì; (2) vận chuyển vật tư công xây dựng và công cấp, lắp đặt thiết bị có thời gian thực hiện hợp đồng là 360 ngày và thời gian hoàn thành theo hợp đồng đã ký là ngày 24/10/2024 mà Sở Ngoại vụ không thể giải ngân hết số vốn đã được cấp theo quy định (tại khoản 2, khoản 1, Điều 45)	126/SNGV-VP ngày 06/02/2024; 161/SNGV-VJV ngày 20/02/2024 của Sở Ngoại vụ	Có xác nhận khoa học
2	Hà ứng kỹ thuật khu tái định cư công trình Cầu Nhái Lã 3 và đường D2 đầu cầu xã Bắc Ninh	Dông Hải	2022-2025		1410/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	38.000	38.000	38.000	27.460.939	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành được; Dự án được phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi vào tháng 10/2023 nên hiện tại đang thực hiện các bước khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, đang thực hiện các thủ tục chọn nhà thầu các gói thầu xây dựng năm 2023, đã thanh toán các chi phí về vốn như: KHCN và lập báo cáo nghiên cứu khả thi; KHCN và thiết kế bản vẽ thi công và dự toán; chiếm trả thiết bị mua và thi công...vv, do đó chưa thể giải ngân hết số vốn bổ trợ. Trong kế hoạch năm 2024, dự án sẽ không được bổ trợ vốn kế hoạch nên sau (theo quy định khoản 5, khoản 1, Điều 45)	12/QQLĐA-KHHTH ngày 19/02/2023	Có xác nhận khoa học
3	Đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải tại KCN Tây Bắc Đông Hải và KCN Bắc Đông Hải	Dông Hải	2023-2024	8033722	2997/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	20.000	20.000	20.000	19.304.310	Sở Quản lý Khu công nghiệp	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành được; Dự án được phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi vào tháng 10/2023 nên hiện tại đang thực hiện các bước khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, đang thực hiện các thủ tục chọn nhà thầu các gói thầu xây dựng năm 2023, đã thanh toán các chi phí về vốn như: KHCN và lập báo cáo nghiên cứu khả thi; KHCN và thiết kế bản vẽ thi công và dự toán; chiếm trả thiết bị mua và thi công...vv, do đó chưa thể giải ngân hết số vốn bổ trợ. Trong kế hoạch năm 2024, dự án sẽ không được bổ trợ vốn kế hoạch nên sau (theo quy định khoản 5, khoản 1, Điều 45)	168/KCT-KHHT ngày 22/02/2024	Có xác nhận khoa học

PHỤ LỤC II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	ĐỊA PHƯƠNG	KẾ HOẠCH 2023 KÉO DÀI SANG NĂM 2024		
		Tổng số	Cấp huyện	Cấp xã
1	Huyện Lệ Thủy	17.128.030.263	15.611.326.650	1.516.703.613
2	Huyện Quảng Ninh	393.636.534	393.636.534	
3	Thành phố Đồng Hới	77.070.296.906	67.763.763.840	9.306.533.066
4	Huyện Bố Trạch	10.876.914.000	10.876.914.000	
5	Huyện Quảng Trạch	2.356.751.000	1.815.547.000	541.204.000
6	Thị xã Ba Đồn	54.021.953.994	49.132.277.885	4.889.676.109
7	Huyện Tuyên Hóa	6.663.416.723	6.613.416.723	50.000.000
8	Huyện Minh Hóa	10.419.376.459	9.433.521.159	985.855.300
	Tổng số	178.930.375.879	161.640.403.791	17.289.972.088

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
DO CẤP BUYN, XÃ QUẢN LÝ KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 09/QĐ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Số quyết định đầu tư năm 2023	Số quyết định đầu tư năm 2024	Số quyết định đầu tư năm 2025	Số quyết định đầu tư năm 2026	Số quyết định đầu tư năm 2027	Số quyết định đầu tư năm 2028	Số quyết định đầu tư năm 2029	Số quyết định đầu tư năm 2030	
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMSĐT									
						Tổng số (tức cả các nguồn vốn)									Trung tâm Ngân hàng phố, xã, phường
1	TRÁNH PHÓ ĐỒNG BỒI (tại Văn bản số 245/UBND-TCNH ngày 22/02/2024)														
A	NGUỒN VỐN TRÁNH PHÓ QUẢN LÝ														
I	Nguồn vốn tập trung trung ương														
1	Đường nối từ bệnh viện YHCT tỉnh đến đường Phạm Văn	Phường Nam Lý	2021-2023	7899747	1974/QĐ-UBND ngày 16/04/2021	3.921.000.000	3.921.000.000	3.488.275.000	3.488.275.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mức trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai hoàn thành dự án trong năm, đến đây không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022; Quyết định 5922/QĐ-UBND ngày 25/12/2023			
3	Đường nối đường Tân Đức không với Tô Quang Đức đến đường Nguyễn Đăng Tuấn	Phường Nam Lý	2021-2023	7902988	2908/QĐ-UBND ngày 01/06/2021	9.000.000.000	9.000.000.000	3.400.000.000	817.755.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mức trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai hoàn thành dự án trong năm, đến đây không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022			
3	Xây dựng nhà ở trong vào đường tiến học Lộc Ninh	Xã Lộc Ninh	2021-2023	7906691	3410/QĐ-UBND ngày 24/06/2021	8.500.000.000	8.500.000.000	2.800.000.000	790.064.000	UBND TP Đồng Hới	Do ảnh hưởng các vấn đề vào mỗi năm làm chậm tiến độ thực hiện dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đến vào dự án được bố trí vốn kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022			
II	Nguồn vốn Quỹ đất														
1	Đường Đình Tân Hoàng đến đường Lý Nam Đế và đường phía sau công an thành phố	Phường Đồng Phú	2021-2023	7906689	3488/QĐ-UBND ngày 24/06/2021	6.000.000.000	6.000.000.000	4.259.276.000	375.907.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mức trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai hoàn thành dự án trong năm, đến đây không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	QĐ 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022; QĐ 3281/QĐ-UBND ngày 01/08/2023			
2	Trồng cây xanh và hệ đường Võ Nguyên Giáp	Xã Báo Ninh	2021-2023	7942126	5908/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	25.000.000.000	25.000.000.000	11.578.000.000	3.909.622.000	UBND TP Đồng Hới	Do ảnh hưởng tiến độ dự án vướng một bằng tài công như: Vướng dự án ảnh hưởng bằng thuế nước do Ban QLDA mới thành lập và BEKH làm chủ đầu tư; các dự án do nhà thầu triển khai đầu tư và thi công, đến đây không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022			
3	Đường phân Huy Chủ (đoạn qua chỉ tục do lương)	Phường Đồng Phú, phường Hải Thành	2021-2024	7892117	1237/QĐ-UBND ngày 16/03/2021	15.000.000.000	15.000.000.000	4.003.419.000	996.648.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mức trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai dự án, đến đây không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 5345/QĐ-UBND ngày 27/11/2023			
4	Đầu tư xây dựng đường và vỉa hè xung quanh trụ sở UBND phường Bắc Lý	Phường Bắc Lý	2023-2024	7982575	5184/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	9.000.000.000	9.000.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mức trong công tác trình dự án vào công tác của GPMB làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, đến đây không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022			
5	Điện chiếu sáng bằng đèn LED cụm TTCN Thuận Đức	Xã Thuận Đức	2022-2024	7961810	2567/QĐ-UBND ngày 15/06/2022	8.655.000.000	8.655.000.000	2.200.000.000	355.689.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mức trong công tác đầu tư hệ thống điện làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, đến đây không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022			
6	Nâng cấp đường và cầu đường Phan Đăng Lưu, phường Đồng Sơn	Phường Đồng Sơn	2022-2024	7989297	5563/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	8.500.000.000	8.500.000.000	2.930.000.000	1.932.338.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mức một bằng đi đời hệ thống điện làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, đến đây không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022; Quyết định 5912/QĐ-UBND ngày 23/12/2023			
7	Cải tạo nâng cấp kênh và hồ Bàu Dưới xã Quang Phú	Xã Quang Phú	2022-2024	7964935	3019/QĐ-UBND ngày 06/07/2022	8.000.000.000	8.000.000.000	1.600.000.000	907.354.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mức trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, đến đây không giải ngân hết số vốn đã bố trí trong năm. Để xuất kéo dài vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - NT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023	Để xuất vào tài khoản thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Chủ đầu tư	Các dự án theo quy định tại các điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, Khoản 1, Điều 43, Nghị định 09/2023/NĐ-CP ngày 04/04/2023 của Chính phủ	Quyết định giao vốn	
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT						
						Tổng số (tính cả các nguồn vốn)						Trung tâm: Nguồn thành phố, xã, phường
8	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng (tuyến đường Hồ Nghê) P. Nam Lý	Phường Nam Lý	2022 - 2023	8011528	QĐ số 229/QĐ-UBND ngày 17/01/2023	5.500.000.000	5.500.000.000	900.000.000	851.784.000	UBND TP Đồng Hới	Quyết định 3560/QĐ-UBND ngày 14/08/2023	
9	Vào hệ thống Hồ Nghê (đoạn từ công trình vận Ca Đa đến ở từ Trường Hải)	Phường Nam Lý	2022 - 2023	8029036	QĐ số 2098/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	3.000.000.000	3.000.000.000	1.200.900.000	775.158.000	UBND TP Đồng Hới	Quyết định 3560/QĐ-UBND ngày 14/08/2023	
10	HTKT làm nền cơ TDP9, P. Bắc Lý, TP Đồng Hới	Phường Bắc Lý		8017878	4806/QĐ-UBND ngày 10/12/2019	19.595.000.000	19.595.000.000	4.283.368.000	2.342.235.961	UBND TP Đồng Hới	Quyết định 76/QĐ-UBND ngày 10/01/2023	
11	HTKT khu dân cư thôn Trung Đình, xã Bắc Ninh, TP Đồng Hới	Xã Bắc Ninh		8017878	09/QĐ-UBND ngày 03/01/2019	39.800.000.000	39.800.000.000	6.609.430.000	5.192.917.000	UBND TP Đồng Hới	Quyết định 5345/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	
12	HTKT tạo quỹ đất làm đất ở TDP10, P. Bắc Lý	Phường Bắc Lý		8017876	2998/QĐ-UBND ngày 18/06/2019	27.547.106.000	27.547.106.000	2.656.032.000	2.090.090.852	UBND TP Đồng Hới	Quyết định 5345/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	
13	HTKT khu đất ở TDP4 (khu vực đất 32) phường Bắc Lý	Phường Bắc Lý		8017877	2488/QĐ-UBND ngày 31/03/2018	11.885.791.000	11.800.791.000	3.489.232.000	100.000.000	UBND TP Đồng Hới	Quyết định 76/QĐ-UBND ngày 10/01/2023	
14	HTKT khu dân cư phía sau nhà máy sản xuất và phường Phú Hải (giai đoạn 2)	Phường Phú Hải		8064830	2223/QĐ-UBND ngày 27/06/2016	21.710.000.000	21.710.000.000	1.087.509.000	1.087.509.000	UBND TP Đồng Hới	Quyết định 3345/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	
15	HTKT KDC phố Đồng Đức tương không cháy, P. Đồng Phú	Phường Đồng Phú		8017874	2454/QĐ-UBND ngày 12/08/2016	90.780.000.000	90.780.000.000	21.856.593.000	1.925.328.000	UBND TP Đồng Hới	Quyết định 76/QĐ-UBND ngày 10/01/2023	
16	HTKT KDC thôn Sa Đông, xã Bắc Ninh	Xã Bắc Ninh		8064171	QĐ 4995/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	14.995.000.000	14.995.000.000	1.589.631.000	1.589.631.000	UBND TP Đồng Hới	Quyết định 5345/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	
17	HTKT khu đất ở khu vực sau nhà máy sản xuất	Phường Phú Hải		8064829	3281/QĐ-UBND ngày 20/10/2016	25.954.175.000	25.954.175.000	1.054.087.000	1.054.087.000	UBND TP Đồng Hới	Quyết định 5345/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	
18	Đường vào thôn Diêm Sơn (sát đường trình thành phố Đồng Hới)	Xã Đức Ninh	2019 - 2023	7731303	5137/QĐ-UBND ngày 30/10/2028	8.500.000.000	8.500.000.000	8.301.083.000	8.301.083.000	UBND TP Đồng Hới	Quyết định 3283/QĐ-UBND ngày 01/08/2023	
19	Đường từ đường quy hoạch 36m vào TDP Nam Hồng	Phường Phú Hải	2020-2023	7789803	5651/QĐ-UBND ngày 26/06/2019	6.785.000.000	6.785.000.000	6.445.000.000	5.718.730.000	UBND TP Đồng Hới	Quyết định 3283/QĐ-UBND ngày 01/08/2023	
20	Trang trí đèn LED bùng binh điện lực bùng binh Đuôi điện bùng binh Trần Hưng Đạo - V8 Nguyễn Giáp và tháp nước Đồng Mỹ	TP Đồng Hới						980.000.000	980.000.000	UBND TP Đồng Hới	Quyết định 5345/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - BT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023	Để trước báo cáo thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Chức danh tư	Các lý do theo quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 42/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn	
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tính cả các nguồn vốn)						Trong đó: Ngân thành phố, xã, phường
21	Xây dựng và lắp quốc lộ 1 (đoạn từ đường F325 đến công trường phía Bắc thành phố Đồng Hới)	XI Lộc Ninh P. Bắc Lý	2023-2025	8054711	4964/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	20.000.000.000	20.000.000.000	2.499.000.000	1.258.991.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong thời gian chuẩn bị đầu tư dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã giao. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 4964/QĐ-UBND ngày 06/11/2023
22	Trung tâm hiện đại nông nghiệp 14, thành phố Đồng Hới	Phường Đồng Hải	2023-2025	8066903	5372/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	25.000.000.000	25.000.000.000	1.250.900.000	989.636.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong thời gian chuẩn bị đầu tư dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã giao. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 5459/QĐ-UBND ngày 04/12/2023
22	Cum trồng nông nghiệp Lộc Ninh (giai đoạn 2)	XI Lộc Ninh	2023-2025	8063954	5160/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	35.000.000.000	35.000.000.000	924.000.000	461.367.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong thời gian chuẩn bị đầu tư dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã giao. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 5459/QĐ-UBND ngày 04/12/2023
24	Công viên Hồ Sơn (phần sau không chuyên VS Nguyễn Giáp)	Phường Nam Lý	2023-2025	8068414	5877/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	35.000.000.000	35.000.000.000	832.000.000	493.796.000	UBND TP Đồng Hới	Do vướng mắc trong thời gian chuẩn bị đầu tư dẫn đến không giải ngân hết số vốn đã giao. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	Quyết định 6135/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
25	Đường giao thông nội vùng T8 đến phố 10 phường Đồng Sơn	Phường Đồng Sơn	2023-2024	8032137	2177/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	2.729.000.000	1.800.000.000	900.900.000	27.103.000	UBND phường Đồng Sơn	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án và sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	QĐ 2234/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của UBND TP
26	Xây dựng nhà văn hóa TDP 8 phường Đồng Sơn	Phường Đồng Sơn	2023-2025	8047474	232/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	1.500.000.000	600.000.000	600.000.000	114.714.000	UBND phường Đồng Sơn	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án và sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	QĐ 3281/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND TP
27	Xây dựng nhà văn hóa TDP 11 phường Đồng Sơn	phường Đồng Sơn	2023-2024	8049540	345/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	1.300.000.000	600.000.000	600.000.000	26.314.000	UBND phường Đồng Sơn	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án và sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	QĐ 3281/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND TP
28	Đầu tư xây dựng Hội trường UBND xã Đức Ninh	XI Đức Ninh	2023-2025	8054628	4726/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	9.000.000.000	3.000.000.000	450.000.000	1.722.000	UBND xã Đức Ninh	Dự án không được bố trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ cho năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	4868/QĐ-UBND ngày 23/10/2023
29	Nâng cấp sân chơi thiếu nhi và tương đương nước TDP 7 phường Hải Thành	Phường Hải Thành	2023-2024	7968342	3598/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	3.500.000.000	2.100.000.000	500.000.000	53.000.000	UBND phường Hải Thành	Dự án không được bố trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ cho năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
30	Sân chơi Trẻ em xã phường Hải Thành	Phường Hải Thành	2023-2025	8062831	768/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	1.200.000.000	720.000.000	720.000.000	114.252.000	UBND phường Hải Thành	Dự án không được bố trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ cho năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	3282/QĐ-UBND ngày 01/8/2023
31	Kênh mương nội đồng HTX Lộc Đại xã Lộc Ninh	XI Lộc Ninh	2022-2023	7961807	2752/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	3.000.000.000	1.800.000.000	700.000.000	98.330.000	UBND Lộc Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án và sử dụng trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
32	Xây dựng Nhà văn hóa TDP 6 phường Nam Lý	Phường Nam Lý	2022-2024	8031118	708/QĐ-UBND ngày 15/6/2023	2.000.000.000	700.000.000	700.000.000	64.690.000	UBND phường Nam Lý	Dự án không được bố trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ cho năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	3281 ngày 1/6/2023; 2430/QĐ-UBND ngày 15/6/2023
33	Xây dựng Nhà văn hóa TDP 4 phường Nam Lý	Phường Nam Lý	2023-2024	8034269	636/QĐ-UBND ngày 5/5/2023	2.000.000.000	700.000.000	700.000.000	176.093.000	UBND phường Nam Lý	Dự án không được bố trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ cho năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	3281/QĐ-UBND ngày 1/8/2023; 2430/QĐ-UBND ngày 15/6/2023
34	Xây dựng Nhà văn hóa TDP 1 phường Nam Lý	Phường Nam Lý	2023-2025	8069261	1759/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	2.000.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	UBND phường Nam Lý	Dự án không được bố trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ cho năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	3281/QĐ-UBND ngày 1/8/2023

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - BT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023	Số xuất báo cáo thời gian thực hiện và giám sát tiến độ kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 49/2023/NĐ-CP ngày 06/04/2023 của Chính phủ	Quyết định giải vốn	
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trung tâm Ngân hàng phố, xã, phường
35	Xây dựng Nhà văn hóa TDP 3 phường Nam Lý	Phường Nam Lý	2023-2025	8062819	1610/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	2.100.000.000	900.000.000	600.000.000	600.000.000	UBND phường Nam Lý	Dự án không được bổ trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ năm sau. Để xuất báo cáo theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	3281/QĐ-UBND ngày 14/8/2023
36	Nâng cấp trung tâm M. cơ sở vật chất nhà văn hóa TDP 3 phường Nam Lý	Phường Nam Lý	2023-2024				100.000.000	100.000.000	100.000.000	UBND phường Nam Lý	Dự án không được bổ trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ cho năm sau. Để xuất báo cáo theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	3281/QĐ-UBND ngày 14/8/2023
37	Xây dựng mới các tuyến đường song lưu địa thôn Tân Phú và Quang Phú	Xã Quang Phú	2023-2023	0018351	910/QĐ-UBND ngày 22/03/2023	3.241.415.000	3.141.415.000	1.300.000.000	1.931.171	UBND Xã Quang Phú	Dự án không được bổ trí kế hoạch vốn phân bổ NSTP hỗ trợ năm sau. Để xuất báo cáo theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	1173/QĐ-UBND ngày 03/04/2023
38	Xây dựng hệ thống thoát nước TDP Phú Thượng phường Phú Hải	Phường Phú Hải	2023-2025	7984501	4188/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	1.880.900.000	1.300.000.000	800.900.000	328.891.000	UBND phường Phú Hải	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 23/12/2023
39	Nhà văn hóa thôn Trung Nghĩa 1	Xã Nghĩa Ninh	2023-2024	8059793	159/QĐ-UBND ngày 09/10/2022	1.500.000.000	500.000.000	900.000.000	164.803.000	UBND xã Nghĩa Ninh	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	2430/QĐ-UBND ngày 15/6/2023
40	Nhà văn hóa thôn Thuận Hòa	Xã Nghĩa Ninh	2023-2024	8054364	155/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	1.500.000.000	500.000.000	900.000.000	160.834.000	UBND xã Nghĩa Ninh	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	2430/QĐ-UBND ngày 15/6/2023
41	Nâng cấp trung tâm M. cơ sở vật chất nhà văn hóa thôn Trung Nghĩa 1, Trung Nghĩa 4, Thuận Hòa Xã Nghĩa Ninh	Xã Nghĩa Ninh	2023	8059167	206/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	330.000.000	300.000.000	300.000.000	4.930.000	UBND xã Nghĩa Ninh	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	2430/QĐ-UBND ngày 15/6/2023
42	Nâng cấp trung tâm M. cơ sở vật chất nhà văn hóa thôn Trung Nghĩa 3 Xã Nghĩa Ninh	Xã Nghĩa Ninh	2023	8059168	190/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	110.000.000	100.000.000	100.000.000	1.618.000	UBND xã Nghĩa Ninh	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	5281/QĐ-UBND ngày 01/8/2023
43	Kênh mương Cây Dừa đi đồng Thôn Thuận xã Nghĩa Ninh	Xã Nghĩa Ninh	2022-2023	7960876	2646/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	944.000.000	566.000.000	283.000.000	283.000.000	UBND xã Nghĩa Ninh	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2023
44	Nhà thiêu chôn và nhà hỏa táng xã Nghĩa Ninh trong Liên tự thành phố Đông Hải	Phường Hải Thành	2023-2024	8058938	QĐ số 4953/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	596.261.000	Phòng LĐT&XH TP	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	1173/QĐ-UBND ngày 05/04/2023
45	Xây dựng sân xe, sân bóng vào khuôn viên nhà văn hóa TT dịch vụ nông nghiệp thành phố	Xã Đức Ninh	2023-2022	7954652	QĐ số 11519/QĐ-UBND ngày 28/4/2022	1.000.000.000	1.000.000.000	480.000.000	5.560.000	Trung tâm DVNN TP	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
46	Hệ thống thiết bị truyền phòng họp tại Trung tâm chính trị thành phố		2023-2024	8058935	QĐ số 4910/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	600.000.000	600.000.000	600.000.000	53.781.000	Trung tâm Chính trị thành phố	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	4923/QĐ-UBND ngày 03/11/2023
47	Nâng cấp, sửa chữa đường Tô Vĩnh Diện phường Bắc Lý	TP Đông Hải	2021-2023	7918018	5119/QĐ-UBND ngày 09/06/2021	3.200.000.000	3.200.000.000	640.000.000	42.241.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023	Số mức của chi thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 song năm 2024	Chức danh tư	Các lý do thực quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 49/2023/NĐ-CP ngày 06/04/2023 của Chính phủ	Quyết định giao vốn	
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT						
						Tổng số (tính cả các nguồn vốn)						Trung tâm: Ngân thành phố, xã, phường
48	Sửa chữa xây dựng các hạng mục đường Trường Quốc tế Lê Lợi	TP Đồng Hới	2021-2023	7818019	5119/QĐ-UBND ngày 09/06/2021	2.500.000.000	2.500.000.000	150.000.000	62.692.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
43	Hàng cấp, sửa chữa đường Hẻm Thuận phường Bắc Lý	TP Đồng Hới	2021-2023	7818021	5122/QĐ-UBND ngày 09/06/2021	3.500.000.000	3.200.000.000	250.000.000	30.994.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2023
50	Hàng cấp, sửa chữa đường Nguyễn Dung phường Bắc Lý	TP Đồng Hới	2021-2023	7918022	5121/QĐ-UBND ngày 09/06/2021	2.800.000.000	2.500.000.000	220.000.000	36.823.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2023
51	Quy hoạch phân khu phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000	TP Đồng Hới	2021-2023	7926655	QĐ 2731/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 (tỉnh)	2.388.000.000	2.388.000.000	1.171.000.000	870.197.000	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch tương thành phố Đồng Hới được cấp và thẩm quyền phê duyệt lần đầu theo số cơ sở để nghiên cứu và giải ngân vốn sang năm. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
52	Quy hoạch phân khu phường Đông Sơn, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000	TP Đồng Hới	2021-2023	7926657	QĐ 1942/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 (tỉnh)	3.250.000.000	3.260.000.000	1.782.090.000	1.293.482.000	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch tương thành phố Đồng Hới được cấp và thẩm quyền phê duyệt lần đầu theo số cơ sở để nghiên cứu và giải ngân vốn trong năm. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2023
53	Quy hoạch phân khu khu vực phát triển xã Đức Ninh thành phố Đồng Hới	TP Đồng Hới	2021-2023	7926658	QĐ 2453/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 (tỉnh)	1.688.000.000	1.688.000.000	682.000.000	682.000.000	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch tương thành phố Đồng Hới được cấp và thẩm quyền phê duyệt lần đầu theo số cơ sở để nghiên cứu và giải ngân vốn sang năm. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
54	Quy hoạch phân khu khu vực phát triển và Nghĩa Minh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000	TP Đồng Hới	2022-2024	7843115	QĐ 4773/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	4.617.000.000	4.617.000.000	2.400.000.000	404.166.475	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch tương thành phố Đồng Hới được cấp và thẩm quyền phê duyệt lần đầu theo số cơ sở để nghiên cứu và giải ngân vốn sang năm. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2023
53	Quy hoạch phân khu khu vực phát triển phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000	TP Đồng Hới	2023-2024	7929758	QĐ 3616/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	1.320.000.000	1.380.000.000	980.000.000	682.112.780	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch tương thành phố Đồng Hới được cấp và thẩm quyền phê duyệt lần đầu theo số cơ sở để nghiên cứu và giải ngân vốn sang năm. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
56	Quy hoạch phân khu khu vực phát triển xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000	TP Đồng Hới	2022-2024	7929759	QĐ 3499/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	2.431.000.000	2.431.000.000	1.300.000.000	169.686.892	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch tương thành phố Đồng Hới được cấp và thẩm quyền phê duyệt lần đầu theo số cơ sở để nghiên cứu và giải ngân vốn sang năm. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2023
57	Sửa chữa khắc phục ngập đọng trên địa bàn phường Nam Lý	TP Đồng Hới	2022-2023	7960001	QĐ 2552/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	1.200.000.000	1.200.000.000	680.000.000	13.388.909	Phòng Quản lý đô thị	Theo điểm c, điều 48, Nghị định 49/2023/NĐ-CP ngày 06/04/2023 của Chính phủ	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
58	Cấp nước giải quyết chi phí quy hoạch chi tiêu phường Hải Thành, tỷ lệ 1/500	TP Đồng Hới	2022-2024	7965801	QĐ 2001/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	2.700.000.000	2.700.000.000	2.060.000.000	489.944.700	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
59	Hàng cấp, sửa chữa đường nội đường Trường Chinh và đường Bãi Viên, đường nội đường Hoàng Sâm đến đường số TDP 11 Phường Bắc Lý	TP Đồng Hới	2022-2022	7971790	Quyết định 3969/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	3.500.000.000	3.500.000.000	2.000.000.000	142.761.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
60	Hàng cấp, sửa chữa các tuyến đường đoạn giao nhau giữa đường Tô Vĩnh Diện và Nguyễn Dung phường Bắc Lý	TP Đồng Hới	2022-2023	7971791	Quyết định 3968/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	3.500.000.000	3.500.000.000	2.600.000.000	419.356.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
61	Xây dựng ngầm trần chống ngập lụt khu dân cư ở thôn Thuận Vinh xã Thuận Đức	TP Đồng Hới	2022-2023	7971792	Quyết định 3967/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	2.200.000.000	2.200.000.000	1.500.000.000	486.921.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất báo cáo vốn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022

STT	Đanh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Mã số dự án	Quyết định theo		Kế hoạch vốn năm 2023	Số xuất khẩu để thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Chức danh tư	Các lý do theo quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 của Luật Đầu tư năm 2020 và Nghị định 48/2020/NĐ-CP ngày 04/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giải vốn	
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT						
						Tổng số (tính cả các nguồn vốn)						Trong đó: Nghĩa thành phố, xã, phường
62	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Hoàng Văn Thụ và ngõ 300 đường Lý Thái Tổ phường Đông Sơn	TP Đông Hải	2022-2023	7971792	Quyết định 3970/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	4.300.000.000	4.500.000.000	2.000.000.000	89.601.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dự án trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất khẩu đầu tư vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
63	Cải thiện tác đường	TP Đông Hải	2022-2023	7991441	QB 3749/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	1.100.000.000	1.100.000.000	530.000.000	37.609.784	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dự án trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất khẩu đầu tư vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
64	Quy hoạch phân khu khu vực phát triển xã Quảng Phú, thành phố Đông Hải từ 1/2000	Xã Quảng Phú	2022-2024	8020439	QB 2863/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	1.527.000.900	1.327.800.000	000.900.000	436.648.000	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch không thành phố Đông Hải theo được cấp số tiền quyền phê duyệt đầu tư theo số cơ sở để nghiệm thu và giải ngân vào trong năm. Để xuất khẩu đầu tư vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
65	Quy hoạch phân khu khu vực phát triển đô thị phường Bắc Nghĩa, thành phố Đông Hải, từ 1/2000	Phường Bắc Nghĩa	2023-2024	7988589	QB 2424/QĐ-UBND ngày 08/9/2022	3.150.000.000	3.130.090.000	1.720.800.000	278.418.000	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch được thành phố Đông Hải theo được cấp số tiền quyền phê duyệt đầu tư theo số cơ sở để nghiệm thu và giải ngân vào trong năm. Để xuất khẩu đầu tư vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
66	Quy hoạch phân khu khu vực phát triển và Lộc Ninh, thành phố Đông Hải từ 1/2000	Xã Lộc Ninh	2022-2024	8007380	QB 107/QĐ-UBND ngày 17/01/2021	3.168.000.000	3.168.000.000	1.500.000.000	307.720.674	Phòng Quản lý đô thị	Do Quy hoạch Quảng thành phố Đông Hải theo được cấp số tiền quyền phê duyệt đầu tư theo số cơ sở để nghiệm thu và giải ngân vào trong năm. Để xuất khẩu đầu tư vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 43	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
67	Xây dựng công trình cầu vượt tại ngã tư giao bình tại khu dân cư Bắc Cầu Ngàn TDP Phường phường Phú Hải	Phường Phú Hải	2023	8014793	QB số 343/QĐ-UBND ngày 06/2/2023	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	35.103.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dự án trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất khẩu đầu tư vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	378/QĐ-UBND ngày 23/02/2023
68	Nâng cấp, sửa chữa đường Nguyễn Đăng Tuấn, phường Nam Lý	TP Đông Hải	2023-2025	8043530	QB số 2115/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	4.000.000.000	4.200.000.000	763.000.000	6.409.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dự án trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất khẩu đầu tư vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	2393/QĐ-UBND ngày 12/6/2023
69	Cải thiện môi trường để an toàn chính quy hoạch thị trấn phường Nam Lý từ 1/500	TP Đông Hải	2023-2024	8030753	QB số 964/QĐ-UBND ngày 27/3/2023	4.870.957.000	4.870.957.000	4.178.000.000	2.648.220.000	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dự án trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất khẩu đầu tư vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	6136/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; 1033/QĐ-UBND ngày 30/3/2023
70	Cải thiện môi trường để an toàn chính quy hoạch thị trấn phường Đông Phú từ 1/500	TP Đông Hải	2023-2024	8030734	QB số 985/QĐ-UBND ngày 27/3/2023	4.861.000.000	4.861.000.000	4.860.000.000	1.812.224.700	Phòng Quản lý đô thị	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dự án trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất khẩu đầu tư vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	6136/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; 1033/QĐ-UBND ngày 30/3/2023
71	Xây dựng cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật dịch vụ công ích thành phố	TP Đông Hải	2022 - 2024		QB 4967/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	3.500.000.000	3.500.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	BQL Dịch vụ công ích TP Đông Hải	Dự án ứng dụng CNTT số tính chất đặc thù và phức tạp cần đầu tư giải trình thực hiện tại cơ sở số 4, hạ tầng công nghệ thông tin để làm căn cứ để giải ngân vốn. Để xuất khẩu đầu tư vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	6350/QĐ-UBND ngày 26/12/2022; 3560/QĐ-UBND ngày 14/8/2023
B	NGÂN LÁCH XÃ					88.064.112.800	78.182.372.800	41.334.388.575	9.306.533.866			
I	UBND PHƯỜNG BẮC LÝ					14.998.000.000	14.998.000.000	7.432.200.000	20.936.800			
1	Xây dựng nhà thi đấu phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	2021-2023	7710405	QB 625/QĐ-UBND ngày 14/07/2021	14.998.000.000	14.998.000.000	7.432.200.000	20.936.000	UBND phường Bắc Lý	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dự án trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất khẩu đầu tư vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	QB số 986/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
II	UBND XÃ BẢO NINH					58.703.908.000	53.937.168.000	29.550.800.000	8.713.689.394			
1	Thiết bị một chất Trầm y tế xã Bảo Ninh	Bảo Ninh	2023	8068491	1029/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	500.000.000	500.000.000	450.000.000	10.787.000	UBND xã Bảo Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dự án trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất khẩu đầu tư vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	QB số 1164/QĐ-UBND ngày 28/12/2023
2	Sơn sửa nhà lớp học Trường Mầm non Bảo Ninh - Cơ số 2	Bảo Ninh	2023-2024	8037046	535/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	950.000.000	950.000.000	950.000.000	127.404.000	UBND xã Bảo Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dự án trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất khẩu đầu tư vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	QB số 690/QĐ-UBND ngày 04/8/2023
3	Xây dựng hệ thống tại 10 và sửa chữa nhà hội trường Trường Mầm non cơ số 1 Bảo Ninh	Bảo Ninh	2023-2024	8034888	485/QĐ-UBND ngày 06/6/2023	2.202.168.000	2.202.168.000	2.200.000.000	188.671.000	UBND xã Bảo Ninh	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dự án trong năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Để xuất khẩu đầu tư vốn theo quy định tại Điều 4, Khoản 1, Điều 48	QB số 690/QĐ-UBND ngày 04/8/2023

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - RT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023	Đề xuất làm đại thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vào năm 2023 sang năm 2024	Chức danh tư	Các lý do theo quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, Điều 48, Nghị định 40/2023/NĐ-CP ngày 04/04/2023 của Chính phủ	Quyết định giải vốn	
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TNSBT						
						Tổng số (tính cả các nguồn vốn)						Trong đó: Ngân sách nhà, xã, phường
4	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thị Định xã Báo Ninh (đoạn từ cầu Nhật Lệ II đến ngã tư xã Báo Ninh) Giải đoạn I	Báo Ninh	2020-2024	786592	1658/QĐ-UBND ngày 22/3/2020	30.000.000.000	30.000.000.000	9.300.000.000	7.000.000.000	UBND xã Báo Ninh	QĐ số 17/QĐ-UBND ngày 04/01/2023	
5	Nâng cấp tuyến đường giao thông thôn Mỹ Chính	Báo Ninh	2022-2024	8000430	3327/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	6.151.740.000	3.385.000.000	3.250.000.000	3.202.000	UBND xã Báo Ninh	QĐ số 179/QĐ-UBND ngày 09/3/2023	
6	Nâng cấp các tuyến đường thôn Sơ thông xã Báo Ninh, thành phố Đông Hải	Báo Ninh	2022-2024	7998328	6021/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	8.300.000.000	6.300.000.000	5.000.000.000	753.099.000	UBND xã Báo Ninh	QĐ số 690/QĐ-UBND ngày 04/9/2023	
7	Sửa chữa nâng cấp các tuyến đường thôn Hải Dương xã Báo Ninh, TP Đông Hải	Báo Ninh	2022-2024	8007379	3472/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	8.000.000.000	8.000.000.000	6.500.000.000	290.284.294	UBND xã Báo Ninh	QĐ số 690/QĐ-UBND ngày 04/9/2023	
8	Sửa chữa công cộng thôn Đông Dương xã Báo Ninh	Báo Ninh	2022-2024	8036430	334/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	1.200.000.000	1.300.000.000	1.200.000.000	238.536.000	UBND xã Báo Ninh	QĐ số 690/QĐ-UBND ngày 04/9/2023	
9	Cấp nước sinh hoạt thôn Cờ Phai xã Báo Ninh	Báo Ninh	2022-2024	8002003	3366/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	1.200.000.000	1.200.000.000	700.000.000	102.186.000	UBND xã Báo Ninh	QĐ số 12/QĐ-UBND ngày 04/01/2023	
III	UBND PHƯỜNG ĐÔNG SƠN					2.000.000.000	808.980.000	145.315.575	68.882.063			
1	Cải tạo, sửa chữa 02 dãy nhà làm việc trụ sở phường Đông Sơn	Phường Đông Sơn	2021-2023	7929700	QĐ 6327/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	2.000.000.000	800.000.000	165.315.575	68.882.063	UBND phường Đông Sơn	QĐ số 124/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của UBND phường	
IV	UBND XÃ THUẬN ĐỨC					1.200.000.000	480.000.000	480.000.000	298.245.000			
1	Sửa chữa, cải tạo dãy nhà 2 tầng Tron Y xã Thuận Đức	Xã Thuận Đức	2023-2024	8066196	Số 838/QĐ-UBND ngày 1/12/2023	1.200.000.000	480.000.000	480.000.000	298.245.000	UBND xã Thuận Đức	Số 474/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND xã Thuận Đức	
V	UBND PHƯỜNG PHÚ HẢI					5.041.000.000	5.041.000.000	2.051.700.000	106.220.607			
1	Nâng cấp, sửa chữa mặt đường và hệ thống thoát nước các tuyến đường trên địa bàn phường Phú Hải	Phường Phú Hải	2021 - 2023	7859070	QĐ số 184/QĐ-UBND ngày 12/11/2020	5.041.000.000	5.041.000.000	2.051.700.000	106.220.607	UBND phường Phú Hải	QĐ số 31/QĐ-UBND ngày 17/4/2023	
VI	UBND XÃ NGHĨA NINH					6.121.284.000	2.926.204.000	1.457.873.800	90.560.000			
1	Xây dựng Tuyến đường Đông Thắng Thôn, Đông Hưng xã Nghĩa Ninh	Nghĩa Ninh	2022-2023	7960877	2647/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	1.011.204.000	461.204.000	326.664.000	10.921.000	UBND xã Nghĩa Ninh	QĐ số 04/QĐ-UBND ngày 05/01/2023	
2	Nhà văn hóa thôn Trung Nghĩa 2	Nghĩa Ninh	2022-2023	7975081	560/QĐ-UBND ngày 20/5/22	1.500.000.000	700.000.000	430.409.000	16.677.000	UBND xã Nghĩa Ninh	QĐ số 04/QĐ-UBND ngày 05/01/2023	
3	Nhà văn hóa thôn Trung Nghĩa 5	Nghĩa Ninh	2022-2023	7977490	561/QĐ-UBND ngày 20/5/22	1.500.000.000	700.000.000	390.000.000	8.550.000	UBND xã Nghĩa Ninh	QĐ số 04/QĐ-UBND ngày 05/01/2023	
4	Nhà văn hóa thôn Trung Nghĩa 1	Nghĩa Ninh	2023-2024	8059795	159/QĐ-UBND ngày 09/10/23	1.500.000.000	555.000.000	50.000.000	50.000.000	UBND xã Nghĩa Ninh	QĐ số 04/QĐ-UBND ngày 05/01/2023	
5	Mua sắm trang thiết bị, tài sản Hội trường A - UBND xã Nghĩa Ninh	Nghĩa Ninh	2023	8056739	200/QĐ-UBND ngày 06/11/23	500.000.000	500.000.000	450.000.000	2.412.000	UBND xã Nghĩa Ninh	QĐ số 124 /QĐ-UBND ngày 18/08/2023	
6	Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất nhà văn hóa thôn Trung Nghĩa 3 Xã Nghĩa Ninh.	Nghĩa Ninh	2023	8059168	190/QĐ-UBND ngày 27/10/23	110.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	UBND xã Nghĩa Ninh	QĐ số 124 /QĐ-UBND ngày 18/08/2023	

Biên số 11.3
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: **Đồng**

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã dự án	KC - HT	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, n, o, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	Quyết định
1	2	3	4	5		6	7	8	9	10
	HUYỆN TUYẾN HÓA (Tại Văn bản số 238/BC-UBND ngày 22/02/2024)					108.185.692.684	34.911.766.234	12.345.814.320		
A	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ					75.189.092.000	23.853.096.000	6.613.416.723		
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP THUNG					46.051.000.000	6.282.219.000	1.247.046.223		
1	Nhà trực Trung đội dân quân cơ động huyện	BCH Quận tư huyện	7004686	2021-2023		3.050.000.000	550.000.000	27.150.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 ngày của UBND huyện
2	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Tiểu học Châu Hóa	UBND xã Châu Hóa	8021618	2023-2025		3.201.000.000	2.320.000.000	53.737.642	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 và 2121/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND huyện
3	Đường giao thông đất đồng từ nhà anh Trường ra đồng Phoooc, xã Lâm Hóa	UBND xã Lâm Hóa	8006816	2023	2166/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND huyện Tuyến Hóa	900.000.000	852.219.000	13.324.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
4	Nhà làm việc UBND xã Phong Hòa	UBND xã Phong Hòa	7940366	2022-2023	QĐ số 3082/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND huyện	2.000.000.000	1.000.000.000	10.264.581	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
5	Nhà làm việc UBND xã Đông Hóa tầng 2 (giai đoạn 2)	UBND xã Đông Hóa	7932790	2022-2023	QĐ số 3080/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND huyện Tuyến Hóa	1.350.000.000	550.000.000	232.570.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
6	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng Trường THPT THCS Văn Hóa	UBND XI Văn Hóa		2024-2025	Chưa có QĐ PD	3.450.000.000	80.000.000	80.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 và 2442/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện
7	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Bắc Sơn, xã Thanh Hóa	UBND XI Thanh Hóa		2024-2025	Chưa có QĐ PD	6.300.000.000	90.000.000	90.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện
8	Cải tạo, sửa chữa hội trường và khuôn viên trụ sở UBND xã Lâm Hóa	UBND XI Lâm Hóa		2024-2025	190/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của UBND huyện Tuyến Hóa	2.000.000.000	60.000.000	60.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 và 2442/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện
9	Nhà lớp học bộ môn 6 phòng 2 tầng Khu vực 1, Trường tiểu học Cao Quảng (giai đoạn 1)	UBND XI Cao Quảng		2024-2025	Chưa có QĐ PD	1.800.000.000	50.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện
10	Cổng rào sù và đường hai đầu cổng thôn Tây Hóa	UBND XI Mai Hóa		2024	Chưa có QĐ PD	1.100.000.000	40.000.000	40.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 và 2442/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện
11	Đường GTNT thôn Đại Sơn	UBND xã Đông Hóa		2024-2025	Chưa có QĐ PD	750.000.000	40.000.000	40.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/12/2023 của UBND huyện
12	Đường bê tông từ nhà ông Toán đến nhà ông Vy thôn Kim Ninh, xã Kim Hóa	UBND xã Kim Hóa		2024-2025	71/QĐ-UBND ngày 11/01/2024 của UBND Huyện Tuyến Hóa	750.000.000	40.000.000	40.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện
13	Nhà làm việc một cửa liên thông UBND thị trấn Đông Lễ	UBND huyện		2024-2025	Chưa có QĐ PD	3.500.000.000	50.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 và 2442/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện
14	Quy hoạch, giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật để xây dựng trụ sở công an các xã trên địa bàn huyện Tuyến Hóa	UBND huyện		2024-2025	Chưa có QĐ PD	4.150.000.000	90.000.000	90.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 và 2442/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện
15	Đường Giao thông nông thôn từ xóm 1 Sao Phong đi đồng Đồi Vai thôn Minh Cẩm Nội, xã Phong Hòa	UBND xã Phong Hòa		2024-2025	QĐ số 191/QĐ-UBND ngày 20/01/2024 của UBND huyện	1.800.000.000	60.000.000	60.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện
16	Nâng cấp, sửa chữa đường nội thôn Tam Đa, xã Sơn Hóa	UBND xã Sơn Hóa		2024-2025	Chưa có QĐ PD	1.900.000.000	60.000.000	60.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 và 2442/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện
17	Đường nội thôn Quảng Hóa xã Lê Hóa	UBND xã Lê Hóa		2024-2025	207/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND huyện Tuyến Hóa	1.300.000.000	50.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện

TT	Chung trình	Chủ Đầu tư	Mã dự án	KC - HT	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2023	Khoản đầu tư thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định	
18	Nhà lớp học bộ môn 6 phòng 2 tầng Trường tiểu học Kim Lê (giai đoạn 1)	UBND xã Kim Hóa			2024-2025	Chưa có QĐ PD	1.900.000.000	50.900.000	50.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 và 2442/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện
19	Nâng cấp kênh mương Huyện Thủy	UBND xã Thạch Hóa			2024-2025	Chưa có QĐ PD	1.300.000.000	50.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện
20	Trụ sở làm việc UBND xã Hương Hóa (Tầng 2)	UBND xã Hương Hóa			2024-2025	Chưa có QĐ PD	1.850.000.000	60.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện
21	Nhà văn hóa thôn Bàu, xã Tiến Hóa	UBND xã Tiến Hóa			2024-2025	Chưa có QĐ PD	1.700.000.000	40.000.000	40.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1920/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện
H	VỐN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT						29.138.092.000	17.578.877.800	5.344.378.500		
I											
1	Xây dựng Trường Mầm non Tân Thủy, xã Kim Hóa	UBND xã Kim Hóa	7959462		2023-2025	893/QĐ-UBND ngày 02/06/2022 của UBND Huyện Tuyên Hóa	3.700.900.000	1.900.000.000	1.481.073.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện
2	Đường và cầu Quảng Hóa - Hợp Tiến, xã Cao Quảng	UBND xã Cao Quảng	7932792		2023-2025	3096/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND huyện Tuyên Hóa	2.200.000.000	900.000.000	169.367.900	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện
3	Đường nối thôn Trung Lăng đến chợ Vang, xã Văn Hóa	UBND xã Văn Hóa	7999656		2025	QĐ 2217/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND huyện	1.050.000.000	1.010.000.000	25.190.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện
4	Đường GTNT nội thôn Đồng Phai	UBND xã Đồng Hóa	8006814		2023-2024	2282/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND huyện Tuyên Hóa	050.000.000	660.000.000	61.711.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện
5	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng trường TH số 2 Đồng Lê	UBND thị trấn Đồng Lê	8026977		2023-2025	QĐ số 551/QĐ-UBND, ngày 04/04/2023 của UBND huyện Tuyên Hóa	3.700.000.000	3.220.000.000	78.733.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	2488/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 và 2121/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND huyện
6	Xây dựng Hàng rào khuôn viên Trụ sở cơ quan Huyện ủy Tuyên Hóa	Văn phòng Huyện ủy	8024711		2025	QĐ số 618/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND huyện	848.000.000	248.000.000	46.600.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	388/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện
7	Mặt bằng Trường Tiểu học Lâm Hóa, điểm trường Bán Chười	UBND xã Lâm Hóa	8021520		2023-2023	1965 ngày 03/11/2022 của UBND huyện Tuyên Hóa	700.000.000	700.000.000	1.584.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	388/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện
8	Tuyến đường kết nối trục chính qua khu hạ tầng Tam Đa, xã Tiến Hóa đi xã Mai Hóa	UBND xã Tiến Hóa	8008447		2023-2025	QĐ số 2381/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND huyện	2.000.000.000	2.000.000.000	521.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	388/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện
9	Nhà lớp học và phòng chức năng 2 tầng 8 phòng Trường Mầm non Hương Hóa	UBND xã Hương Hóa	7764791		202-2023		412.000.000	412.000.000	454.500	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	388/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện
10	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL 12A đến nhà ông Tiến thôn Tam Đa, xã Sơn Hóa	UBND xã Sơn Hóa	8034886		2023	QĐ số 912/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND huyện	1.000.000.000	1.000.000.000	22.806.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	388/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện
11	Nhà vệ sinh tại Trung tâm Văn hóa xã Châu Hóa	UBND xã Châu Hóa	8022615		2023		300.000.000	300.000.000	3.158.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	388/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện
12	Nâng cấp, mở rộng bãi đò thuyền truyền thống huyện Tuyên Hóa	UBND xã Châu Hóa	8023744		2023		500.000.000	500.000.000	187.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	388/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện
13	Quy hoạch chung xây dựng xã Sơn Hóa huyện Tuyên Hóa tỷ lệ 1/5000	UBND xã Sơn Hóa	8033278		2023	QĐ số 991/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND huyện	200.000.000	200.000.000	18.889.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	546/QĐ-UBND ngày 04/04/2023 của UBND huyện
14	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Thạch Hóa	UBND xã Thạch Hóa	8033271		2023	989/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND huyện	220.000.000	220.000.000	953.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	546/QĐ-UBND ngày 04/04/2023 của UBND huyện
15	Cải tạo sửa chữa đường nội đồng hưng mê thôn Hòa Bình	UBND xã Thạch Hóa	8065253		2023	444/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND xã Thạch Hóa	19.039.000	19.039.000	2.206.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	987/QĐ-UBND ngày 05/06/2023 của UBND huyện
16	Sau ủi mở rộng khuôn viên khu vực thao trường, bãi tập phục vụ huấn luyện DQTV	BCH Quân sự huyện	7004686		2023		700.000.000	700.000.000	46.102.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	987/QĐ-UBND ngày 05/06/2023 của UBND huyện
17	Trồng cây xanh đô thị, thị trấn Đồng Lê	BQL các công trình công cộng huyện	7935904		2023	2910/QĐ-UBND, ngày 12/11/2021 của UBND huyện	51.838.000	51.838.000	21.058.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	987/QĐ-UBND ngày 05/06/2023 của UBND huyện

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã dự án	KC - BT	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
18	Đường giao thông vào khu chăn nuôi gia trại xã Đức Hoà	UBND xã Đức Hoà	8069646	2022-2024	Quyết định số 2421/QĐ-UBND, ngày 25/12/2022 của UBND huyện	287.215.000	400.000.000	287.215.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1938, ngày 18/10/2023 và 2352/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND huyện
19	Đường điện vào khu chăn nuôi gia trại xã Đức Hoà	UBND xã Đức Hoà		2023-2024	Chưa có	200.000.000	200.000.000	200.900.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1938, ngày 18/10/2023 và 2552/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND huyện
20	Đường giao thông vào khu chăn nuôi gia trại xã Đông Hoà	UBND Xã Đông Hoà	8069645	2023-2024	2458/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND huyện Tuyên Hòa	350.000.000	350.000.000	258.983.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1938, ngày 18/10/2023 và 2352/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND huyện
21	Đường điện vào khu chăn nuôi gia trại xã Đông Hoà	UBND Xã Đông Hoà	8090022	2023-2024		150.000.000	150.000.000	150.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1938, ngày 18/10/2023 và 2352/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND huyện
22	Hỗ trợ xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (Nguồn vốn BTC NS tỉnh hỗ trợ)					9.600.000.000	1.830.000.000	1.969.182.000		
a	Nguồn vốn để phân bổ chi tiết					4.806.000.000	915.000.000	871.182.000		
22.1	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Hà Nam	UBND xã Thạch Hoà	8069787	2023-2024	488/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND xã Thạch Hoà	390.000.000	70.000.000	70.000.900	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.2	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Đạm Thủy 1	UBND xã Thạch Hòa	8069792	2023-2024	489/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND xã Thạch Hoà	300.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.2	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Cẩm Cam	UBND xã Đức Hoà	8062834	2023-2024	Quyết định số 386/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023 của UBND xã	390.000.000	70.000.000	48.046.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.4	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn 4 Đức Phú	UBND xã Đức Hoà	8062840	2023-2024	Quyết định số 385/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023 của UBND xã	300.000.000	70.000.000	48.056.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.2	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Bắc Hòa	UBND xã Mai Hòa	8069651	2023-2024	335/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND xã	300.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.6	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Tây Hòa	UBND xã Mai Hòa	8069652	2023-2024	354/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND xã	300.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.7	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Liên Hòa	UBND xã Mai Hòa	8069650	2023-2024	356/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND xã	360.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.8	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Cương Trung C	UBND xã Tiến Hòa	8070883	2023-2024	892/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND xã Tiến Hòa	300.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.9	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Trung Thủy	UBND xã Tiến Hòa	8069636	2023-2024	893/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND xã Tiến Hòa	300.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.10	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Bàu Sỏi	UBND xã Văn Hóa		2023-2024	QĐ số 298/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND xã	300.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.11	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Quảng Hòa	UBND Cao Quảng		2023-2024	764/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND xã Cao Quảng	300.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
22.12	Nhà văn hóa thôn Lâm Lang	UBND xã Châu Hòa		2023-2024		1.500.000.000	145.000.000	145.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	1838/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện
b	Nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết							1.098.000.000	Do chưa xác định được nhu cầu để phân bổ chi tiết	
C	CẤP XÃ QUẢN LÝ					32.996.600.684	11.058.670.224	5.752.397.597		
	Nguồn vốn tập trung trong nước - Nguồn vượt thu 2023					2.232.000.000	1.708.749.184	88.578.184		
I	Xã Đức Hòa					600.000.000	76.749.184	76.749.184		
1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá thôn Cẩm Cam	UBND xã Đức Hòa	8062834		Quyết định số 386/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023 của UBND xã	300.000.000	50.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	457/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND xã Đức Hòa
2	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá thôn 4 Đức Phú	UBND xã Đức Hòa	8062840		Quyết định số 385/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023 của UBND xã	300.000.000	26.749.184	26.749.184	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	457/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND xã Đức Hòa
II	Xã Cao Quảng					1.632.000.000	1.632.000.000	11.829.000		
	Nhà văn hóa thôn Phú Xuân, xã Cao Quảng	UBND xã Cao Quảng	2023-2024	8037846	1231/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND huyện Tuyên Hòa	1.632.000.000	1.632.000.000	11.829.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	733/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND xã

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã dự án	KC - HT	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất					50.764.600.684	9.349.921.040	5.663.819.413		
1	xã Đức Hoà					481.242.000	40.222.356	40.222.356		
1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá môn 4 Đức Hoà	UBND xã Đức Hòa	8062840	2025 - 2024	Quyết định số 385/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023 của UBND xã	300.000.900	28.548.816	28.548.816	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	457/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND xã Đức Hòa
2	Các công trình XD/CB thuộc nguồn vốn xã Đức Hoà (Quy hoạch đất giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030)	UBND xã Đức Hòa	7758072	2023 - 2024	Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	181.262.000	11.673.540	11.673.540	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	457/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND xã Đức Hòa
II	Xã Phong Hòa					278.000.000	278.000.000	278.000.000		
1	Đổi đường GPMB + San lấp mặt bằng của tổ chức trường TH Phong Hòa	UBND xã Phong Hòa		2023 - 2024	Chưa phê duyệt BCKTKT	200.000.000	200.000.000	200.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	882/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND xã Phong Hòa
2	Kinh phí trích do địa chính khu chăn nuôi tập trung xã Phong Hòa	UBND xã Phong Hòa	7929581	2023 - 2024	Chưa phê duyệt BCKTKT	70.000.000	70.000.000	70.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	272 ngày 27/4/2023 của UBND xã Phong Hòa
III	Xã Hương Hòa					338.000.000	81.368.000	22.539.000		
1	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hoá thôn Tân Sơn	UBND xã Hương Hòa		2023-2024	185/QĐ-UBND ngày 20/11/2022 của UBND xã	300.000.000	75.000.000	16.179.900	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	86/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của xã Hương Hòa
2	Xây dựng bộ kê tại điểm chính Trường tiểu học Hương Hòa	UBND xã Hương Hòa	7753394	2023-2024		30.000.000	6.360.000	6.360.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	102/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của xã Hương Hòa
V	Xã Sơn Hòa					32.000.000	32.000.000	32.000.000		
1	Nhà ở doanh trại và sinh hoạt Công an cấp xã giáp biên giới	UBND xã Sơn Hòa	7705900	2023-2024	QĐ 748/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND xã	32.000.000	32.000.000	32.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	623/QĐ - UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã Sơn Hòa
7	Thị trấn Đồng Lễ					21.446.849.000	1.596.849.000	1.165.308.373		
	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các phòng chức năng trường mầm non Đồng Lễ	UBND TT Đồng Lễ	7938693	2021-2023	QĐ 3426/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 UBND thị trấn Đồng Lễ	20.850.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	86/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 UBND thị trấn Đồng Lễ
	Sơn mặt ngoài nhà 02 (hai) tầng 10 phòng học tại trường THCS Đồng Lễ	UBND TT Đồng Lễ	7704011	2023		90.000.000	90.000.000	90.000.900	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	834/QĐ-UBND ngày 19/11/2022 UBND thị trấn Đồng Lễ
	Mở rộng khuôn viên nhà văn hoá tiểu khu Tam Đồng (đợt 1)	UBND TT Đồng Lễ	2704011	2023		50.000.000	50.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	834/QĐ-UBND ngày 19/11/2023 UBND thị trấn Đồng Lễ
	Cầu nối giữa 02 (hai) tầng, thuộc 2 dãy nhà tại trường tiểu học số 2 Đồng Lễ	UBND TT Đồng Lễ	7704011	2023		20.000.000	20.000.000	20.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	834/QĐ-UBND ngày 19/11/2023 UBND thị trấn Đồng Lễ
	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Nguyễn Việt Xuân (đoạn nối từ dốc nhà anh Lực đến sân vận động huyện) tại tiểu khu Tam Đồng	UBND TT Đồng Lễ	8053978	2023	QĐ 750/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 UBND thị trấn Đồng Lễ	436.849.000	436.849.000	5.308.373	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	996/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 UBND thị trấn Đồng Lễ và QĐ 235/QĐ-UBND ngày 03/04/2023 của UBND thị trấn Đồng Lễ
	Xã Lê Hòa					13.218.244	13.218.244	13.218.244		
	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu gia trại xã Lê Hòa	UBND xã Lê Hòa	7981524	2023-2024		13.218.244	13.218.244	13.218.244	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	QĐ 513/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 UBND xã Lê Hòa
	Xã Mai Hòa					4.291.974.440	3.416.974.440	2.757.852.440		
	Các công trình đầu tư hạ tầng và GPMB các dự án tạo quỹ đất xã Mai Hoà	UBND xã Mai Hoà	8065278	2023 - 2024		280.937.400	280.937.400	271.388.400	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	179/QĐ-UBND ngày 26/6/2023, 400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoà
	Củng cố đường GTNT + rãnh thoát nước tuyến từ nhà ông Diệt thôn Đồng Thuận đến thao trường bắn	UBND xã Mai Hoà	8029861	2023	863/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 UBND huyện Tuyên Hóa	675.000.000	220.000.000	3.573.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoà
	Xây mới Nhà làm việc trụ sở UBND xã Mai Hòa	UBND xã Mai Hoà		2023 - 2024		1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	179/QĐ-UBND ngày 26/6/2023, 400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoà
	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Bắc Hòa	UBND xã Mai Hoà	8069651	2023 - 2024	355/QĐ-UBND, ngày 11/12/2023, UBND xã Mai Hòa	300.000.000	160.000.000	135.165.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND xã Mai Hòa

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã dự án	KC - HT	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2023	Khoản đầu tư gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điều a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
5	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Tây Hòa	UBND xã Mai Hoá	8069652	2023 - 2024	354/QĐ-UBND, ngày 11/12/2023, UBND xã Mai Hòa	300.000.000	160.000.000	136.681.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND xã Mai Hòa
6	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Liên Hòa	UBND xã Mai Hoá	8069650	2023 - 2024	356/QĐ-UBND, ngày 11/12/2023, UBND xã Mai Hòa	300.000.000	160.000.000	137.879.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND xã Mai Hòa
7	Hỗ trợ thôn xây dựng Khu dân cư kiểu mẫu (03 thôn)	UBND xã Mai Hoá	7721815	2023 - 2024		93.000.000	93.000.000	93.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
8	Làm biển báo giao thông đường bộ thôn Liên Hòa, Tây Hòa, Bắc Hòa phục vụ công tác xây dựng khu dân cư kiểu mẫu	UBND xã Mai Hoá	7721815	2023 - 2024		31.952.000	31.952.000	31.952.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
9	Sửa chữa kênh mương HTX Cổ Cảng	UBND xã Mai Hoá	7721815	2023 - 2024		6.000.000	6.000.000	6.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
10	Sửa chữa kênh mương HTX Xuân Mai	UBND xã Mai Hoá	7721815	2023 - 2024		13.000.000	13.000.000	13.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
11	Kinh phí hỗ trợ HTX Cổ Cảng xây dựng gian hàng sản phẩm Ocoop	UBND xã Mai Hoá	7721815	2023 - 2024		21.000.000	21.000.000	21.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
12	Kinh phí sửa chữa kênh mương trên địa báo xã	UBND xã Mai Hoá	7721815	2023 - 2024		40.000.000	40.000.000	40.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
13	Kinh phí làm đường giao thông nông thôn	UBND xã Mai Hoá	7721815	2023 - 2024		94.587.040	94.587.040	66.147.040	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	179/QĐ-UBND ngày 26/6/2023, 400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
14	Giải phóng, san lấp mặt bằng thực hiện công trình đất ở nông thôn xã Mai Hoá	UBND xã Mai Hoá	7721815	2023 - 2024	427/QĐ-UBND, ngày 09/10/2023, UBND xã Mai Hòa	336.498.000	336.498.000	2.067.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	179/QĐ-UBND ngày 26/6/2023, 400/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, của UBND xã Mai Hoá
VIII	Xã Tiên Hòa					2.290.402.000	2.290.402.000	976.469.000		
1	Nhà vệ sinh + Sân thể dục trường Tiểu học Lê Trực	UBND xã Tiên Hoá	8018268	2023	20/QĐ-UBND ngày 10/03/2023 của UBND xã Tiên Hòa	403.000.000	403.000.000	39.337.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	411 ngày 18/08/2023 của UBND xã
2	Cấp phối tuyến đường nội thôn Tam Đa, xã Tiên Hòa	UBND xã Tiên Hoá	8073800	2023	741/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND xã Tiên Hòa	194.045.000	194.045.000	32.744.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
3	Sửa chữa phòng học khuôn viên trường THCS Tiên Hòa	UBND xã Tiên Hoá	8073801	2023	739/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND xã Tiên Hòa	211.219.000	211.219.000	211.219.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
4	Sửa chữa các phòng học trường mầm non Tiên Hòa	UBND xã Tiên Hoá	8073789	2023	738/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND xã Tiên Hòa	193.654.000	193.654.000	193.654.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
5	Sửa chữa cổng, hàng rào, thư viện, sân chơi trường Tiểu học Lê Trực	UBND xã Tiên Hoá	8073806	2023	737/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND xã Tiên Hòa	248.325.000	248.325.000	248.325.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
6	Bê tông hóa đoạn đường từ Cầu Đá đi Nghĩa trang liệt sỹ	UBND xã Tiên Hoá	8073802	2023	740/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND xã Tiên Hòa	305.439.000	305.439.000	38.950.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
7	Các tuyến đường cấp phối thôn Cương trung C, xã Tiên Hòa	UBND xã Tiên Hoá	8055702	2023	685/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND xã Tiên Hòa	463.687.000	463.687.000	13.168.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
8	Sửa chữa kênh mương thôn Trung Thủy	UBND xã Tiên Hoá	8074383	2023	746/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND xã Tiên Hòa	187.056.000	187.056.000	187.056.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
9	Sửa chữa dây nhà 2 tầng 14 phòng trường Tiểu học Thanh Thủy	UBND xã Tiên Hoá	7978238	2023	149/QĐ-UBND ngày 23/07/2022 của UBND xã Tiên Hòa	77.485.000	77.485.000	5.524.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
10	Nhà vệ sinh + sửa chữa nhà hiệu bộ trường THCS Tiên Hòa	UBND xã Tiên Hoá	8001838	2023	88/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND xã Tiên Hòa	4.302.000	4.302.000	4.302.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm đ Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã dự án	KC - HT	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điều a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	Quyết định
11	Xây mới nhà vệ sinh giáo viên, sửa chữa nhà cấp 4 và nhà vệ sinh học sinh trường tiểu học Thanh Thủy	UBND xã Tiến Hóa	7965805	2023	55/QĐ-UBND ngày 25/07/2022 của UBND xã Tiến Hóa	2.190.000	2.190.000	2.190.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	734 ngày 26/10/2023 của UBND xã
IX	Xã Cao Quảng					320.000.000	320.000.000	93.215.000		
1	Khắc phục sửa chữa hệ thống tưới tiêu xóm Phú Nguyễn, xã Cao Quảng	UBND xã Cao Quảng	7714187	2023-2024		90.000.000	90.000.000	90.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	số 761/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND xã
2	Xây dựng nhà trực trung đội DQCD xã Cao Quảng	UBND xã Cao Quảng	8046998	2023-2024	426/QĐ-UBND ngày 22/6/2023 của UBND xã Cao Quảng	230.000.000	230.000.000	3.215.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2021	577/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND xã
X	Xã Đồng Hóa					1.288.895.000	1.288.895.000	292.995.000		
1	Sửa chữa công cây Trút thôn Thuận Hoàn	UBND xã Đồng Hóa	7713329	2023		100.000.000	100.000.000	100.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	780/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã
2	Làm nhà xe trường tiểu học Đồng Hóa,	UBND xã Đồng Hóa	7713329	2023		40.000.000	40.000.000	40.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	780/QĐ-UBND ngày 29/10/2023 của UBND xã
3	Nâng cấp bến đò chợ Cùi cù	UBND xã Đồng Hóa	7713329	2023		67.000.000	67.000.000	67.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	780/QĐ-UBND ngày 29/10/2023 của UBND xã
4	Đường nội thôn Đồng Giang	UBND xã Đồng Hóa	7713329	2023		20.000.000	20.000.000	20.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	780/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã
5	Thông kê đất đai năm 2022,2023	UBND xã Đồng Hóa	7713329	2023		8.000.000	8.000.000	8.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	780/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã
6	Đường nội thôn Đại Sơn	UBND xã Đồng Hóa	7713329	2023		20.000.000	20.000.000	20.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	780/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã
7	Đường cấp phối Lâm Đình thôn Đại Sơn	UBND xã Đồng Hóa	8054358	2023	QĐ số 481/QĐ-UBND ngày 30/08/2023 của UBND xã Đồng Hóa	470.895.000	470.895.000	27.141.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	294/QĐ-UBND ngày 15/6/2023
8	Đường cấp phối nội Đồng cá Cháo, thôn Đồng Giang	UBND xã Đồng Hóa	8045825	2023	QĐ số 383/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của UBND xã Đồng Hóa	300.000.000	300.000.000	5.872.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	289/QĐ-UBND ngày 13/6/2023
9	Bê tông sân và hàng rào hội trường thôn Đồng Phú	UBND xã Đồng Hóa	8042704	2023	QĐ số 423/QĐ-UBND ngày 08/08/2023 của UBND xã Đồng Hóa	260.000.000	260.000.000	1.982.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	312/QĐ-UBND ngày 19/6/2023
10	Thẩm định cấp quyền sử dụng đất	UBND xã Đồng Hóa	7713329	2023		3.000.000	3.000.000	3.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	277/QĐ-UBND ngày 9/6/2023

Biểu số 11.3
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 10-QĐ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án	KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Đơn vị tính: Đồng	Quyết định
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	HUYỆN BỐ TRẠCH (Tự Văn bản số 23/UBND ngày 05/02/2024 của UBND huyện Bố Trạch)					37.700.000.000	7.605.000.000	11.453.000.000		10.876.914.000	
A	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ					37.700.000.000	7.605.000.000	11.453.000.000		10.876.914.000	
I	NGUỒN VỐN NS TẬP TRUNG					11.500.000.000	4.200.000.000	1.270.000.000		1.230.000.000	
1	Nhà Hòa táo Trường TH số 4 Sơn Trạch	Thị trấn Phong Nha	7967486	2022-2024	Quyết định số 5972/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND huyện	4.500.000.000	1.200.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết không đủ khối lượng giải ngân, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 5555/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
2	Nạp và kinh phí từ cầu nhà Mán đến cổng Rào Hiếm và cổng Lập Luy	Huyện Bố Trạch	7911932	2021-2023	Quyết định số 3621/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND huyện	7.000.000.000	3.000.000.000	970.000.000	930.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết không đủ khối lượng giải ngân, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 5555/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
II	NGUỒN THU SỬ DỤNG BẤT					26.200.000.000	3.405.000.000	10.383.000.000		9.646.914.000	
1	Đường giao thông từ ngã ba đường IFAD (thôn CA) đi hướng đường Hồ Chí Minh (GD2)	Xã Hòa Trạch	8008456	2022-2024	Số 4779/QĐ-UBND ngày 19/11/2022 của UBND huyện	2.200.000.000	1.700.000.000	1.000.000.000	500.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết không đủ khối lượng giải ngân, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 5555/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện
2	Hỗ trợ xây dựng hệ thống tưới chế vận hành, chế tạo cơ sở (Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND huyện, phân bổ nguồn mục tiêu tình cấp về hỗ trợ tưới chế vận hành)							9.383.000.000	9.146.914.000		
2.1	Nguồn hỗ trợ chế chế nhà vận hành tưới cấp (huyện chưa phân bổ)							7.678.000.000	7.678.000.000		
2.2	Xây dựng mới nhà vận hành tưới thôn Hoà Sơn xã Cự Năm	Xã Cự Năm	8048202	2023-2024	Số 628/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	1.500.000.000	145.000.000	145.000.000	59.984.000	Do ảnh hưởng thời tiết không đủ khối lượng giải ngân, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.3	Xây dựng mới nhà vận hành tưới khu 10 thị trấn Hoàn Lão	Thị trấn Hoàn Lão		2023-2025		2.000.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.4	Cải tạo, sửa chữa nhà vận hành tưới khu 2 thị trấn Hoàn Lão	Thị trấn Hoàn Lão		3023-2024		500.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.5	Xây dựng mới nhà vận hành tưới thôn 7 xã Hạ Trạch	UBND xã Hạ Trạch		2023-2024		1.500.000.000	145.000.000	145.000.000	145.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.6	Xây dựng mới nhà vận hành tưới thôn Bàn Bàng xã Đức Trạch	UBND xã Đức Trạch		2023-2024		1.500.000.000	145.000.000	145.000.000	145.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.7	Xây dựng mới nhà vận hành tưới thôn 3 xã Bắc Trạch	Xã Bắc Trạch	8061202	2023-2024	144/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của UBND xã	2.100.000.000	145.000.000	145.000.000	47.125.000	Do ảnh hưởng thời tiết không đủ khối lượng giải ngân, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.8	Xây dựng mới nhà vận hành tưới thôn 6 xã Bắc Trạch	Xã Bắc Trạch	8062827	2023-2024	157/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND xã	2.100.000.000	145.000.000	145.000.000	118.236.000	Do ảnh hưởng thời tiết không đủ khối lượng giải ngân, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã số dự án	KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
2.9	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 9 xã Bắc Trạch	Xã Bắc Trạch	8062326	2023-2024	160/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND xã	2.100.000.000	145.000.000	145.000.000	118.565.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết không đủ khối lượng giải ngân, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.10	Xây dựng nhà văn hóa thôn 1 xã Đông Trạch	Xã Đông Trạch		2023-2024		2.700.000.000	145.000.000	145.000.000	145.000.000	Do vướng quy hoạch, đang điều chỉnh, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.11	Xây dựng nhà văn hóa thôn 5 xã Đông Trạch	Xã Đông Trạch		2023-2024		2.700.000.000	145.000.000	145.000.000	145.000.000	Do vướng quy hoạch, đang điều chỉnh, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.12	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 10 xã Lý Trạch	Xã Lý Trạch		2023-2024		2.000.000.000	145.000.000	145.000.000	145.000.000	Do vướng quy hoạch, đang điều chỉnh, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.13	Xây dựng mới nhà văn hóa TDP Phó Quý thị trấn NT-VT	Thị trấn NT-VT		2023-2024		1.500.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	Do vướng quy hoạch, đang điều chỉnh, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.14	Xây dựng mới nhà văn hóa TDP Quyết Tiến Thị trấn NT-VT	Thị trấn NT-VT		2023-2024		1.500.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	Do vướng quy hoạch, đang điều chỉnh, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện
2.15	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa TDP Hữu Nghị thị trấn NT-VT	Thị trấn NT-VT		2023-2024		300.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	Do vướng quy hoạch, đang điều chỉnh, Điểm d Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020	Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 27/07/2023 của UBND huyện

Biểu số TL4
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÈM DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số NQ/HND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã số dự án	KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2023	Kế số thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 46, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung 06: Ngân sách huyện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	HUYỆN QUẢNG NINH (Tại Văn bản số 49/UBND ngày 23/02/2024 của UBND huyện Quảng Ninh)					8.384.063.000	8.384.063.000	1.784.063.000	393.636.534		
A	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (NGUỒN TRƯ SỬ DỤNG BẮT)					8.384.063.000	8.384.063.000	1.784.063.063	393.636.534		
1	Hạ tầng khu công viên cây xanh Dải tường năm huyện (Quảng Ninh) (Giải đoạn 2)	Ban quản lý của công trình công cộng	7989294	2023-2024	846/QĐ-UBND ngày 10/06/2022	4.000.000.000	4.000.000.000	300.000.000	246.941.000	Công trình triển khai nhưng mới nhận góp vốn thường xuyên nên không giải ngân hết số vốn bố trí. Theo Điểm d Khoản 1 Điều 46 ND số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ.	Số 1389/QĐ-UBND ngày 23/12/2022
2	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Quảng Ninh	Phòng Tài nguyên và môi trường	8043355	2023-2024		1.384.063.000	1.384.063.000	1.384.063.000	46.695.534	Công trình triển khai nhưng do vướng các thủ tục theo Điểm d Khoản 1 Điều 45 ND số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ.	Số 922/QĐ-UBND ngày 19/6/2023
3	Kiểm cố hóa đường GTNT bán Trung Sơn	UBND xã Trường Sơn	7906678	2022-2024	749/QĐ-UBND ngày 01/06/2021	3.000.000.000	3.000.000.000	100.000.000	100.000.000	Chỉ phí hóa bình, hiện tại quyết toán và các khoản chi phí khác theo d Khoản 1 Điều 46 ND 40/2020/NĐ-CP	Số 1389/QĐ-UBND ngày 23/12/2022

Biểu số IL5
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số ANQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2023	Đã xuất hóa đơn thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điều a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 49/2023/NĐ-CP ngày 06/04/2023 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện, xã				
	HUYỆN MINH HÓA (Văn bản số 127/BC-UBND ngày 23/02/2024)										
A	CẤP HUYỆN (Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 16/12/2022)										
I	Nguồn vốn tập trung trung nước										
1	Cải tạo, mở rộng trụ sở UBND xã Thượng Hóa	UBND xã Thượng Hóa	2020-2021	7810613	Số 1969/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.489.711.000	2.489.711.000	60.600.000	10.539.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2022
2	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt - Bến Sù (GD1)	BQLDA ĐTXD&PTQ Đ	2017-2018	7615089	Số 2062/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	2.904.300.000	2.904.360.000	32.893.000	10.482.126	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2022; dự số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023;
3	Đường giao thông TK2, TT QĐ (Tuyến từ nhà ông Nguyễn đến nhà ông Chiến; từ nhà Văn Hóa TK2 đến nhà ông Xá; từ nhà ông Khách đến nhà ông Kiên)	BQLDA ĐTXD&PTQ Đ	2018-2019	7674304	Số 2093/QĐ-UBND ngày 27/10/2017; Số 1499/QĐ-UBND ngày 23/8/2018	3.053.049.000	3.053.049.000	106.652.000	8.473.219	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2022; dự số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023;
4	Đường GTNT thôn Kiều Tiến, Tân Lợi xã Yên Hóa	BQL xã Yên Hóa	2019-2020	7790856	Số 1984/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	2.000.000.000	418.000.000	318.000.000	126.195.000	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2022
5	Cải tạo, nâng cấp Trường TH thị trấn Quy Đạt (điểm lẻ) thành Trường MN số 1 thị trấn Quy Đạt (điểm lẻ)	BQLDA ĐTXD&PTQ Đ	2019-2020	7780891	Số 1986/QĐ-UBND ngày 29/10/2018; Số 1242/QĐ-UBND ngày 14/7/2020	2.998.076.000	2.998.076.000	110.871.000	27.105.000	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2022; dự số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023;
6	Xây dựng Trụ sở cơ quan UBND huyện Minh Hóa	BQLDA ĐTXD&PTQ Đ	2024-2026	8067839		17.000.000.000	17.000.000.000	500.000.000	205.796.000	Do án phải lập thiết kế 02 bước nên các thủ tục kéo dài, bên cạnh đó dự án ảnh hưởng mưa bão nên khó khăn trong quá trình khảo sát địa chất, địa hình nên chỉ giải ngân các công việc thuộc giải quyết chuẩn bị dự án (Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, QLDA giải quyết lập BCNCKT...) theo Điều 4 Khoản 1 Điều 48	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2022
7	Xây dựng tuyến đường và tuyến kênh mương từ điểm đầu nối đường Vua Hàm Nghi đi nghĩa địa tiểu khu 4, thị trấn Quy Đạt	UBND thị trấn Quy Đạt	2022-2023	7949482	Số 95/QĐ-UBND ngày 26/01/2022	500.000.000	500.000.000	329.506.000	47.150.000	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2022; dự số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023;
8	Xây dựng thao trường huấn luyện, bắn súng huyện Minh Hóa, Giai đoạn 1	BCH Quân sự huyện	2023-2025	7004686	Số 1736/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	4.500.000.000	4.500.000.000	171.000.000	171.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2023
9	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Yên Phú, xã Trung Hóa	UBND xã Trung Hóa	2021-2022	7889446	Số 2363/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	1.700.000.000	1.700.000.000	280.891.000	43.363.000	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023
10	Xây dựng đường giao thông nông thôn Bình Minh 1, xã Trung Hóa (3 tuyến)	UBND xã Trung Hóa	2021-2022	7883164	Số 2357/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	2.000.000.000	2.000.000.000	712.000.000	6.180.000	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành dự án vào số dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023
11	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở cơ quan Huyện ủy Minh Hóa	Văn phòng Huyện ủy	2022-2024	7955695	Số 485/QĐ-UBND ngày 06/5/2022	6.500.000.000	6.500.000.000	1.985.026.424	86.490.924	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2023; Số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC - HT	Mã số dự án	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch vốn năm 2023	Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 48/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung đố: Nguồn sách huyện, xã				
12	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật trợ số làm việc công an các xã: Xuân Hòa, Yên Hòa, Hòa Hợp, Trung Hòa, Hòa Tiến, Tân Hòa, Hồng Hòa, Minh Hòa	Công an huyện	2023-2025			3.100.000.000	3.100.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023
II	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất					31.530.000.000	18.745.000.000	8.234.681.890	8.398.746.890		
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở cơ quan Huyện ủy Minh Hòa	Văn phòng Huyện ủy	2022-2024	7955695	Số 485/QĐ-UBND ngày 06/5/2022	6.500.000.000	6.500.000.000	1.000.000.000	156.065.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2023; Số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023
2	Xây dựng đường dân sinh và phục vụ các mặt từ thôn Cầu Lợi đi thôn Minh Xuân và Xuân Hòa	Văn phòng Huyện ủy	2022-2024	7965804	Số 950/QĐ-UBND ngày 27/7/2022	9.500.000.000	9.500.000.000	229.681.890	229.681.890	Nguyên nhân dự án từ cấp quyền sử dụng đất của việc thực hiện dự án tại thời điểm cuối năm, thời gian mưa lũ ngắn. Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1756/QĐ-UBND ngày 22/12/2023; Số 1902/QĐ-UBND ngày 04/12/2023
3	Hỗ trợ xây dựng, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (Nghị quyết số 23/5/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của HĐND huyện, phân bổ nguồn mục tiêu tính cấp về hỗ trợ thiết chế văn hoá)					15.520.000.000	2.745.000.000	8.005.000.000	8.005.000.000		
3.1	Nguyên hỗ trợ thể chế nhà văn hóa tính cấp (tuyến chưa phân bổ)							5.260.000.000	5.260.000.000		
3.2	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Phú Nghĩa, xã Thượng Hòa	UBND xã Thượng Hòa	2023-2025			2.000.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
3.3	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Tân Hòa, xã Thượng Hòa	UBND xã Thượng Hòa	2023-2025			1.700.000.000	300.000.000	300.000.000	300.500.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
3.4	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Hát, xã Thượng Hòa	BQL xã Thượng Hòa	2023-2025			1.550.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
3.5	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Khai Hòa, xã Thượng Hòa	UBND xã Thượng Hòa	2023-2025			1.650.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
3.6	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Sĩ, xã Trung Hòa	BQLDA ĐTXD&PTQ Đ	2023-2025			1.550.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
3.7	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Khe Cáy, xã Trung Hòa	Phòng Dân tộc	2023-2025			1.540.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
3.8	Xây dựng nhà văn hóa thôn Y Lương, xã Dân Hòa	BQLDA ĐTXD&PTQ Đ	2023-2025			2.000.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
3.9	Xây dựng nhà văn hóa thôn Ốc, xã Dân Hòa	BQLDA ĐTXD&PTQ Đ	2023-2025			1.600.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
3.10	Cải tạo nhà văn hóa thôn Tân Tiến, xã Hòa Tiến	UBND xã Hòa Tiến	2023-2024			730.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian XC-HT	Mã số dự án	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch vốn năm 2023	Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 48/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện, xã				
3.11	Cải tạo nhà văn hóa thôn Tân Tiến, xã Hòa Hợp	UBND xã Hòa Hợp	2023-2024			000.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết đến phương văng mái mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án Nguyên nhân các dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
3.12	Cải tạo nhà văn hóa thôn Tân Lợi, xã Hòa Hợp	UBND xã Hòa Hợp	2023-2024			600.000.000	115.600.000	115.000.000	115.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết đến phương văng mái mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án Nguyên nhân các dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 1940/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
B	NGÂN SÁCH XÃ					1.804.600.000	1.984.600.000	1.657.722.000	985.855.300		
I	Xã Yên Hòa					1.315.950.000	1.215.950.000	1.215.950.000	866.452.300		
	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất					1.315.950.000	1.315.950.000	1.315.950.000	866.452.300		
1	Cấm mốc quy hoạch nghĩa địa đã được quy hoạch tại các thôn	UBND xã Yên Hòa	2025-2024	8053617	Số 465/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	520.000.000	520.000.000	520.000.000	520.000.000	Nguồn vốn thu từ cấp quyền sử dụng đất bán việc thực hiện dự án tại thời điểm cuối năm, thời gian còn lại ngắn. Do ảnh hưởng thời tiết đến phương văng mái mưa nhiều nên ảnh hưởng đến việc theo dõi người thuê. Nguyên nhân các dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 543/QĐ-UBND, ngày 13/11/2023
2	Làm đường cấp phối dân sinh thôn Tân Tiến và thôn Yên Thắng	UBND xã Yên Hòa	2023-2024	8056389	Số 526/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	695.950.000	695.950.000	695.950.000	346.452.300	Nguồn vốn thu từ cấp quyền sử dụng đất của việc thực hiện dự án tại thời điểm cuối năm, thời gian còn lại ngắn. Do ảnh hưởng thời tiết đến phương văng mái mưa nhiều nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Nguyên nhân các dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 544/QĐ-UBND, ngày 13/11/2023
II	Xã Hòa Hợp					260.000.000	260.000.000	113.122.000	113.122.000		
	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất					260.000.000	260.000.000	113.122.000	113.122.000		
1	Đường GINT từ đường HCM đến nhà ống Trĩ thôn Tân Lợi, xã Hòa Hợp	UBND xã Hòa Hợp	2023-2024	8069647	Số 369/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	260.000.000	260.000.000	113.122.000	113.122.000	Nguồn vốn thu từ cấp quyền sử dụng đất của việc thực hiện dự án tại thời điểm cuối năm, thời gian còn lại ngắn. Do ảnh hưởng thời tiết đến phương văng mái mưa nhiều nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Nguyên nhân các dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 217/QĐ-UBND, ngày 01/12/2023
III	Xã Hòa Tiến					328.650.000	328.650.000	328.650.000	6.281.000		
	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất					328.650.000	328.650.000	328.650.000	6.281.000		
1	Xây dựng hoàn thiện hàng rào sân bê tông nhà văn hóa Trung Tâm xã Hòa Tiến	UBND xã Hòa Tiến	2023-2024	8068415	Số 99/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	328.650.000	328.650.000	328.650.000	6.281.000	Nguồn vốn thu từ cấp quyền sử dụng đất bán việc thực hiện dự án tại thời điểm cuối năm, thời gian còn lại ngắn. Do ảnh hưởng thời tiết đến phương văng mái mưa nhiều nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Nguyên nhân các dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 217/QĐ-UBND, ngày 01/12/2023

Biểu số 11.6
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số NQ/HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã số dự án	KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2023	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn năm 2023 sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 2, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện, xã				
	HUYỆN QUẢNG TRẠCH (Tại Văn bản số 52/BC-UBND ngày 21/02/2024 của UBND huyện Quảng Trạch)										
A	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ					25.000.000.000	16.298.000.000	1.815.547.000	1.815.547.000		
I	NGUỒN VỐN NẾ TẬP TRUNG					22.000.000.000	13.200.000.000	522.000.000	522.000.000		
1	Hạ tầng tuyến đường kết hợp kết thôn Tân An đi thôn Phú Ninh xã Quảng Thành	UBND xã Quảng Thành	8049287	2023-2025	Số 1941/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	22.000.000.000	13.200.000.000	522.000.000	522.000.000	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do giải phóng mặt bằng chưa được, đang vướng đất các hộ dân (Tại điểm đ, khoản 1, điều 48, ND 40/2020 của CP)	Số 2975/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
II	NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU					3.000.000.000	3.000.000.000	1.293.547.000	1.293.547.000		
1	Hạ tầng cây xanh dải phân cách tuyến đường N1 thuộc Trung tâm huyện lỵ huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	Ban Quản lý các công trình công cộng huyện Quảng Trạch	8057243	2023-2024	2324/QĐ-UBND	3.000.000.000	3.000.000.000	1.293.547.000	1.293.547.000	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do ảnh hưởng thời tiết, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép; (Theo QĐ tại điểm đ khoản 1 điều 48)	QĐ số 2401/QĐ-UBND ngày 16/1/2023
A	CẤP XÃ QUẢN LÝ					7.750.000.000	7.105.000.000	2.378.997.000	541.204.000		
I	Nguồn vốn tập trung trong nước					2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	25.932.000		
1	Bảo dưỡng, sửa chữa dây nhà lớp học trường THCS Quảng Liên	UBND xã Liên Trường	8033462	2023	115/QĐ-UBND, ngày 19/6/2023	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	12.290.000	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	2746/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 về giao nhiệm vụ thu, chỉ năm 2022
2	Bảo dưỡng, sửa chữa bếp ăn bán trú, nhà vệ sinh khuôn viên các công trình phụ trợ tại Trường Mầm non khu vực Văn Tiến, Quảng Lưu	UBND xã Luông Lưu	8027542	2023		1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	11.542.000	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	2746/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 về giao nhiệm vụ thu, chỉ năm 2023
II	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất					5.400.000.000	4.755.000.000	1.528.997.000	398.860.000		
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch xóm 2 thôn Thanh Sơn xã Quảng Thành	xã Quảng Thành	7721934	2019-2021	Số 2119/QĐ-UBND ngày 16/9/2019	3.800.000.000	3.800.000.000	1.383.997.000	253.860.000	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do giải phóng mặt bằng chưa được, đang vướng đất các hộ dân (Tại điểm đ, khoản 1, điều 48, ND 40/2020 của CP)	Số 55/QĐ-UBND ngày 19/4/2023
2	Nhà văn hóa thôn Đồng Cánh	xã Cảnh Dương	8060151	2024-2025	Số 589/QĐ-UBND, ngày 24/10/2023	1.600.000.000	955.000.000	145.000.000	145.000.000	Do thời tiết mưa gió nên công trình làm chậm không có khối lượng để giải ngân đ, khoản 1, điều 48, ND 40/2020 của CP)	2887/QĐ-UBND, ngày 27/12/2023
III	Nguồn vốn cấp bổ sung có MT					350.000.000	350.000.000	350.000.000	118.412.000		
1	Xây dựng khẩn cấp Phòng làm việc tam trường Tiểu học số 2 Quảng Phú	Xã Quảng Phú	8067837	2023	298/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	350.000.000	350.000.000	350.000.000	118.412.000	Do thời tiết mưa gió nên công trình làm chậm không có khối lượng để giải ngân đ, khoản 1, điều 48, ND 40/2020 của CP)	2247/QĐ-UBND ngày 27/10/2023; QĐ số 301 ngày 22/12/2023

PHỤ LỤC II.7

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023 DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÈO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC - HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Để xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn	
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện, xã					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	THỊ XÃ BA ĐỒN (66/BC-UBND ngày 21/02/2024)					235.091.012.109	196.438.176.109	214.571.875.309	54.021.553.994			
	NGÂN SÁCH THỊ XÃ					181.831.000.000	166.215.000.000	183.731.615.000	49.132.371.000			
1	Nguồn vốn tập trung trong nước					124.435.000.000	115.015.000.000	101.821.000.000	48.516.370.000			
1	Đường liên phường từ phường Quảng Thọ đi về dân phố Cảnh Trúc phường Quảng Long	Ban QL,DA ĐTXD và PTQB thị xã	2020-2023	7822265	3489/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND thị xã Ba Đồn	14.998.000.000	11.998.000.000	532.000.000	34.542.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	2814/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	
2	Tuyến đường nối trung tâm xã Quảng Văn kết nối với đường trục chính vùng Nara, thị xã Ba Đồn	UBND thị xã Ba Đồn	2023-2025		2617/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 của UBND thị xã Ba Đồn	75.000.000.000	75.000.000.000	75.000.000.000	47.590.277.705	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực do án GPMB được duyệt nhưng một số lý do (Theo QĐ tại điểm 4 khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	1657/QĐ-UBND ngày 08/08/2023	
3	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường từ phố Nam cầu Quảng Hải đi Lạc Giao	Ban quản lý các CTCC thị xã	2023-2025	8036787	Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 05/07/2023	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	231.921.180	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	
4	Nâng cấp, cải tạo hệ thống điện tín hiệu giao thông trên địa bàn thị xã Ba Đồn.	Ban quản lý các CTCC thị xã	2023-2025	8043162	Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 18/08/2023	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	151.014.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	
5	Hệ thống điện trang trí các tuyến đường đô thị thị xã Ba Đồn	Ban quản lý các CTCC thị xã	2023-2025	8062160	số 3066/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.850.000.000	2.850.000.000	800.000.000	34.284.000	Do án bị ảnh hưởng tiêu cực (điểm d Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ: 2814/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	
6	Xây dựng các tuyến đường bê tông kết hợp mang thoát nước xã Quảng Tân	UBND xã Quảng Tân	2022-2023	8009068	Số 2983 ngày 30/12/2022	3.093.000.000	2.467.000.000	589.000.000	39.000.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số QĐ 677 ngày 21/4/2023	
7	Tuyến đường bê tông Tân Tiến, Tân Lộc xã Quảng Tân	UBND xã Quảng Tân	2022-2024	7907683	Số 1474 ngày 05/11/2021	2.494.000.000	2.000.000.000	700.000.000	29.535.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ: 2814/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	
8	KCH kênh mang nội đồng thôn Tân Lộc - Tân Tiến xã Quảng Tân	UBND xã Quảng Tân	2023-2024	8059289	Số 2754 ngày 08/11/2023	2.500.000.000	2.000.000.000	700.000.000	43.000.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ: 2814/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	
11	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất					57.000.000.000	46.000.000.000	1.918.615.000	618.102.000			
1	Phát triển quỹ đất tại khu dân cư phía Nam tỉnh lộ 559 thôn Vĩnh Phước Đông, xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn (Giải đoạn 1)	UBND thị xã Ba Đồn	2021-2024	7899764	2572/QĐ-UBND ngày 79/10/2020 của UBND thị xã Ba Đồn	39.000.000.000	39.000.000.000	1.230.615.000	117.095.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 1839/QĐ-UBND ngày 23/8/2023; Số 1065/QĐ-UBND ngày 07/6/2023	
2	Lắp đặt, sửa chữa, bổ sung biển báo giao thông đường bộ trên địa bàn thị xã	Phòng QLĐT	2021-2023	7938738	NQ số 64/NQ-HĐND ngày 17/11/2021	950.000.000	950.000.000	40.000.000	40.000.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 3421/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	
3	Thao trường bán của học lượng vũ trang thị xã Ba Đồn, Hàng mục: Giải phóng mặt bằng	BCH Quân sự thị xã Ba Đồn	2023-2025		NQ số 17/NQ-HĐND ngày 15/12/2023	2.450.000.000	2.450.000.000	200.000.000	200.000.000	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực (điểm d Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 7421/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	
4	Khắc phục khẩn cấp tuyến đường giao thông KP3, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn	UBND phường Ba Đồn	2021-2024	7816993	Số 2085a/QĐ-UBND phường Ba Đồn ngày 28/04/2020	10.000.000.000	2.500.000.000	240.000.000	240.000.000	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực (điểm d Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 3421/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	
5	Sửa chữa nâng cấp đường GTNT Bắc Minh Lễ xã Quảng Minh	UBND xã Quảng Minh	2020 - 2022	7817553	Số 3891 ngày 15/10/2019 của UBND tỉnh QB	5.000.000.000	1.500.000.000	200.000.000	19.007.000	Công trình đã bàn giao sử dụng. (điểm c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 3421/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	
	NGÂN SÁCH XÃ					53.756.012.109	32.223.176.109	10.840.268.109	4.889.676.109			
(Nguồn vốn tập trung trong nước					28.715.668.000	17.180.180.000	5.381.008.000	2.737.991.000			
1	Kiến cổ hóa các tuyến đường giao thông thôn Tân Thượng xã Quảng Hải	UBND xã Quảng Hải	2023-2025	8039209	1680/QĐ-UBND ngày 22/6/2023 của UBND xã Tĩnh	4.700.000.000	4.700.000.000	1.136.000.000	1.136.000.000	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực (điểm d Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 01/03/2023	

STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC - HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2023	Đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các khoản a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT					
						Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trung đó: Ngân sách huyện, xã				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13
2	Hàng rào, sân trường Tiểu học và Trung học cơ sở	UBND xã Quảng Hải	2023-2025	7964026	Số 362/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 của UBND thị xã	520.000.000	520.000.000	170.000.000	4.972.000	Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu.	Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
3	Nhà lớp 8 phòng, khuôn viên và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm Non Quảng Thọ	UBND phường Quảng Thọ	2023-2024		NQ số 39/NQ-UBND ngày 27/12/2022	14.990.000.000	6.000.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực (điểm 4 Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 614/QĐ-UBND ngày 13/04/2023
4	Nhà văn hóa thôn Tây Minh Lễ xã Quảng Minh	UBND xã Quảng Minh	2023 - 2023	8046597	Số 436 ngày 28/04/2023 của UBND xã	555.768.000	10.000.000	145.000.000	3.994.000	Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu.	Số 1536 ngày 26/07/2023 của UBND thị xã
5	Tu sửa chữa cấp nước khu vực phường Bắc Sơn, xã Quảng Sơn	UBND xã Quảng Sơn	2023-2025	8060149	Số 68 ngày 20/10/2023	400.000.000	400.000.000	400.000.000	3.794.000	Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu.	QĐ số 1949 ngày 31/6/2023 của UBND TX Bắc Sơn
6	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường TH Quảng Tín	UBND xã Quảng Tín	2022-2023	7910105	Số 1145/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	3.870.700.000	3.870.700.000	950.000.000	69.265.000	Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu.	QĐ số 106 ngày 13/01/2023
7	Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường TH Quảng Tín	UBND xã Quảng Tín	2022-2023	7959993	Số 90/QĐ-UBND ngày 08/6/2022	1.180.000.000	1.180.000.000	580.000.000	96.982.000	Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu.	QĐ số 106 ngày 13/01/2023
8	Nâng cấp trạm Hố Cùn	UBND xã Quảng Tín	2021 - 2023	7917457	Số 08/NQ-UBND ngày 22/03/2021	2.500.000.000	500.000.000	400.000.000	22.987.000	Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu.	QĐ số 1180 ngày 27/12/2023
II	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất					28.848.344.189	16.843.876.189	5.489.268.189	2.161.682.189		
1	Khắc phục hiện trạng cấp nước phòng giao thông khu phố 3, phường Ba Đồn	UBND phường Ba Đồn	2021-2024	7816993	Số 2085/QĐ-UBND phường Ba Đồn ngày 28/08/2020	10.000.000.000	4.580.000.000	500.000.000	300.000.000	Dự án bị ảnh hưởng tiêu cực (điểm 4 Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 09/05/2023
2	Cải tạo mới nhà văn hóa KP1, nhà và sinh viên nhà văn hóa KP 3 phường Ba Đồn; phòng tiếp dân trụ sở công an phường Ba Đồn	UBND phường Ba Đồn	2022-2023	8002799	1423/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND phường Ba Đồn	847.110.000	847.110.000	300.000.000	100.000.000	Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu.	Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 21/12/2023
3	Xử lý hiện trạng cấp hệ thống thoát nước khu phố 6 phường Ba Đồn	UBND phường Ba Đồn	2022-2023	7962652	881/QĐ-UBND ngày 29/06/2022 của UBND phường Ba Đồn	446.541.000	446.541.000	150.300.000	7.544.000	Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu.	Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 09/05/2023
4	Sơn lại các dãy nhà, hàng rào và xây dựng các hạng mục phụ trợ trường THCS Nguyễn Hàm Ninh	UBND phường Ba Đồn	2023	8040365	Số 573/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND phường Ba Đồn	350.000.000	350.000.000	300.000.000	17.380.000	Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu.	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
5	Sửa chữa nhà vệ sinh các lớp học dãy nhà 2 tầng tại cơ sở 1 Trường Mầm non Ba Đồn	UBND phường Ba Đồn	2023	8041059	Số 611/QĐ-UBND ngày 31/07/2023 của UBND phường Ba Đồn	415.000.000	415.000.000	300.000.000	50.000.000	Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu.	Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 21/12/2023
6	Xử lý hiện trạng cấp hệ thống thoát nước, xây dựng vỉa hè từ NHCS đến nhà văn hóa KP4	UBND phường Ba Đồn	2023	7937508	970/QĐ-UBND ngày 07/06/2021 của UBND TX Ba Đồn	1.600.000.000	000.600.000	200.000.000	72.000.000	Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu.	Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 21/12/2023
7	Hệ thống kênh mương nội đồng phường Quảng Phúc	UBND phường Quảng Phúc	2023-2025	8055696	Số 2323/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của UBND TX	4.169.301.000	1.169.301.000	500.000.000	50.000.000	Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu.	Số 2014/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND phường
8	Đường từ phủ trịch đi khu di tích lịch sử trận chiến thắng phủ trịch - La Hà và Quảng Lộc, TXBD (giai đoạn 2)	UBND xã Quảng Lộc	2022-2024	7982750	Số 274 ngày 21/04/2022 xã Q.Lộc	1.950.000.000	1.950.000.000	700.000.000	72.000.000	Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu.	Số 217 ngày 03/04/2023 của UBND xã Quảng Lộc
9	Nâng cấp các tuyến đường thôn Phủ Trịch xã Quảng Lộc	UBND xã Quảng Lộc	2022-2024	7861953	Số 176 ngày 05/10/2020	1.112.000.000	1.112.000.000	112.000.000	6.035.000	Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu.	Số 217 ngày 03/04/2023 của UBND xã Quảng Lộc
10	Bê tông hóa KM nối đồng từ đôi 2, đôi 1, đôi 4 thôn Vĩnh Phước	UBND xã Quảng Lộc	2022-2024	7973781	Số 666 ngày 30/08/2022 xã Q.Lộc	800.000.000	800.000.000	100.000.000	54.000.000	Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu.	Số 771 ngày 21/08/2023 của UBND xã Quảng Lộc
11	Nâng cấp sân chùa trường MN Quảng Lộc; HM: Sơn sơn	UBND xã Quảng Lộc	2023-2025	8029033	Số 607 ngày 10/09/2023 xã Q.Lộc	1.000.000.000	1.000.000.000	450.000.000	4.977.000	Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu.	Số 771 ngày 21/08/2023 của UBND xã Quảng Lộc

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2023	Đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2023 sang năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 49/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT					
						Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trung đó: Ngân sách huyện, xã				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13
12	Kênh tưới đầu nguồn và các tuyến rẽ thôn Tân Lộc, xã Quảng Tân	UBND xã Quảng Tân	2023-2024	8062159	Số 58/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	1.650.192.109	1.650.192.109	1.650.192.109	1.106.146.109	Công trình đang triển khai (theo c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 49/2020/NĐ-CP)	QĐ số 1638 ngày 07/08/2023
13	Đường GT kết hợp kết chống xói lở thôn Công Hoà xã Quảng Trung đi thôn Tân Xuân xã Quảng Tân (đoạn gần đầu làng thôn Công Hoà) (gđ2)	UBND xã Quảng Trung	2023-2024	8066192	Số 208/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	700.000.000	202.932.000	497.068.000	311.650.000	Công trình đang triển khai (theo c Khoản 1, Điều 48, Nghị định 49/2020/NĐ-CP)	Số 2723/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND xã

Biểu số 11.3
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÈO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2023	Khai thác thời gian đầu tiên và giải ngân trong năm 2024	Các lý do theo quy định tại các điều 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	Quyết định
					Số Quyết định ngày tháng năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện, xã				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	HUYỆN LỆ THUY (Tại Văn bản số 47/BC-UBND ngày 22/02/2024)					37.200.000.000	37.000.000.000	42.620.000.000	37.720.000.000		
A	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (TÍNH CẤP CHO HUYỆN)					37.200.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000	18.611.326.650		
1	Dự án Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường 30 nối Quốc lộ 1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp giai đoạn II	UBND huyện Lệ Thủy	7988105	2022-2024	Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện Lệ Thủy	30.000.000.000	50.000.300.000	30.000.000.000	12.921.326.650	Điểm 4 Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 (lý do dự án có tổng mức vốn lớn hơn giá trị vốn được duyệt trong năm lập luận chọn dự án vì chi công phải được tính 02 bước; sau khi được báo cáo địa phương báo cáo địa phương vào năm 10 của dự án không được thành công năm được)	Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của UBND tỉnh
2	Hỗ trợ xây dựng hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở trên địa bàn huyện Lệ Thủy	huyện Lệ Thủy		2023				5.020.000.000	2.690.000.000	Điểm 4 Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 (lý do nguồn vốn từ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND tỉnh quy định mức số giải ngân 2022-2023 nhưng dự án lại bị trì hoãn trong 2 năm (2023, 2024); sau khi địa phương báo cáo UBND huyện phân bổ chi trả vào 3 năm 2023, 2024, 2025, do đó được 2023 UBND huyện được sử dụng hết kế hoạch vốn đầu tư)	Số 3799/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 UBND tỉnh
B	CẤP XÃ QUẢN LÝ (HUYỆN CẤP CHO XÃ)							7.600.000.000	1.516.703.613		
1	Sửa chữa nâng cấp tuyến đường nội đồng kết nối với đường thương mại trung xã Hồng Thủy	Xã Hồng Thủy	8045826	2023-2024	Số 402/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND xã	3.200.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	901.388.000	Điểm 4 Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 (sau khi được báo cáo địa phương báo cáo địa phương vào năm 10 của dự án, do địa phương không được thành công năm được)	Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND huyện
2	Nâng cấp tuyến đường liên thôn từ thôn Văn Minh đi thôn Trưng Cầu	Xã Trưng Thủy	8061889	2023-2024	Số 101/QĐ-UBND ngày 22/1/2023 của UBND xã	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	15.315.613	Điểm 4 Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 (sau khi được báo cáo địa phương báo cáo địa phương vào năm 10 của dự án, do địa phương không được thành công năm được)	Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND huyện
2	Xây dựng nhà văn hóa TDP4, Thị trấn nông trường Lệ Ninh	TTNT Lệ Ninh						000.000.000	600.000.000	Điểm 4 Khoản 1 Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 (sau khi được báo cáo địa phương báo cáo địa phương vào năm 10 của dự án, do địa phương không được thành công năm được)	Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND huyện